

PHÒNG KINH TẾ HUYỆN VẠN NINH



**BÁO CÁO**  
**ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG**  
**của dự án**  
**“CHỢ TRUNG TÂM HUYỆN VẠN NINH”**

**ĐỊA ĐIỂM: XÃ VẠN THẮNG, HUYỆN VẠN NINH,  
TỈNH KHÁNH HÒA**

*Vạn Ninh, năm 2024*

PHÒNG KINH TẾ HUYỆN VẠN NINH

-----BCC-----

**BÁO CÁO**  
**ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG**  
của dự án  
**“CHỢ TRUNG TÂM HUYỆN VẠN NINH”**

**ĐỊA ĐIỂM: XÃ VẠN THẮNG, HUYỆN VẠN NINH,**  
**TỈNH KHÁNH HÒA**

**ĐƠN VỊ TƯ VẤN**  
**CÔNG TY TNHH TƯ VẤN**  
**ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG**  
**NGUYỄN BẢO**



**GIÁM ĐỐC**

*Lê Xuân Luật*

**CHỦ ĐẦU TƯ**  
**PHÒNG KINH TẾ**  
**HUYỆN VẠN NINH**  
**TRƯỞNG PHÒNG**



*Nguyễn Ngọc Ý*

*Vạn Ninh, năm 2024*

## MỤC LỤC

MỞ ĐẦU .....	4
1. XUẤT XỨ CỦA DỰ ÁN .....	4
1.1. Thông tin chung của dự án.....	4
1.2. Cơ quan tổ chức có thẩm quyền phê duyệt dự án đầu tư.....	4
2. Các văn bản pháp luật liên quan đến dự án .....	4
CHƯƠNG 1 .....	5
MÔ TẢ TÓM TẮT DỰ ÁN.....	6
1. Tóm tắt dự án .....	6
1.1. Thông tin chung về dự án.....	6
1.2. Vị trí địa lý, các đối tượng kinh tế - xã hội và các đối tượng khác có khả năng bị tác động bởi dự án.....	6
1.2.1. Vị trí dự án.....	6
1.2.2. Hiện trạng khu vực dự án .....	7
1.2.2.1. Hiện trạng hạ tầng kỹ thuật của dự án .....	7
1.2.3. Mục tiêu, quy mô và loại hình dự án.....	8
1.2.3.1. Mục tiêu của dự án .....	8
1.2.3.2. Quy mô dự án .....	8
1.2.3.3. Loại hình dự án .....	9
1.2. Các hạng mục công trình của dự án.....	9
CHƯƠNG 2 .....	13
ĐIỀU KIỆN MÔI TRƯỜNG TỰ NHIÊN, KINH TẾ - XÃ HỘI VÀ HIỆN TRẠNG MÔI TRƯỜNG KHU VỰC THỰC HIỆN DỰ ÁN.....	13
2.1. Điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội.....	13
2.1.1. Điều kiện tự nhiên .....	13
2.1.1.1. Đặc điểm địa hình, địa mạo .....	13
2.1.1.2. Điều kiện về khí hậu, khí tượng khu vực .....	13
2.1.2. Đặc điểm địa chất công trình .....	<b>Error! Bookmark not defined.</b>
2.2.2. Hiện trạng tài nguyên sinh vật.....	20
CHƯƠNG 3 .....	21

ĐÁNH GIÁ, DỰ BÁO TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN VÀ ĐỀ XUẤT CÁC BIỆN PHÁP, CÔNG TRÌNH BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG, ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG.....	21
3.1. Đánh giá tác động và đề xuất các biện pháp, công trình bảo vệ môi trường trong giai đoạn triển khai xây dựng dự án.....	21
3.1.1. Đánh giá, dự báo các tác động.....	21
3.1.1.1. Tác động do công tác đền bù, di dân, giải phóng mặt bằng .....	23
3.1.1.2. Tác động đến môi trường không khí .....	23
3.1.1.3. Tác động của tiếng ồn và độ rung .....	34
3.1.1.4. Tác động đến môi trường nước .....	37
3.1.1.5. Tác động đến môi trường đất .....	39
3.1.1.6. Tác động do chất thải rắn .....	40
3.1.1.7. Tác động đến kinh tế - xã hội khu vực dự án .....	44
3.1.1.8. Dự báo tác động gây nên bởi các rủi ro, sự cố của dự án.....	45
3.1.2. Các biện pháp, công trình bảo vệ môi trường đề xuất thực hiện.....	46
3.1.2.1. Giảm thiểu tác động từ công tác đền bù, di dân .....	46
3.1.2.2. Giảm thiểu tác động từ công tác giải phóng mặt bằng .....	46
3.1.2.3. Giảm thiểu tác động do quá trình san nền .....	47
3.1.2.4. Giảm thiểu tác động từ các máy móc, thiết bị thi công.....	48
3.1.2.5. Giảm thiểu tiếng ồn và rung động .....	48
3.1.2.6. Giảm thiểu tác động do nước thải .....	49
3.1.2.7. Giảm thiểu tác động do chất thải rắn.....	50
3.1.2.8. Giảm thiểu tác động đến kinh tế - xã hội khu vực dự án.....	52
3.1.2.9. Biện pháp quản lý, phòng ngừa và ứng phó rủi ro, sự cố của dự án .....	52
3.2. Đánh giá tác động và đề xuất các biện pháp, công trình bảo vệ môi trường trong giai đoạn dự án đi vào vận hành .....	54
3.3. Nhận xét về mức độ chi tiết, độ tin cậy của các kết quả đánh giá, dự báo .....	55
CHƯƠNG 4.....	56
CHƯƠNG TRÌNH QUẢN LÝ VÀ GIÁM SÁT MÔI TRƯỜNG.....	56
4.1. Chương trình quản lý môi trường của dự án.....	56
4.2. Chương trình giám sát môi trường.....	57
4.2.1. Giám sát chất lượng nước.....	57
4.2.2. Giám sát chất lượng không khí.....	57



KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ .....	58
1. KẾT LUẬN .....	58
2. KIẾN NGHỊ .....	58
3. CAM KẾT.....	59
VĂN BẢN PHÁP LÝ CỦA DỰ ÁN.....	61

## MỞ ĐẦU

### 1. XUẤT XỨ CỦA DỰ ÁN

#### 1.1. Thông tin chung của dự án

Dự án Chợ Trung tâm huyện Vạn Ninh, tỉnh Khánh Hòa thuộc Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 của huyện Vạn Ninh được UBND tỉnh Khánh Hòa phê duyệt tại Quyết định số 701/QĐ-UBND ngày 14/3/2024 và nằm trong Danh mục vốn đầu tư phát triển bổ sung ban hành kèm theo Nghị quyết số 04/NQ-HĐND ngày 28/3/2024 của HĐND tỉnh Khánh Hòa Điều chỉnh chủ trương đầu tư Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2021-2025 đã được ban hành tại Nghị quyết số 62/NQ-HĐND ngày 22/8/2022 và Nghị quyết số 27/NQ-HĐND ngày 21/7/2023 của HĐND tỉnh. Để thực hiện dự án, công tác đền bù giải phóng mặt bằng là khâu rất quan trọng trong việc đảm bảo cho dự án thực hiện đúng tiến độ. Với địa thế là một xã giáp biển, tiềm năng phát triển kinh tế vô cùng thuận lợi. Vì vậy, việc di dời, bồi thường hỗ trợ và xây dựng Chợ Trung tâm huyện Vạn Ninh nhằm xây dựng chợ đạt tiêu chuẩn quy mô chợ hạng II là rất cần thiết nhằm phát triển kinh tế địa phương, cải tạo môi trường và sử dụng quỹ đất hợp lý, hiệu quả. Đồng thời, đảm bảo đạt tiêu chí cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn để xã Vạn Thắng đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao và huyện Vạn Ninh đạt chuẩn huyện nông thôn mới năm 2024.

Thực hiện nghiêm chỉnh Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 được Quốc hội Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/11/2020 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2022 (Luật BVMT 2020); Căn cứ điểm c, khoản 1, Điều 28 Luật BVMT 2020 quy định Tiêu chí về môi trường để phân loại dự án đầu tư, dự án có diện tích đất trồng lúa nước 02 vụ; Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 30 và khoản 4 Điều Điều 28 Luật BVMT 2020, căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính Phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường, dự án Chợ Trung tâm huyện Vạn Ninh có yêu cầu chuyển đổi mục đích sử dụng đất trồng lúa với diện tích đất lúa 2 vụ 1.940 m<sup>2</sup> thuộc thẩm quyền chấp thuận của HĐND tỉnh Khánh Hòa thuộc số mục số 6 – Phụ lục IV là dự án đầu tư nhóm II, thuộc đối tượng phải lập báo cáo đánh giá tác động môi trường. Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Phòng Kinh tế huyện Vạn Ninh tiến hành lập Báo cáo ĐTM cho dự án Chợ Trung tâm huyện Vạn Ninh với diện tích 1.940 m<sup>2</sup> với đơn vị tư vấn là Công ty TNHH Tư vấn Đầu tư và Xây dựng Nguyên Bảo.

#### 1.2. Cơ quan tổ chức có thẩm quyền phê duyệt dự án đầu tư

### 2. Các văn bản pháp luật liên quan đến dự án

- Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;
- Căn cứ Luật đầu tư công số 39/2019/QH14 ngày 13/6/2019;
- Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/06/2014 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
- Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật xây dựng số 62/2020/QH14 của Quốc hội ngày 17/6/2020;
- Căn Cứ Luật môi trường số 72/2020/QH14 gày 17/10/2020;
- Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ về việc Quy định chi tiết thi hành một số điều của luật đầu tư công;
- Căn cứ Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ về việc Quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;
- Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về việc Quản lý chi phí đầu tư xây dựng;
- Căn cứ Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11/11/2021 của Chính phủ về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công;
- Căn cứ Nghị định số 60/2024/NĐ-CP ngày 05/6/2024 của Chính phủ về phát triển và quản lý chợ;
- Căn cứ Thông tư 11/2021/TT-BXD ngày 31/08/2021 của Bộ Xây dựng về việc hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng;
- Căn cứ Quyết định số 298/QĐ-TTg ngày 27/3/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đồ án Điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế Vân Phong, tỉnh Khánh Hoà đến năm 2040, tầm nhìn đến năm 2050;
- Căn cứ Nghị quyết số 04/NQ-HĐND ngày 28/3/2024 của HĐND tỉnh Khánh Hòa về điều chỉnh chủ trương đầu tư Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2021-2025 đã được ban hành kèm theo Nghị quyết số 62/NQ-HĐND ngày 22/8/2022 và Nghị quyết số 27/NQ-HĐND ngày 21/7/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh.
- Căn cứ Quyết định số 701/QĐ-UBND ngày 14/03/2024 của UBND tỉnh Khánh Hoà về việc phê duyệt Điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và Kế hoạch sử dụng đất năm đầu của điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất huyện Vạn Ninh;
- Căn cứ công văn số 1302/UBND-TCKT ngày 12/4/2024 của UBND huyện Vạn Ninh về việc giao nhiệm vụ lập dự án đối với dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới.

## CHƯƠNG 1 MÔ TẢ TÓM TẮT DỰ ÁN

### 1. Tóm tắt dự án

#### 1.1. Thông tin chung về dự án

- Tên dự án: **CHỢ TRUNG TÂM HUYỆN VẠN NINH.**
- Địa điểm thực hiện: Xã Vạn Thắng, huyện Vạn Ninh, tỉnh Khánh Hòa.
- Cơ quan quyết định đầu tư: Phòng Kinh tế huyện Vạn Ninh - UBND huyện Vạn Ninh.
- Hình thức đầu tư: Xây dựng mới.
- Tổng mức đầu tư :
  - + Nguồn kinh phí: Ngân sách tỉnh và ngân sách huyện.
  - + Tổng mức đầu tư: 20.000.000.000 đồng.

#### 1.2. Vị trí địa lý, các đối tượng kinh tế - xã hội và các đối tượng khác có khả năng bị tác động bởi dự án

##### 1.2.1. Vị trí dự án

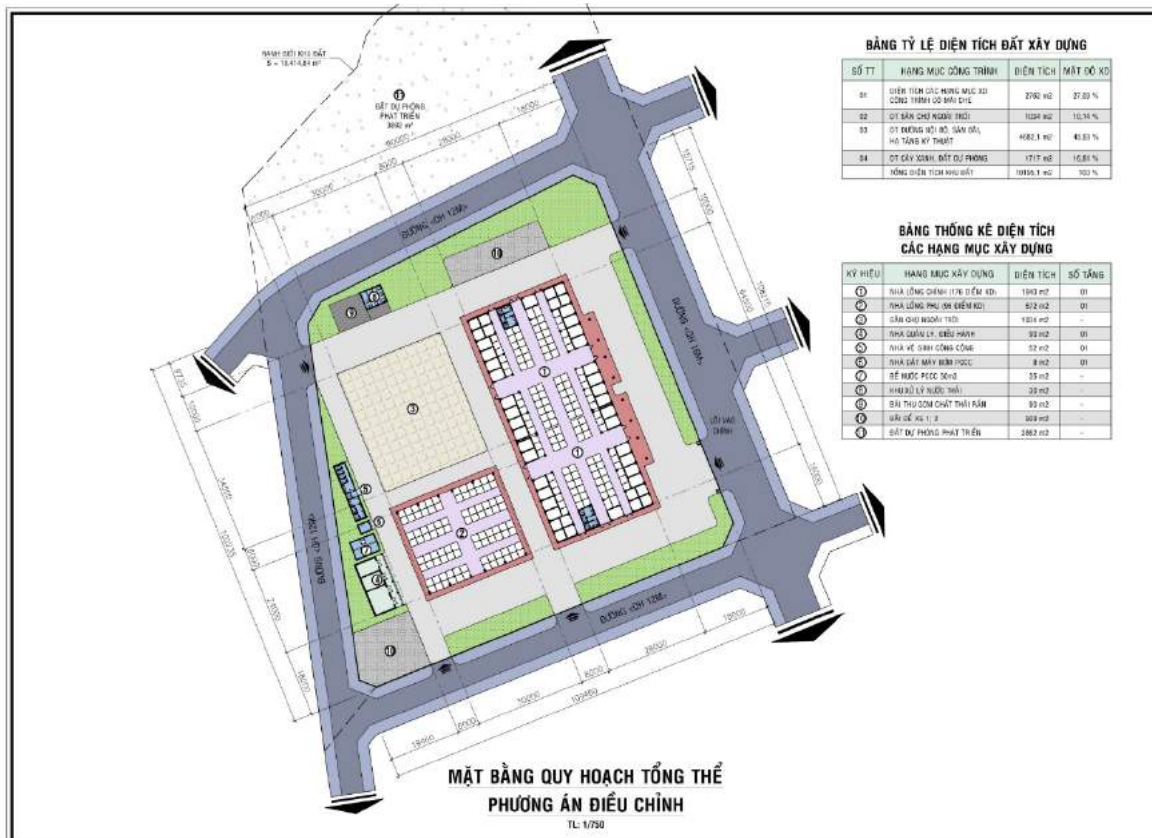
Dự án Chợ Trung tâm huyện Vạn Ninh nằm trên địa bàn xã Vạn Thắng của huyện Vạn Ninh.

Vị trí, giới hạn khu đất dự kiến đầu tư xây dựng có tứ cận tiếp giáp:

- + Phía Bắc: Giáp khu dân cư hiện hữu (ven đường Nguyễn Huệ);
- + Phía Đông: Giáp đường quy hoạch 16m, đã được đầu tư một đoạn trong khu dân cư ruộng cận giai đoạn 1, đoạn còn lại giáp với ruộng lúa.
- + Phía Nam: Giáp với đường rộng 12m, đã được đầu tư trong khu dân cư ruộng cận giai đoạn 1;
- + Phía Tây: Giáp ruộng lúa.

##### ***Hiện trạng sử dụng đất:***

Khu vực thực hiện dự án là đất ruộng lúa đã được cấp quyền sử dụng đất cho người dân theo NĐ64, hạ tầng kết nối khu vực đang được đầu tư.



Hình 1: Vị trí xây dựng Chợ trung tâm huyện Vạn Ninh

## 1.2.2. Hiện trạng khu vực dự án

### 1.2.2.1. Hiện trạng khu vực dự án

Vị trí lô đất xây dựng: Khu vực thực hiện dự án là đất ruộng lúa Cao độ trung bình thấp hơn cao độ đường Nguyễn Huệ trung bình khoảng -1.4m.

+ Phía Nam giáp đường BTN hiện hữu (đường quy hoạch rộng 12m),

+ Phía Đông giáp 1 đoạn đường đất (đường quy hoạch rộng 16m), đoạn đường này thuộc công trình nâng nền và xây dựng cơ sở hạ tầng khu dân cư Ruộng Cạn được xây dựng năm 2020.

+ Hiện trạng giao thông: trong khu dự án chưa được đầu tư xây dựng đường giao thông, là vùng trồng lúa chỉ có một số đường mòn đi trên bờ ruộng.

### 1.2.2.2. Hiện trạng hạ tầng kỹ thuật của dự án

#### (1) Hệ thống cấp điện, nước

❖ **Cấp điện:** từ lưới điện quốc gia của Điện lực Vạn Ninh. Hiện trạng trên đường nhựa hiện trạng (phía Nam) đã được đầu tư xây dựng cấp điện và điện chiếu sáng, do đó việc cấp điện cho dự án gặp nhiều thuận lợi

❖ **Cấp nước:**

Qua điều tra khảo sát, hiện nay đường ống cấp nước D63 đã được xây dựng, chạy dọc theo đường nhựa hiện hữu (theo hồ sơ công trình nâng nền và xây dựng cơ sở hạ tầng khu dân cư Ruộng Cạn).

## **(2) Hệ thống thoát nước thải**

Hiện trạng khu vực thiết kế là vùng trồng lúa, nước thoát theo 2 vị trí như sau:

- Mương thủy lợi khẩu độ 1x1m bằng đá chẻ xây chạy dọc khu đất theo hướng Bắc Nam, mương còn sử dụng, 1 số vị trí bị hư hỏng, đoạn mương này thoát về khu dân cư Ruộng Cạn.

- Vị trí thứ 2 là mương bê tông nằm dọc theo vỉa hè đường nhựa hiện hữu.

## **(3) Hệ thống giao thông**

Hiện trạng khu vực thiết kế là vùng trồng lúa chỉ có một số đường mòn đi trên bờ ruộng.

## **(4) Hiện trạng thoát nước thải và vệ sinh môi trường**

Hiện trạng khu vực chưa có hệ thống nước thải cũng như hệ thống thu gom rác thải chưa được tổ chức cụ thể.

### **1.2.3. Mục tiêu, quy mô và loại hình dự án**

#### **1.2.3.1. Mục tiêu của dự án**

Đầu tư xây dựng chợ đạt tiêu chuẩn quy mô chợ hạng II, đồng bộ kết nối với khu vực cảng cá Quảng Hội và các công trình hạ tầng trong khu vực.

Giải quyết tình trạng ô nhiễm môi trường, xuống cấp của chợ Vạn Ninh cũ và chợ Quảng Hội, kinh doanh tự phát trong và ngoài khu chợ hiện tại.

Ổn định an ninh trật tự xã hội, an toàn giao thông cho khu vực.

Đáp ứng mong mỏi của nhân dân về nơi trao đổi, giao lưu hàng hoá, nhất là mặt hàng thủy hải sản.

Đảm bảo đạt tiêu chí cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn để xã Vạn Thắng đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao và huyện Vạn Ninh đạt chuẩn huyện nông thôn mới năm 2024.

#### **1.2.3.2. Quy mô dự án**

Cấp, loại, nhóm công trình: Công trình dân dụng; Nhóm C.

- Loại công trình: Chợ.
- Diện tích xây dựng: 1.940 m<sup>2</sup>
- Tổng DT sàn xây dựng: 1.940 m<sup>2</sup>
- Số tầng xây dựng: 01 tầng.

- Cấp công trình: Cấp III.

### 1.2.3.3. Loại hình dự án

- Dự án đầu tư xây dựng chợ Trung tâm huyện Vạn Ninh.
- Hình thức đầu tư xây dựng mới.
- Nguồn vốn đầu tư xây dựng: Ngân sách tỉnh và ngân sách huyện
- Nhóm dự án: Nhóm C.
- Loại, cấp công trình: Công trình dân dụng; cấp III.

### 1.2.4. Các hạng mục công trình của dự án

Xây dựng chợ Trung tâm huyện Vạn Ninh gồm các hạng mục chính sau:

- San nền tạo mặt bằng.
- Xây dựng Nhà lồng chính
- Xây dựng nhà lồng phụ
- Nhà đặt máy bơm chữa cháy
- Hạ tầng kỹ thuật bao gồm: San nền, rải cấp phối đá dăm sân đường nội bộ, hệ thống mương thoát nước mưa, hệ thống PCCC, Hệ thống xử lý và thoát nước thải, Hệ thống cấp điện, cấp nước cho toàn bộ dự án.
- Xây dựng nhà quản lý điều hành.
- Hoàn thiện cho hạng mục sân đường nội bộ.
- Xây dựng nhà vệ sinh công cộng.
- Xây dựng các hạng mục ở quỹ đất phát triển chợ theo nhu cầu ở giai đoạn 2.

#### 1.2.4.1. Hạng mục: Nhà lồng chính:

- Diện tích xây dựng: 1.940 m<sup>2</sup>
- Tổng DT sàn xây dựng: 1.940 m<sup>2</sup>
- Số tầng xây dựng: 01 tầng.
- Cấp công trình: Cấp III.

Gồm các phòng chức năng sau:

Stt	Công năng sử dụng	Số lượng	Diện tích (m <sup>2</sup> )	Tổng diện tích (m <sup>2</sup> )
<b>I</b>	<b>Tổng diện tích</b>			<b>1.940,00</b>
1	Căn kios K1	28	12	336,00
2	Căn Kios K2	16	09	144,00
3	Căn Kios K3	02	12	24,00

4	Sạp S1	126	04	504,00
5	Sạp S2	04	06	24,00
6	Khu vệ sinh	02	24	48,00
7	Diện tích hành lang, giao thông, kết cấu	01		860,00

Bố trí sảnh chính, các kios, sạp chợ hợp lý đảm bảo dễ tiếp cận thuận tiện cho giao thông cho việc buôn bán và phòng cháy chữa cháy thoát nạn.

#### 1.2.4.2. Nhà lồng phụ:

Diện tích xây dựng: 672 m<sup>2</sup>

Số tầng xây dựng: 01 tầng

Tổng DT sàn xây dựng: 672 m<sup>2</sup>

Cấp công trình: Cấp III

Quy mô các phòng chức năng như sau:

Stt	Công năng sử dụng	Số lượng	Diện tích (m <sup>2</sup> )	Tổng diện tích (m <sup>2</sup> )
<b>I</b>	<b>Tổng diện tích</b>			<b>672,00</b>
1	Sạp 4m <sup>2</sup>	96	04	384,00
2	Diện tích hành lang, giao thông, kết cấu	01		288,00

#### 1.2.4.3. Nhà đặt máy bơm:

Diện tích xây dựng: 8m<sup>2</sup>

Số tầng xây dựng: 01 tầng

Tổng DT sàn xây dựng: 8m<sup>2</sup>

Cấp công trình: Cấp IV

#### 1.2.4.4. Hạ tầng kỹ thuật:

- San nền: San nền toàn bộ khu đất thu hồi với chiều cao đắp trung bình 1.4m.

- Sân đường nội bộ: Đường nội bộ, sân nền bê tông đá 4x6 VXM M50, trên đổ lớp bê tông đá 1x2 VBT M300 dày 18cm, kê roon 3mx3m. các khu vực sân đường còn lại rải cấp phối đá dăm.

- Hệ thống thoát nước mưa: Cống được bố trí theo chế độ tự chảy, dựa trên độ dốc của mặt bằng san nền và độ dốc dọc của hệ thống đường. Trên cơ sở dốc dọc các tuyến đường theo quy hoạch, hệ thống thoát nước được tính toán có cống ngang đường kính D40cm, cống dọc có đường kính từ D60cm và mương BTXM đáy đan. Toàn bộ nước mưa được thu gom vào các hố thu, theo hệ thống cống dọc và ngang dẫn về 2 hướng, 1 hướng đầu nối vào hệ thống thoát nước trên đường rộng 16m, 1 hướng đầu nối vào



mương bê tông hiện hữu thuộc công trình nâng nền và xây dựng cơ sở hạ tầng khu dân cư Ruộng Cạn.

- Hệ thống PCCC: Thiết kế tính toán theo tiêu chuẩn hiện hành.

- Hệ thống xử lý nước thải: Xử lý qua hệ thống lọc rác, lắng kỵ khí, lọc đảm bảo tiêu chuẩn nước để thoát ra môi trường.

- Hệ thống cấp điện: Xây dựng hệ thống cấp điện phục vụ kinh doanh chợ, hệ thống PCCC, chiếu sáng toàn bộ cho khu vực chợ.

- Hệ thống bó vỉa, cây xanh thảm cỏ theo tổng mặt bằng được phê duyệt.

### 1.2.5. Giải pháp tổng mặt bằng tổng thể:

Chợ trung tâm huyện Vạn Ninh được xây dựng trong khuôn viên có tổng diện tích là 19.500 m<sup>2</sup>. Nền địa hình lấy cốt nền theo cốt nền trục đường Nguyễn Huệ:

#### ❖ Nhà Lồng chính:

- Nhà Lồng chính 01 tầng nằm ở vị trí trung tâm, mặt tiền hướng mặt đường Nguyễn Huệ rộng 16m với một khoảng sân, thảm cỏ phía trước và 2 lối vào.

#### ❖ Nhà Lồng Phụ:

- Nhà Lồng phụ 01 tầng: Nằm phía sau nhà lồng chính có lối tiếp cận chính với trục đường 12m.

#### ❖ Khu nhà điều hành, vệ sinh chung:

- Nằm ở cuối khu đất hướng tiếp cận chính là trục đường 12m

#### ❖ Khu tập kết chất thải rắn, xử lý nước thải:

- Nằm ở cuối Phía bắc khu đất.

#### ❖ Hạ tầng kỹ thuật:

Xung quanh Khu chợ bố trí đường với bề rộng là 12m đảm bảo cho xe PCCC hoạt động khi có sự cố và xe tải phục vụ vận chuyển hàng hoá thuận lợi tiếp cận từ các hướng, giữa các hạng mục kết hợp với khuôn viên cây xanh và sân đường nội bộ. Xung quanh khu chợ là mảng cây xanh, thảm cỏ. Hệ thống cây xanh, thảm cỏ được bố trí linh hoạt, thẩm mỹ tạo cho tổng thể công trình có một màu xanh đặc trưng, thân thiện với thiên nhiên và môi trường xung quanh.

#### **Bảng cơ cấu sử dụng đất trên tổng mặt bằng của dự án:**

##### **Các hạng mục công trình:**

TT	Hạng mục	Diện tích xây dựng (m <sup>2</sup> )	Tầng cao (tầng)
1	Nhà lồng chính	1.940,00	01
2	Nhà lồng phụ	672,00	01
3	Sân chợ ngoài trời	1.034,00	
4	Nhà quản lý, điều hành	90,00	01

<b>TT</b>	<b>Hạng mục</b>	<b>Diện tích xây dựng (m<sup>2</sup>)</b>	<b>Tầng cao (tầng)</b>
5	Nhà vệ sinh công cộng	52,00	01
6	Nhà đặt máy bơm chữa cháy	08,00	
7	Bể nước chữa cháy	50	
8	Khu xử lý nước thải	30	
9	Bãi thu gom chất thải rắn	90	
10	Bãi xe	509	
11	Đất dự phòng phát triển	3.862	

Ngoài các công trình xây dựng chính thì còn có các hạng mục hạ tầng kỹ thuật như: Đường nội bộ, mương thoát nước, công hàng rào, trạm biến áp ...

## CHƯƠNG 2

### ĐIỀU KIỆN MÔI TRƯỜNG TỰ NHIÊN, KINH TẾ - XÃ HỘI VÀ HIỆN TRẠNG MÔI TRƯỜNG KHU VỰC THỰC HIỆN DỰ ÁN

#### 2.1. Điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội

##### 2.1.1. Điều kiện tự nhiên

##### 2.1.1.1. Đặc điểm địa hình, địa mạo

Vị trí lô đất xây dựng: Khu vực thực hiện dự án là đất ruộng lúa Cao độ trung bình thấp hơn cao độ đường Nguyễn Huệ trung bình khoảng -1.4m.

Vị trí, giới hạn khu đất dự kiến đầu tư xây dựng có tứ cận tiếp giáp:

+ Phía Bắc: Giáp khu dân cư hiện hữu (ven đường Nguyễn Huệ);

+ Phía Đông: Giáp đường quy hoạch 16m, đã được đầu tư một đoạn trong khu dân cư ruộng cận giai đoạn 1, đoạn còn lại giáp với ruộng lúa.

+ Phía Nam: Giáp với đường rộng 12m, đã được đầu tư trong khu dân cư ruộng cận giai đoạn 1;

+ Phía Tây: Giáp ruộng lúa;

- Nói chung bên ngoài khu đất thực hiện dự án được bao bọc bởi các tuyến đường quy hoạch.

- Vị trí khu đất đã có hệ thống hạ tầng kỹ thuật đầy đủ, thuận lợi cho giao thông tiếp cận, đấu nối cấp điện, cấp nước, thoát nước.

Tham khảo kết quả khảo sát địa chất của công trình khu vực lập dự án rất thuận tiện cho việc xây dựng cụ thể là:

Lớp 1: lớp cát mịn màu xám nhạt, xám trắng, ướt, trạng thái chặt vừa đến không chặt.

Lớp 2: lớp cát vừa, màu xám nhạt, chứa san hô mảnh màu trắng đục, ướt, trạng thái chặt vừa.

Sức chịu tải của đất nền:  $R_n=1,6\text{kg/cm}^2$

Dung trọng của đất:  $=1,56\text{g/cm}^3$

Góc ma sát của đất:  $=11002'$

##### 2.1.1.2. Điều kiện về khí hậu, khí tượng khu vực

Đặc tính khí hậu tại khu vực thành phố Nha Trang vừa chịu ảnh hưởng của khí hậu nhiệt đới gió mùa, vừa chịu ảnh hưởng của khí hậu đại dương nên tương đối ôn hòa. Khí hậu khu vực dự án chia làm 2 mùa rõ rệt: mùa khô và mùa mưa, trong đó thông thường mùa mưa bắt đầu từ tháng IX đến tháng XII với lượng mưa phân phối không đồng đều và mùa khô bắt đầu từ tháng I đến tháng VIII năm sau:

##### (1) Nhiệt độ không khí

**Bảng 2.1. Nhiệt độ không khí trung bình từ năm 2015 – 2021**

(đơn vị: °C)

	2015	2016	2017	2018	2019	2020	2021
Tháng 1	23,2	25,8	25,3	25,1	25,0	25,3	23,7
Tháng 2	24,2	25,1	25,1	24,1	25,9	25,3	24,3
Tháng 3	26,2	25,6	26,2	26,2	27,4	27,3	26,7
Tháng 4	27,5	27,9	27,5	29,4	29,1	28,3	28,0
Tháng 5	29,6	29,6	28,8	29,4	29,8	29,7	29,1
Tháng 6	29,5	28,9	29,5	28,9	30,8	29,5	29,4
Tháng 7	29,2	29,0	28,9	29,5	29,8	29,1	29,1
Tháng 8	29,2	29,9	29,1	29,9	30,2	29	29,2
Tháng 9	28,9	28,7	28,9	28,1	28,3	29,2	28,0
Tháng 10	28,0	27,3	27,6	27,6	27,7	29,4	27,6
Tháng 11	26,8	27,1	26,8	26,4	26,1	26,7	26,3
Tháng 12	26,3	25,4	25,1	26,4	24,8	25,1	25,1
TB năm	<b>27,4</b>	<b>27,5</b>	<b>27,4</b>	<b>27,6</b>	<b>27,9</b>	<b>25,7</b>	<b>27,5</b>

*Nguồn: Theo Đài khí tượng thủy văn khu vực Nam Trung Bộ*

Nhận xét:

Theo kết quả thống kê:

- Nhiệt độ trung bình năm: 25,7°C - 27,9°C.

- Nhiệt độ trung bình tháng cao nhất: 06/2019 (30,8°C), tháng thấp nhất là tháng 01/2015 (23,2°C).

Như vậy, biên độ thay đổi nhiệt độ trung bình các tháng (dao động  $\pm 3^{\circ}\text{C}$ ) so với năm tại khu vực là không lớn và không thất thường, phù hợp cho phát triển dự án.

**(2) Số giờ nắng**

Số giờ nắng trung bình các tháng trong năm từ năm 2015 – 2021 như sau:

**Bảng 2.2. Số giờ nắng từ năm 2015 – 2021**

(đơn vị: giờ)

	2015	2016	2017	2018	2019	2020	2021
Tháng 1	210	192	95	103	170	242	128
Tháng 2	228	168	154	182	241	197	209
Tháng 3	278	251	260	274	270	294	268

	2015	2016	2017	2018	2019	2020	2021
Tháng 4	167	266	235	274	303	253	264
Tháng 5	225	249	230	274	279	307	266
Tháng 6	244	225	270	184	262	236	249
Tháng 7	211	281	189	223	217	254	216
Tháng 8	284	256	259	216	259	230	279
Tháng 9	232	236	253	230	183	228	187
Tháng 10	217	156	157	235	218	122	149
Tháng 11	162	167	129	170	149	154	54
Tháng 12	181	59	103	120	182	67	100
<b>Tổng số giờ nắng</b>	<b>2.638</b>	<b>2.506</b>	<b>2.334</b>	<b>2.365</b>	<b>2.733</b>	<b>2.584</b>	<b>2.369</b>

Nguồn: Theo Đài khí tượng thủy văn khu vực Nam Trung Bộ

Nhận xét:

- Tổng số giờ nắng trung bình (2015 – 2020): 2.526 giờ
- Tổng số giờ nắng tháng thấp nhất: 59 giờ nắng (tháng 12/2016), tháng cao nhất: 307 giờ nắng (tháng 05/2020).

### (3) Lượng mưa

#### ❖ Lượng mưa trung bình năm

Lượng mưa trung bình qua các năm từ năm 2015 – 2021 như sau:

**Bảng 2.3. Lượng mưa trung bình qua các năm từ 2015 – 2021**

(đơn vị: mm)

	2015	2016	2017	2018	2019	2020	2021
Tháng 1	8,7	7,2	253,6	19,1	172,7	4,2	7,0
Tháng 2	1,4	17,9	40,0	5,9	3,5	5,9	0,4
Tháng 3	10,5	0,1	11,3	28,7	18,7	0,3	123,3
Tháng 4	4,3	25,1	97,3	27,6	-	23,1	112,7
Tháng 5	32,2	52,7	80,6	27,6	18,7	10,0	121,1
Tháng 6	96,2	88,2	39,5	80,9	12,3	10,1	31,9
Tháng 7	76,9	29,7	42,2	19	27,8	34,2	53,3
Tháng 8	1,4	82,2	46,3	16	23,9	72,9	38,1
Tháng 9	101,4	123,6	72,3	186,5	170,8	63,5	220,6
Tháng 10	198,1	255,3	159,9	344,9	268,9	278,8	487,6
Tháng 11	539,8	399,5	399,8	679,9	255,8	462,4	703,9

	2015	2016	2017	2018	2019	2020	2021
Tháng 12	195,3	1339,2	176	290,8	7,4	259,1	122,4
<b>Tổng lượng mưa</b>	<b>1.264,8</b>	<b>2.420,7</b>	<b>1.418,8</b>	<b>1.436,1</b>	<b>980,5</b>	<b>1.224,5</b>	<b>2.015,3</b>

*Nguồn: Theo Đài khí tượng thủy văn khu vực Nam Trung Bộ*

Nhận xét:

Theo như số liệu thống kê thì lượng mưa trung bình năm qua các năm (2015 – 2020) là 1.457 mm/năm. Lượng mưa qua các năm là không ổn định, dao động từ 980,5 mm (2019) – 2.420,7 mm (2016) cho thấy được diễn biến phức tạp của chế độ mưa tại khu vực.

- Các tháng có lượng mưa lớn từ tháng 9-12, lượng mưa chiếm từ 70-80%/năm, tháng có lượng mưa lớn nhất là tháng 10-11.

- Các tháng có lượng mưa thấp nhất từ 1-8, lượng mưa chiếm từ 20-80%/năm, tháng có lượng mưa thấp nhất là tháng 3.

❖ **Lượng mưa lớn nhất**

Tính đến cuối năm 2016, lượng mưa ngày lớn nhất Nha Trang là 160mm/ngày. Tuy nhiên, diễn biến thời tiết 03 năm gần đây có nhiều bất thường, một số ngày mưa rất to, riêng tháng 04/2019 không có mưa. Lượng mưa lớn nhất tại thành phố Nha Trang trong ngày là 382 mm/ngày do ảnh hưởng của cơn bão số 8 vào ngày 18/11/2018 (Nguồn: Theo Đài khí tượng thủy văn khu vực Nam Trung Bộ).

**(4) Độ ẩm không khí**

Độ ẩm tương đối trung bình qua các năm từ năm 2015 – 2021 được ghi nhận trong bảng sau:

**Bảng 2.4. Độ ẩm tương đối trung bình qua các năm 2015 – 2021**

(đơn vị: %)

	2015	2016	2017	2018	2019	2020	2021
Tháng 1	74	81	79	80	78	76	74
Tháng 2	77	75	77	76	77	74	74
Tháng 3	77	74	80	78	73	78	77
Tháng 4	77	81	83	76	75	78	81
Tháng 5	75	79	83	76	74	76	79
Tháng 6	73	77	78	78	71	76	76
Tháng 7	72	76	79	76	73	76	76
Tháng 8	77	75	79	73	71	77	77
Tháng 9	78	79	79	80	79	77	82

	2015	2016	2017	2018	2019	2020	2021
Tháng 10	79	84	82	76	79	82	83
Tháng 11	85	83	84	82	81	80	86
Tháng 12	80	86	77	82	76	80	76
<b>TB năm</b>	<b>77</b>	<b>79</b>	<b>80</b>	<b>77</b>	<b>76</b>	<b>77,5</b>	<b>78</b>

*Nguồn: Theo Đài khí tượng thủy văn khu vực Nam Trung Bộ*

Nhận xét:

Theo số liệu thống kê:

- Độ ẩm trung bình tại thành phố Nha Trang tương đối ổn định.
- Độ ẩm không khí trung bình năm (2015-2020): 77,5%
- Độ ẩm không khí trung bình tháng thấp nhất: tháng 02/2020 (69%)
- Độ ẩm trung bình tháng cao nhất: 12/2016 (86%).

**(5) Gió và hướng gió**

Từ tháng 9 đến tháng 3 năm sau, hướng gió thịnh hành tại Nha Trang là hướng Bắc, Đông Bắc và Tây Bắc, hướng gió Bắc chiếm tần suất từ 24,5% đến 35,8%. Từ tháng 4 đến tháng 8, hướng gió thịnh hành là Đông Nam chiếm tần suất từ 17,1% đến 24,4% và Tây Nam.

Theo số liệu nhiều năm tại trạm khí tượng Nha Trang, tốc độ gió trung bình năm là 2,4 m/s, gió mạnh nhất vào các tháng 11 (3,4 m/s), tháng 12 (4,1 m/s) và tháng 1 (3,4 m/s) và tốc độ gió thấp nhất vào tháng 6 (1,5 m/s).

**Bảng 2.5. Hướng gió thịnh hành và tần suất xuất hiện trong tháng**

Tháng	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Hướng	N	NE	NE	SE	SE	SE	SE	SE	NW	NW	N	N
Tần suất (%)	28,2	24,2	19,4	17,1	19,8	21,9	24,4	21,7	17,3	20,9	24,5	35,8

**Bảng 2.6. Tốc độ gió trung bình**

Tháng	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	TB năm
V (m/s)	3,4	3,1	2,7	2,2	1,8	1,5	1,6	1,6	1,6	2,1	3,4	4,1	<b>2,4</b>

*Theo: Báo cáo Nghiên cứu bổ sung đặc điểm khí hậu Khánh Hòa – 2015*

**(6) Bão**

- Khánh Hòa là vùng ít gió bão, tần số bão đổ bộ vào Khánh Hòa thấp, chỉ có khoảng 0,82 cơn bão/năm so với 3,74 cơn bão/năm đổ bộ vào bờ biển nước ta. Hầu hết

những cơn bão ảnh hưởng trực tiếp đến tỉnh Khánh Hòa thường hình thành vào cuối năm trên những vùng biển vĩ độ thấp như vùng biển phía nam Philippine và vùng biển phía đông nam khu vực Biển Đông.

- Con bão gần nhất đổ bộ vào Khánh Hòa là bão Damrey – còn gọi là cơn bão số 12 (ngày 04/11/2017) với sức gió cấp 12, giật cấp 15, sức gió mạnh nhất 130km/h (cụ thể như sau: Ninh Hòa 34m/s, Nha Trang 33m/s, Cam Ranh 18m/s). Bão số 12 gây mưa vừa đến mưa to với tổng lượng mưa từ ngày 03-05/11 phổ biến từ 100-220mm, riêng Vạn Ninh đạt 254mm. Bão số 12 đã gây thiệt hại nặng nề, nhất là tại các địa phương Vạn Ninh, Ninh Hòa, Nha Trang.

### **2.1.1.3. Đặc điểm thủy văn khu vực:**

Sông Chà Là ở phía Bắc và sông Hiền Lương ở phía Nam chảy ra Biển, cả hai sông này đều có chung 1 thượng nguồn là con sông Hậu, với Sông Hiền Lương chảy vòng ở phía Tây Nam thị trấn khoảng 2 km, chia ra làm nhiều nhánh như sông Bà Bường, sông Giữa, sông Hiền Lương, đều đổ ra cửa Giã.

Còn Sông Chà Là (còn có tên là sông Huyện) là một nhánh sông nhỏ của sông Hậu (hoặc còn gọi là sông Hậu), chảy qua địa bàn các xã Vạn Phú, Vạn Thắng và thị trấn Vạn Giã của huyện Vạn Ninh.

Sông Chà Là với hướng chảy Tây Bắc – Đông Nam, bản thân sông Chà Là có lưu vực khoảng 12Km<sup>2</sup>, chiều dài dòng chảy chính khoảng 7Km, chảy qua địa bàn các xã Vạn Phú, Vạn Thắng và thị trấn Vạn Giã của huyện Vạn Ninh, trên chiều dài nhánh sông trước khi đổ ra cửa Giã lần lượt cắt qua đường Quốc lộ IA (tại cầu Chà Là), đường sắt Thống Nhất (cầu đường sắt), đường Nguyễn Huệ (Cầu Huyện - Tỉnh lộ 10).

### **2.1.2. Điều kiện về kinh tế - xã hội khu vực dự án**

Toàn Huyện gồm có: 01 thị trấn, 12 xã. Huyện Vạn Ninh là trung tâm hành chính, chính trị, văn hóa, khoa học kỹ thuật của toàn Huyện. Trung tâm kinh tế, tập trung các cơ sở thương nghiệp, dịch vụ, tiêu thụ công nghiệp. Về mặt đối nội là đầu mối giao lưu kinh tế, văn hóa, khoa học kỹ thuật với các xã trong Huyện đồng thời cũng là nơi giao lưu mọi mặt với thành phố Nha Trang, các Huyện trong tỉnh và các Tỉnh lân cận.

Sau nhiều năm hình thành và phát triển theo quy hoạch chi tiết 1/500 khu trung tâm đô thị Vạn Giã, bộ mặt đô thị đã thay đổi rõ nét, nhiều công trình kiến trúc và hệ thống hạ tầng kỹ thuật được xây dựng.

Các tuyến đường chính đi qua thị trấn Vạn Giã như Quốc lộ 1 và các tuyến đường khác trong khu vực thị trấn đã và đang xây dựng sẽ tạo ra những tiền đề mới cho sự phát triển kinh tế – xã hội của huyện.

Thị trấn Vạn Giã nằm ở khu vực trung tâm của huyện, là trung tâm hành chính, văn hóa của toàn huyện.

Xã Vạn Thắng nằm ở phía Đông Bắc thị trấn Vạn Giã, huyện Vạn Ninh, tiếp giáp trực tiếp thị trấn Vạn Giã về phía Bắc nhưng ngăn cách nhau bởi con sông Chà Là (hay còn gọi là sông Cầu Huyện), là một xã ven biển, phát triển kinh tế dựa vào nông nghiệp,



nuôi trồng, đánh bắt thủy sản và dịch vụ. Địa hình xã phần lớn là đồng bằng tiếp giáp biển hướng Đông Nam, còn lại 21,9% diện tích đất là đồi núi nằm ở phía Bắc, Vạn Thắng là vùng đất có giá trị cao về khai thác nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản, và dịch vụ du lịch biển.

## **2.2. Hiện trạng chất lượng môi trường và đa dạng sinh học khu vực thực hiện dự án**

### **2.2.1. Đánh giá hiện trạng các thành phần môi trường**

- Địa điểm thực hiện dự án có hiện trạng dân cư thưa thớt, là khu vực ngập úng nước và ngập mặn. Một số diện tích đất đang được sử dụng nuôi trồng thủy hải sản nên ít nhiều gây ô nhiễm về đất và nguồn nước.

- Khu vực đầu tư xây dựng đã được quy hoạch chi tiết 1/500 và được xác định trở thành khu dân cư. Ngoài ra theo quy hoạch chung xây dựng khu kinh tế Vân Phong cũng đã xác định khu vực xây dựng là khu vực phát triển đô thị.

- Do đó dự án phù hợp với quy hoạch quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, nội dung bảo vệ môi trường trong quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh và các quy hoạch khác có liên quan.

### **2.2.2. Hiện trạng đa dạng sinh học**

#### **(1) Về thực vật**

- Mật độ che phủ rừng chiếm 55%, số còn lại nhân dân trồng xen các loại cây như : Bạch đàn, Keo....

Hiện tại khu vực có Diện tích rừng: 6,39 ha, gồm: 1,56 ha diện tích rừng tự nhiên; 4,83 ha diện tích rừng trồng

Cây trồng chủ lực là cây Tỏi, kết thúc niên vụ Tỏi, bà con Nhân dân tiếp tục trồng các loại cây ngắn ngày như: đậu phộng, bắp, bí đỏ,...

#### **(2) Về động vật**

Ngoài các động vật như chó, mèo, chim,... thì còn có các gia súc, gia cầm của người dân chăn thả như bò, gà, trâu,...

→ Nhìn chung, tính đa dạng sinh học của khu đất dự án không cao, trong khu vực không có loài động, thực vật đặc hữu hay có nguy cơ tuyệt chủng cần phải bảo vệ.

## **2.3. Nhận dạng các đối tượng bị tác động, yếu tố nhạy cảm về môi trường khu vực thực hiện dự án**

- Hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu ra vào dự án trong suốt quá trình xây dựng cũng sẽ ảnh hưởng đến hoạt động giao thông, bụi phát tán từ các phương tiện chuyên chở ảnh hưởng đến người dân tham gia giao thông và người dân sống trên các tuyến đường xe vận chuyển đi qua.

- Việc xây dựng tuyến đường sẽ phát sinh bụi, tiếng ồn,... ảnh hưởng đến sinh hoạt và việc đi lại của các nhà dân sống dọc theo tuyến đường xây dựng.

### **2.2.2. Hiện trạng tài nguyên sinh vật**

Hiện nay, tại khu vực dự án chưa có báo cáo tổng hợp, đề tài nghiên cứu nào về tài nguyên sinh vật. Vì vậy, số liệu, thông tin về tài nguyên sinh vật sẽ được tham khảo từ việc khảo sát thực tế. Qua khảo sát, nhận thấy thực vật tại khu vực dự án khá nghèo nàn, tính đa dạng sinh học không cao, không có loài động, thực vật đặc hữu hay có nguy cơ tuyệt chủng cần phải bảo vệ. Cụ thể:

- Về thực vật: chủ yếu là các loại cây bụi: mắc mề, cỏ, lau sậy, bèo lục bình. Ngoài ra còn có chàm bông vàng, bạch đàn, lúa và cây ăn quả của các hộ dân sinh sống ven khu vực dự án: dứa, chuối, xoài, chanh, bưởi...

- Về động vật: chủ yếu là một số loài chim, côn trùng, thủy sản nước ngọt. Ngoài ra còn có các loại gia cầm, gia súc do các hộ dân chăn thả.

### CHƯƠNG 3

## ĐÁNH GIÁ, DỰ BÁO TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN VÀ ĐỀ XUẤT CÁC BIỆN PHÁP, CÔNG TRÌNH BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG, ỨNG PHÓ SỰ CÓ MÔI TRƯỜNG

Dự án khi hoàn thành xong sẽ có ảnh hưởng tích cực đến việc phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Việc đầu tư xây dựng Chợ trung tâm huyện Vạn Ninh tại Khu dân cư Ruộng Cạn 2, xã Vạn Thắng theo các quy định về an toàn thực phẩm, phòng cháy chữa cháy, vệ sinh môi trường là rất cần thiết để. Những tác động này ở mức độ cao sẽ gây nên xáo trộn các yếu tố môi trường, thay đổi cảnh quan và đối tượng cuối cùng chịu ảnh hưởng là sức khỏe cộng đồng và tài nguyên thiên nhiên khu vực.

Theo từng giai đoạn, các hoạt động diễn ra khác nhau nên yếu tố tác động đến môi trường và nguồn gây ô nhiễm cũng sẽ thay đổi. Do vậy, chúng tôi sẽ đánh giá tác động của từng giai đoạn, cụ thể:

- Giai đoạn chuẩn bị: giải phóng mặt bằng;
- Giai đoạn xây dựng
- Giai đoạn hoạt động.

### 3.1. Đánh giá tác động và đề xuất các biện pháp, công trình bảo vệ môi trường trong giai đoạn triển khai xây dựng dự án

#### 3.1.1. Đánh giá, dự báo các tác động

**Bảng 3.1. Các nguồn tác động và đối tượng bị tác động có liên quan đến chất thải**

Stt	Các hoạt động	Nguồn gây tác động	Đối tượng bị tác động
1	Giải tỏa đất.	Hiện trạng đất ruộng nên giai đoạn giải tỏa không gây tác động	- Người dân sống gần khu vực giải tỏa. - Môi trường đất, thảm thực vật, sinh vật trong phạm vi dự án
2	Xây dựng chợ.	- Bụi và khí thải từ các thiết bị, phương tiện thi công san nền.	- Người dân sống gần khu vực dự án.
3	San lấp các khu vực.	- Khí thải từ thiết bị thi công (máy đào, máy xúc). - Đất, cát từ hoạt động san lấp	- Người dân sống gần khu vực dự án.

4	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đào đắp, móng công trình.</li> <li>- San nền cục bộ.</li> <li>- Thi công các hạng mục công trình.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bụi, khí thải của các máy móc tham gia thi công.</li> <li>- Bụi trong quá trình đắp đất, đổ đá hộc chân kè, san nền cục bộ</li> <li>- Rửa trôi nguyên vật liệu.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Người dân sống gần khu vực giải tỏa.</li> <li>- Môi trường đất, thảm thực vật, sinh vật trong phạm vi dự án</li> </ul>
5	Vận chuyển, lưu trữ nguyên, nhiên vật liệu.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bụi, khí thải trong quá trình vận chuyển.</li> <li>- Nước thải từ quá trình vệ sinh xe, thiết bị ra vào công trường.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Người dân sống gần khu vực giải tỏa.</li> <li>- Môi trường đất, thảm thực vật, sinh vật trong phạm vi dự án</li> </ul>
6	Sinh hoạt của công nhân thi công.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nước thải sinh hoạt</li> <li>- Chất thải rắn sinh hoạt</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Môi trường đất, thảm thực vật, sinh vật trong phạm vi dự án</li> </ul>

**Bảng 3.2. Các nguồn gây tác động môi trường không liên quan đến chất thải GDCB**

STT	Nguồn gây tác động	Đối tượng bị tác động
1	Tiếng ồn, rung (từ hoạt động phá dỡ nhà cửa, vận chuyển nguyên vật liệu xây dựng, thiết bị máy móc...)	- Công nhân thi công, người dân sinh sống gần khu vực dự án và 02 bên tuyến đường xe vận chuyển và bàn, cây cối.
2	Quá trình vận chuyển và bàn, vật liệu xây dựng lán trại gây cản trở hoặc tắc nghẽn hoạt động giao thông tại khu vực.	- Sinh hoạt người dân sống gần khu vực dự án.
3	Tập trung nhiều công nhân để tiến hành phá dỡ nhà cửa, chặt phá cây cối.	- Mất trật tự an ninh xã hội do sự tập trung của công nhân.
4	Các sự cố, rủi ro: tai nạn lao động, tai nạn giao thông.	- Công nhân thi công, người dân qua lại khu vực dự án.
5	Tiếng ồn, độ rung của các phương tiện thi công cơ giới.	- Người dân sống gần khu vực giải tỏa.
6	Phá hủy hoặc làm thay đổi hệ sinh thái khu vực.	- Người dân sống gần khu vực giải tỏa.

7	Sự tập trung lớn của công nhân gây mất trật tự xã hội.	- Môi trường đất, thảm thực vật, sinh vật trong phạm vi dự án
---	--	---

### 3.1.1.1. Tác động do công tác đền bù, giải phóng mặt bằng

#### a. Tác động do công tác đền bù

Các công trình kiến trúc, nhà cửa phải di dời để phục vụ thi công công trình là tương đối ít nhưng nếu không hợp lý sẽ xảy ra tranh chấp kiện tụng đất đai giữa người dân với Chủ đầu tư, gây mất đoàn kết, mất lòng tin của người dân; hơn nữa làm cho thời gian đền bù, giải tỏa kéo dài, chậm tiến độ thi công và phát sinh các chi phí.

Bên cạnh đó, trong thời gian thực hiện công tác đền bù, giải tỏa sẽ gây ra một số ảnh hưởng đến đời sống của người dân địa phương do mất diện tích nuôi trồng thủy sản. Cụ thể:

- Làm xáo trộn cuộc sống của người dân bị thu hồi đất canh tác gây tổn thất về kinh tế và ổn định cuộc sống.

- Xét trên phạm vi chung thì dự án sẽ mang lại nhiều lợi ích xã hội, góp phần phát triển kinh tế, xã hội tại khu vực. Tuy nhiên, xét trên quy mô nhỏ đối với khu vực trong phạm vi giải tỏa thì kinh tế của các hộ dân này bị ảnh hưởng do mất nhà ở, đất trồng.

Chủ dự án sẽ phối hợp với chính quyền địa phương có chính sách bồi thường và hỗ trợ thỏa đáng đối với những hộ dân thuộc diện bị ảnh hưởng về mất đất canh tác, sản xuất.

#### b. Tác động do phát quang thực vật

- Công tác thu hồi đất sẽ được thông báo đến người dân để chuẩn bị bồi thường, bàn giao đất do vậy các loại cây lúa, cây ăn quả sẽ được người dân thu hoạch, các cây lớn được người dân tận thu, do vậy sinh khối phát quang chủ yếu là cây lúa, cây bụi nhỏ, đào gốc rễ của các cây lớn. Ước tính khối lượng sinh khối cần phải đem đi đổ bỏ là 30 tấn.

#### c. Tác động do sinh hoạt của công nhân

Các công nhân làm việc trong giai đoạn này chủ yếu là dân địa phương, đa phần không ở lại qua đêm tại lán trại, lượng chất thải sinh hoạt phát sinh không đáng kể, ít gây tác động xấu đến môi trường và có thể kiểm soát được

### 3.1.1.2. Tác động đến môi trường không khí

(1) Tác động đến không khí do công tác san, đắp đất để nâng cao độ mặt bằng dự án.

Địa hình hiện hữu đang ở trạng thái không đồng nhất trở thành bề mặt đất bằng phẳng đạt cao độ phù hợp phục vụ cho việc xây dựng dự án. Hoạt động đào, đắp nền đường và thi công hệ thống thoát nước được tiến hành theo lối cuốn chiếu, diễn ra đồng thời nên bụi phát sinh sẽ cộng hưởng bởi các hoạt động diễn ra cùng lúc.

Nguồn gây tác động đến môi trường không khí trong quá trình này chủ yếu là:

- Khí thải từ máy đào;
- Bụi từ hoạt động đào đắp nền đường;
- Bụi từ quá trình vận chuyển đất san lấp;
- Bụi từ quá trình san nền cục bộ.

*a. Tính toán nồng độ khí thải từ máy đào 1,25 m<sup>3</sup>*

Định mức tiêu hao nhiên liệu trung bình cho máy đào một gầu, bánh xích 1,25m<sup>3</sup> là 10,33 l/giờ (Định mức tiêu hao nhiên liệu lấy theo Phụ lục kèm theo Thông tư số: 06/2010/TT-BXD ngày 26 tháng 5 năm 2010 của Bộ Xây Dựng qui định về việc hướng dẫn phương pháp xây dựng giá ca máy và thiết bị thi công), tương đương 8,78 kg/giờ (tỷ trọng của dầu 0,85 kg/l). Lượng khí thải sinh ra khi đốt cháy 1kg dầu DO là 38 m<sup>3</sup> khí thải/kg DO.

Vậy lưu lượng khí sinh ra từ do hoạt động của máy đào là:

$$8,78 \text{ kg/h} \times 38 \text{ m}^3/\text{kg} = 333,64 \text{ m}^3/\text{h} \sim 0,093 \text{ m}^3/\text{s}.$$

Trên cơ sở đánh giá theo số liệu của WHO với thiết bị sử dụng nhiên liệu là dầu DO, tải lượng và nồng độ ô nhiễm các chất từ hoạt động máy đào được trình bày trong bảng.

**Bảng 3.3. Tải lượng các chất gây ô nhiễm từ máy đào 1,25 m<sup>3</sup>**

STT	Chất gây ô nhiễm	Hệ số ô nhiễm (kg/tấn dầu) (*)	Tải lượng ô nhiễm (kg/h)	Tải lượng ô nhiễm (g/s)
1	Bụi	4,3	0,038	0,010
2	SO <sub>2</sub>	20S	0,009	0,002
3	NO <sub>x</sub>	50	0,439	0,122
4	CO	20	0,176	0,049
5	THC	16	0,140	0,039

**Bảng 3.4. Nồng độ các chất gây ô nhiễm từ khí thải của máy đào 1,25 m<sup>3</sup>**

STT	Chất gây ô nhiễm	Nồng độ tính ở điều kiện thực (mg/m <sup>3</sup> )	QCVN (mg/m <sup>3</sup> )	Nồng độ tính ở điều kiện chuẩn (mg/Nm <sup>3</sup> )	QCVN 19-2009/ BTN-MT (cột B) (mg/Nm <sup>3</sup> )
1	Bụi	113,16	0,3*	196,06	200
2	SO <sub>2</sub>	26,32	0,35*	45,59	500
3	NO <sub>2</sub>	1.315,79	0,28	2.279,74	850

4	CO	526,32	30*	911,90	1000
5	THC	421,05	0,5**	729,52	-

Ghi chú:

\* QCVN 05:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về không khí xung quanh.

\*\* QCVN 06: 2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về một số chất độc hại trong không khí xung quanh.

- QCVN 19 – 2009/ BTNMT: quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ.

- Nồng độ tính ở điều kiện thực ( $mg/m^3$ ) = Tải lượng ô nhiễm (g/s) x  $10^3$  / Lưu lượng khí thải ( $m^3/s$ )

- Nồng độ tính ở điều kiện chuẩn ( $mg/Nm^3$ ) = Nồng độ điều kiện chuẩn ( $mg/m^3$ ) x Nhiệt độ thực (T + 273)/Nhiệt độ điều kiện chuẩn (273).

Nhận xét:

Kết quả từ bảng cho thấy nồng độ các chất ô nhiễm khí thải từ máy đào hầu hết đều nằm trong giới hạn cho phép của QCVN 19:2009/BTNMT, ngoài trừ hàm lượng  $NO_x$  vượt tiêu chuẩn cho phép gấp 2,68 lần. Trong phạm vi ảnh hưởng đến con người thì nồng độ các chất ô nhiễm từ hoạt động của máy đào đều vượt mức cho phép của QCVN 05-2013/BTNMT và QCVN 06-2009/BTNMT. Vì vậy đối tượng bị tác động chủ yếu là công nhân thi công trên công trường, do đó cần có những biện pháp giảm thiểu phù hợp để hạn chế sự tác động do khí thải máy đào gây ra.

#### b. Tải lượng bụi phát sinh do đào, đắp nền đường

Theo tài liệu của Cục Bảo vệ Môi trường Hoa Kỳ thì mức độ khuếch tán bụi từ hoạt động đào, đắp đất căn cứ trên hệ số ô nhiễm (E) (Nguồn: Air pollutant emission factors – Vol I, U.S. EPA - 2011).

$$E = 0,0016 \times k \times \frac{(U/2,2)^{1,3}}{(M/2)^{1,4}} \quad (1)$$

Trong đó:

+ E : Hệ số ô nhiễm, kg bụi/tấn đất.

+ k : Hệ số kích thước hạt bụi, trong trường hợp này đánh giá bụi TSP. Theo tài liệu Air pollutant emission factors – Vol I, U.S.EPA (2011) thì kích thước bụi <30 $\mu$ m làm đại diện để tính toán cho bụi TSP nên lấy k = 0,74.

<b>Kích thước bụi (<math>\mu</math>m)</b>	<b>&lt;30</b>	<15	<10	<5	<2.5
<b>Hệ số k</b>	<b>0,74</b>	0,48	0,35	0,2	0,11

+ U: Tốc độ gió trung bình m/s (U= 2,4 m/s).

+ M: Độ ẩm trung bình đất cát, lấy M=20%.

Như vậy, hệ số ô nhiễm bụi sẽ là:

$$E = 0,0016 \times 0,74 \times \frac{(2,4/2,2)^{1,3}}{(0,2/2)^{1,4}} = 0,033 \text{ kg bụi/tấn đất}$$

Tính toán khối lượng bụi phát sinh từ việc đào, đắp nền đường theo công thức:

$$W = E \times Q \times d \quad (2)$$

Trong đó:

+ W: Lượng bụi phát sinh bình quân (kg).

+ Q: Lượng đất đào, đắp (m<sup>3</sup>).

+ E: Hệ số ô nhiễm (kg bụi.tấn đất), E=0,065 kg bụi/tấn đất.

+ d: Tỷ trọng trung bình của đất đào, đắp (d= 1,44 tấn/m<sup>3</sup>).

Kết quả tính toán tải lượng bụi phát sinh do đào, đắp đường được thể hiện bảng dưới đây:

**Bảng 3.4. Kết quả tính toán tải lượng bụi phát sinh do đào, đắp thi công nền đường và hệ thống thoát nước**

TT	Diễn giải	Kết quả	
		Đào	Đắp
1	Khối lượng đất đào đắp nền đường (m <sup>3</sup> )	23.970,57	34.536,14
2	Khối lượng đất đào, đắp thi công hệ thống thoát nước (m <sup>3</sup> )	10.578,86	8.055,37
3	Tổng khối lượng đất đào, đắp nền đường và hệ thống thoát nước (m <sup>3</sup> )	34.549,43	42.591,51
4	Tải trọng TB đất, cát	d = 1,44 tấn/m <sup>3</sup>	
5	Hệ số ô nhiễm bụi E	E= 0,033 kg bụi/tấn đất	
6	Tổng lượng bụi phát sinh, (kg)	1.641,78	2.023,94
7	Thời gian đào, đắp (ngày)	180	180
<b>8</b>	<b>Lượng bụi phát sinh TB 1 ngày, g/s</b>	<b>0,25</b>	<b>0,31</b>

*Ghi chú:* Thời gian làm việc trung bình 10h/ngày.

❖ **Nồng độ bụi phát sinh do hoạt động đào đắp đất**

Bụi từ hoạt động đào, đắp đất phát tán trên diện tích rộng nên có thể áp dụng mô hình khuếch tán nguồn mặt để xác định nồng độ.

Khối không khí tại khu vực dự án được hình dung như một hình hộp với các kích thước chiều dài l (m), chiều rộng W (m) và chiều cao H (m), một cạnh đáy của hình hộp không khí song song với hướng gió.

Để dự báo tình hình ô nhiễm bụi phát sinh trong khu vực dự án, nồng độ bụi trong quá trình đào, đắp đất được tính toán theo công thức hình hộp (Theo Trần Ngọc Chấn – Tập 1, 2001) như sau:



$$C = C_0 + \frac{10^3 \times E \times l}{u \times H} \quad (\text{mg/m}^3) \quad (3)$$

Trong đó:

- $C_0$ : Nồng độ nền tại khu vực dự án ( $\text{mg/m}^3$ ),  $C_0 = (0,117 + 0,077 + 0,03) / 3 = 0,07$ .
- $E$ : Tải lượng phát thải của bụi trên diện tích khu vực dự án ( $\text{g/m}^2 \cdot \text{s}$ ).

$$E = M / (l \times B)$$

+  $B$ : Chiều rộng khối khí tính toán (m) tương ứng với chiều rộng nền đường, để xác định được phạm vi ảnh hưởng hai bên đường,  $B$  sẽ được mở rộng dần ra mỗi bên.

+  $l$ : Chiều dài khối khí tính toán (m) tương ứng với chiều dài nền đường,  $l$  cố định, nằm trong khoảng chiều dài của tuyến đường, được tính từ vị trí có hoạt động đào, đắp đến khoảng cách 100m. Khoảng cách này được xem là hợp lý vì dù có thay đổi ở khoảng cách nào thì phạm vi ảnh hưởng về chiều dài  $l$  vẫn nằm trong khu vực dự án.

+  $M$ : Tải lượng bụi ( $\text{g/s}$ ).

-  $u$ : Vận tốc gió trung bình tại khu vực ( $\text{m/s}$ ),  $u = 2,4 \text{m/s}$ .

-  $H$ : Chiều cao hòa trộn khí quyển (m), được hiểu là chất ô nhiễm phát thải từ mặt đất sẽ được hòa trộn một cách đều đặn đến độ cao hòa trộn và dừng lại ở đó không thể bay lên cao hơn,  $H = 10 \text{m}$ .

Kết quả tính bụi phát sinh từ hoạt động đào, đắp nền đường và thi công hệ thống thoát nước được thể hiện tại hình 3.4 dưới đây:

**Bảng 3.5. Nồng độ bụi phát tán trong không khí do đào, đắp nền đường và thi công hệ thống thoát nước**

TT	$l$ (m)	$B$ (m)	Nồng độ bụi tính toán ( $\text{mg/m}^3$ )	QCVN 05:2013/BTNMT Trung bình 1h
<b>1</b>	<b>Đào đất</b>			<b>0,3</b>
	1.608,4	10	1,11	
	1.608,4	30	0,42	
	1.608,4	<b>50</b>	0,28	
<b>2</b>	<b>Đắp đất</b>			
	1.608,4	10	0,51	
	1.608,4	30	0,34	
	1.608,4	<b>60</b>	0,29	

Ghi chú:

- QCVN 05:2013/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về không khí xung quanh.

Nhận xét:

- Nhìn chung, hoạt động đào, đắp nền đường và đào, đắp thi công hệ thống thoát nước trong khu vực dự án, lượng bụi phát sinh vượt Quy chuẩn 05:2013/BTNMT trong phạm vi 60m trở lại.

- Hoạt động đào, đắp nền đường và thi công hệ thống thoát nước được tiến hành theo lối cuốn chiếu, diễn ra đồng thời nên bụi phát sinh sẽ cộng hưởng bởi các hoạt động diễn ra cùng lúc do vậy bụi phát tán ra môi trường xung quanh sẽ tăng hơn, phạm vi phát tán lớn hơn so với tính toán.

- Trong quá trình đào, đắp đất nền đường các phần tử bụi có kích thước và trọng lượng lớn sẽ nhanh chóng rơi xuống đất dưới tác dụng của trọng lực. Các phần tử bụi có kích thước và trọng lượng nhỏ sẽ bay lơ lửng trong không khí và phát tán đi xa, đây chính là thành phần gây tác động mạnh đến chất lượng không khí xung quanh. Vào những ngày thời tiết hanh khô, nắng, không có gió hoặc gió nhẹ, mức độ phát tán bụi không lớn, những ngày có gió lớn, bụi, khí thải phát tán đi xa theo chiều gió thổi làm phạm vi ảnh hưởng chất lượng môi trường không khí bị mở rộng.

- Bụi lơ lửng khi tiếp xúc có thể gây dị ứng, xâm nhập vào cơ thể gây ra các bệnh về đường hô hấp, nếu tiếp xúc lâu dài có thể lắng đọng, tích tụ gây xơ hóa phổi. Bụi còn làm giảm chất lượng môi trường sống của con người do bám vào thức ăn, nước uống, làm bẩn nhà cửa và các vật dụng trong gia đình. Bụi bám vào các bộ phận lá, hoa... của cây trồng làm hạn chế quá trình quang hợp, gây ảnh hưởng đến quá trình sinh trưởng phát triển của cây cối, rau màu dẫn đến năng suất thu hoạch của người dân giảm.

- Đối tượng ảnh hưởng của hoạt động đào, đắp nền đường và đào, đắp thi công hệ thống thoát nước là: công nhân thi công trên công trường và nhà dân sinh sống dọc tuyến đường nằm ngoài phạm vi giải tỏa.

- Ngoài ra, hoạt động đào, đắp còn làm chênh độ cao của dự án với khu vực xung quanh, gây ảnh hưởng đến quá trình thoát nước tự nhiên, làm ngập úng cục bộ tại những khu vực trũng thấp.

**(2) Bụi phát sinh từ hoạt động rải cấp phối đá dăm**

Công tác rải cấp phối đá dăm khi làm đường thường làm phát sinh khá nhiều bụi gây ảnh hưởng đến sức khỏe công nhân làm việc tại công trường.

Tải lượng bụi phát sinh do đổ cấp phối đá dăm được tính toán như sau:

$$M = (k \times Q \times d) / t \quad (4)$$

**Bảng 3.6. Tải lượng bụi phát sinh do đổ cấp phối đá dăm**

Diễn giải	Kết quả
Hệ số ô nhiễm (k)*	k = 0,17 kg/tấn
Khối lượng CPĐD (Q), m <sup>3</sup>	10.245,37 m <sup>3</sup>
Tỷ trọng TB đá dăm** (d)	d = 1,5 tấn/m <sup>3</sup>
Thời gian thi công (t), ngày	150 ngày
Tải lượng bụi phát sinh (M), g/s	<b>0,48</b>

Ghi chú:

-\*: Theo WHO

-\*\*: Theo định mức vật tư trong xây dựng kèm theo

❖ **Tính toán nồng độ bụi phát sinh do đổ đá dăm:**

Bụi từ hoạt động đổ đá dăm phát tán trên diện tích rộng nên có thể áp dụng mô hình khuếch tán nguồn mặt để xác định nồng độ. Áp dụng công thức (3) để tính toán.

Kết quả tính bụi phát sinh từ hoạt động đổ đá dăm được thể hiện tại bảng 3.7 dưới đây:

**Bảng 3.7. Nồng độ bụi phát tán trong không khí do hoạt động rải CPĐD**

Dl (m)	B (m)	Nồng độ bụi tính toán (mg/m <sup>3</sup> )	QCVN 05:2013/BTNMT Trung bình 1h
1.608,4	30	0,74	0,3
1.608,4	60	0,40	
1.608,4	90	0,29	

Ghi chú:

- QCVN 05:2013/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về không khí xung quanh.

Nhận xét:

- Hoạt động rải cấp phối đá dăm trong phạm vi dự án mặt cắt ngang 30m phát sinh bụi vượt so với Quy chuẩn 05:2013/BTNMT 2,5 lần. Đến khoảng cách 90m nồng độ bụi phát sinh mới nằm ngưỡng QC cho phép. Khi thi công rải cấp phối đá dăm sẽ ảnh hưởng đến hoạt động giao thông tại khu vực, ảnh hưởng đến đời sống của các nhà dân và hoạt động kinh doanh buôn bán trên tuyến đường.

- Đối tượng tác động chủ yếu là công nhân thi công trên công trường và nhà dân sinh sống dọc tuyến đường nằm ngoài phạm vi giải tỏa (nhất là đoạn từ Tỉnh lộ 2 đến cầu Thanh Hội).

- Mức độ tác động nhỏ do phạm vi ảnh hưởng bụi nhỏ và hoạt động thi công rải cấp phối đá dăm diễn ra trong thời gian ngắn.

**(3) Bụi phát sinh từ hoạt động làm sạch bề mặt đường cấp phối để trải nhựa**

Sau khi thi công lớp CPĐD đạt theo yêu cầu thiết kế, tiến hành thi công lớp bê tông nhựa, trong quá trình này sẽ diễn ra hoạt động dùng máy hơi ép thổi bụi bề mặt đường trước khi trải nhựa và đây là biện pháp đang áp dụng ở hầu hết các công trình thi công đường hiện nay.

Theo quan sát thực tế khi tiến hành thổi bụi làm phát sinh một lượng bụi đáng kể ra môi trường. Hiện tại chưa có các tài liệu tính toán lượng bụi khuếch tán ra môi trường do quá trình thổi bụi trong quá trình thi công, do đó chúng tôi chỉ dự báo định tính về việc khuếch tán bụi dựa vào công suất của một số máy thổi bụi để có cái nhìn rõ nét về tác động do hoạt động này gây ra.

Nghiên cứu một số công suất máy thổi hiện đang sử dụng trên thị trường Việt Nam phục vụ cho công tác thi công làm sạch nền đường trước khi trải nhựa, chúng tôi thống kê một số mẫu máy thổi có công suất như máy thổi khí Makita BBX7600 - Xuất

xứ Trung Quốc: tốc độ thổi khí 14,1m<sup>3</sup>/phút; máy thổi khí Stihl BR500 - Xuất xứ Đức: tốc độ thổi khí 810 m<sup>3</sup>/giờ ~ 13,5 m<sup>3</sup>/phút.

Theo quan sát thực tế khi tiến hành thổi bụi làm phát sinh một lượng bụi đáng kể ra môi trường. Thời gian thổi khí làm sạch nền đường CPĐD kéo dài trong suốt thời gian trải nhựa đường đến khi hoàn thành công tác trên toàn tuyến thi công, do đó nếu công tác thi công này kéo dài sẽ ảnh hưởng đáng kể đến công nhân thi công trên công trường và khu dân cư dọc hai bên tuyến đường (nhất là đoạn từ Tỉnh lộ 2 đến cầu Thanh Hội).

#### **(4) Tác động do hoạt động trải nhựa làm mặt đường**

Tác động do hoạt động trải nhựa đường chủ yếu gây ô nhiễm nhiệt, hơi nhựa đường do quá trình trải nhựa nóng.

- Ô nhiễm nhiệt và hơi nhựa đường do quá trình trải nhựa làm mặt đường, thành phần nhựa đường chứa nhiều hydrocacbon dạng parafin và naphtha cao phân tử và các dẫn xuất của chúng, trong nhựa đường có:

+ Khoảng 32% asphaltenes: Các hợp chất thơm cao phân tử và các hydrocacbon khác vòng, trong đó có một số chưa no.

+ Khoảng 32% nhựa: Các polyme được tạo ra từ quá trình xử lý các hydrocacbon chưa no.

+ Khoảng 14% các hydrocacbon no: Các hydrocacbon trong đó các nguyên tử cacbon được kết nối bằng các liên kết đơn.

+ Khoảng 22% các hydrocacbon thơm: Các hydrocacbon chứa một hay nhiều vòng benzen trên một phân tử, bao gồm cả các hydrocacbon thơm đa vòng.

Đối tượng bị tác động chủ yếu là công nhân trực tiếp lao động tại công trường và nhà dân sinh sống dọc tuyến đường nằm ngoài phạm vi giải tỏa (nhất là đoạn từ Tỉnh lộ 2 đến cầu Thanh Hội). Các chất khí thải từ nhựa đường nóng có độc tính cao, người hít phải ở nồng độ thấp cũng bị khó chịu và ảnh hưởng đến sức khỏe nếu bị tác động lâu dài. Tác động này được xem là đáng kể bởi trên toàn tuyến dân cư sống đông đúc. Tuy nhiên, thời gian thi công trải nhựa đường diễn ra nhanh, không diễn ra lâu tại một vị trí nên thời gian tác động đến dân cư diễn ra trong một thời gian ngắn và sẽ hết khi công tác trải nhựa đường hoàn tất.

#### **(5) Bụi và khí thải từ hoạt động vận chuyển**

- Hoạt động vận chuyển bao gồm vận chuyển đất đào đi đổ, đất đắp và nguyên vật liệu xây dựng. Trong quá trình vận chuyển, các loại vật liệu có khả năng phát sinh bụi là đất, đá, cát, xi măng,... Sự phát sinh bụi từ các vật liệu gia tăng vào ngày hanh khô, nóng, gió nhiều do thời tiết hanh khô làm hạt bụi giảm độ kết dính, dễ bị cuốn khỏi bề mặt, gió mạnh sẽ cuốn và phát tán các hạt bụi gây ảnh hưởng đến môi trường không khí xung quanh.

- Khối lượng đất đào đi đổ, đất đắp, bentonite thải và nguyên vật liệu xây dựng cần vận chuyển:

+ Khối lượng đất đào đi đổ (đất đào nền nhà, đào nền đường, đào cống thoát nước): 32.771m<sup>3</sup> ~ 45.879,4 tấn.

- + Khối lượng bentonite thải: 169,13 tấn
- + Khối lượng đất đắp: 52.845,01m<sup>3</sup> ~ 76.096,81 tấn.
- + Khối lượng nguyên vật liệu xây dựng: 37.912,41 tấn.

❖ *Tính tải lượng bụi do quá trình vận chuyển trên đường nhựa*

Hệ số phát thải bụi đường (đường nhựa) bị khuếch tán từ mặt đường do các phương tiện vận chuyển tính toán theo *Air pollutant emission factors, Vol I, U.S. EPA- Emission Factors – 1995*:

$$E = [k(sL/2)^{0,65} \times (W/3)^{1,5}] \quad (5)$$

Trong đó:

E: hệ số phát thải (g/km.lượt xe) (phụ thuộc vào đơn vị của k).

k: Hệ số kích thước bụi (g/km.lượt xe). Trong trường hợp này đánh giá bụi TSP (kích thước bụi < 30 μm) nên lấy k = 24 (Nguồn: *Air pollutant emission factors, Vol I, U.S. EPA- Emission Factors – 1995*).

<b>Kích thước bụi (μm)</b>	<b>&lt; 30</b>	15	10	2,5
<b>Hệ số k (g/km.lượt xe)</b>	<b>24</b>	5,5	4,6	2,1

sL: Tải lượng bụi mặt đường (g/m<sup>2</sup>), lấy sL = 200 g/m<sup>2</sup>. Do công thức này được áp dụng đối với các tuyến đường giao thông ở Mỹ (mặt đường tốt, ít bụi) nên khi áp dụng các tuyến đường ở Việt Nam mặt đường thường nhiều bụi, nhiều xe hạng nặng vận chuyển do đó Báo cáo chọn giá trị trung bình là 200 g/m<sup>2</sup> để đưa ra dự báo).

W: tải trọng xe.

Sử dụng xe vận chuyển 10 tấn:

$$E = 24 \times (200/2)^{0,65} \times (10/3)^{1,5}] = 2.914 \text{ g/km/lượt xe.}$$

Tải lượng bụi phát sinh từ các hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu được tính toán tổng hợp ở bảng dưới đây:

**Bảng 3.8. Tải lượng bụi phát sinh do hoạt động vận chuyển đất đào bỏ, đất đắp, bentonite thải và nguyên vật liệu**

TT	Diễn giải	Kết quả		
		Đất đào bỏ + bentonite thải	Đất đắp	Nguyên vật liệu
1	Khối lượng vận chuyển (tấn)	46.048,53 tấn	76.096,81 tấn	37.912,41 tấn
2	Xe vận chuyển	10 tấn	10 tấn	10 tấn
3	Thời gian vận chuyển	360 ngày	360 ngày	540 ngày
4	Số lượt xe vận chuyển	12 lượt	22 lượt	8 lượt

5	Hệ số phát thải bụi đường trên đường nhựa (g/km/lượt xe)	2.914	2.914	2.914
6	Tải lượng bụi do vận chuyển (mg/m.s)	0,97	1,78	0,64

❖ *Nồng độ bụi từ hoạt động vận chuyển:*

Từ tải lượng của các chất ô nhiễm đã tính toán, áp dụng mô hình tính toán Sutton xác định nồng độ bụi trung bình từ hoạt động vận chuyển (Nguồn: Tổng cục môi trường, 2010) như sau:

$$C = \frac{0,8.E \left( \exp \left[ \frac{-(z+h)^2}{2.\sigma_z^2} \right] + \exp \left[ \frac{-(z-h)^2}{2.\sigma_z^2} \right] \right)}{\sigma_z.u} \quad (6)$$

Trong đó:

C: Nồng độ chất gây ô nhiễm trong không khí (mg/m<sup>3</sup>)

E: Tải lượng của chất gây ô nhiễm từ nguồn thải (mg/m.s)

z: Độ cao của điểm tính toán (m)

h: Độ cao của mặt đường so với mặt đất xung quanh (m), h = 0,5 m

u: Tốc độ gió trung bình tại khu vực (m/s), u = 2,4 m/s

$\sigma_z$ : Hệ số khuếch tán chất gây ô nhiễm theo phương z (m) phụ thuộc vào độ ổn định của khí quyển, tại Nha Trang độ ổn định của khí quyển là loại B được xác định theo công thức:  $\sigma_z = 0,53.x^{0,73}$ .

x: khoảng cách của điểm tính toán so với nguồn thải theo phương ngang (m).

Kết quả tính toán nồng độ bụi đường phát sinh do phương tiện giao thông được trình bày trong Bảng 3.9:

**Bảng 3.9. Nồng độ bụi đường từ quá trình vận chuyển đất đắp và nguyên vật liệu xây dựng**

Thông số	Khoảng cách	Nồng độ (mg/m <sup>3</sup> )				QCVN 05:2013/ BTNMT
		z = 0,5	z = 1	z = 1,5	z = 2	
Bụi đường	<i>Vận chuyển đất đào bỏ + bentonite thải</i>					0,3
	1	1,2352	0,6966	0,1791	0,0193	
	5	0,6019	0,5357	0,4410	0,3358	
	10	0,3819	0,3651	0,3388	0,3051	
	15	<b>0,2879</b>	<b>0,2807</b>	<b>0,2692</b>	<b>0,2538</b>	
	<i>Vận chuyển đất đắp nền</i>					
	5	1,1046	0,9830	0,8093	0,6161	
10	0,7007	0,6700	0,6217	0,5599		

	20	0,4307	0,4236	0,4120	0,3963
	<b>35</b>	0,2880	0,2859	0,2824	0,2776
	<b>Vận chuyển nguyên vật liệu</b>				
	2	0,6406	0,4557	0,2518	0,1054
	4	0,4539	0,3884	0,2993	0,2076
	6	0,3541	0,3232	0,2776	0,2243
	<b>8</b>	<b>0,2931</b>	<b>0,2757</b>	<b>0,2489</b>	<b>0,2157</b>

Ghi chú:

- QCVN 05:2013/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về không khí xung quanh.

Nhận xét:

- Bụi từ bề mặt đường bị cuốn lên do sự vận chuyển của các phương tiện giao thông là khá nhiều (đây là nguyên nhân chủ yếu gây ô nhiễm bụi tại các đường giao thông). Theo kết quả tính toán thì nồng độ bụi bề mặt đường phát sinh từ vị trí phát thải (vị trí bán xe) ra khu vực xung quanh đến vị trí cách nguồn phát thải trong phạm vi dự án đến 15m (vận chuyển đất đào bỏ và bentonite thải), 35m (vận chuyển đất đồi để đắp nền) và 8m (vận chuyển nguyên vật liệu) trở lại mới nằm trong giới hạn cho phép tại QCVN 05:2013/BTNMT.

(2) *Tính toán nồng độ khí thải từ máy phát điện di động*

Công suất của máy phát điện là 50 KVA sử dụng nguyên liệu là dầu DO (hàm lượng S = 0,05%). Định mức tiêu hao nhiên liệu trung bình cho máy phát điện là 4,5 l/giờ (Định mức tiêu hao nhiên liệu lấy theo Phụ lục kèm theo Thông tư số: 06/2010/TT-BXD ngày 26 tháng 5 năm 2010 của Bộ Xây Dựng qui định về việc hướng dẫn phương pháp xây dựng giá ca máy và thiết bị thi công), tương đương 3,825 kg/giờ (tỷ trọng của dầu 0,85 kg/l). Lượng khí thải sinh ra khi đốt cháy 1kg dầu DO là 38 m<sup>3</sup> khí thải/kg DO.

Vậy lưu lượng khí sinh ra từ do hoạt động của máy đào là:

$$3,825 \text{ kg/h} \times 38 \text{ m}^3/\text{kg} = 145,35 \text{ m}^3/\text{h} \sim 0,04 \text{ m}^3/\text{s}.$$

Dựa trên các hệ số ô nhiễm của Tổ chức Y tế thế giới (WHO) có thể tính tải lượng và nồng độ các chất ô nhiễm của máy phát điện như sau:

**Bảng 3.5. Tải lượng các chất ô nhiễm từ khí thải máy phát điện**

STT	Chất gây ô nhiễm	Hệ số ô nhiễm (kg/tấn)	Tải lượng (kg/h)	Tải lượng (g/s)
1	Bụi	0,71	0,0027	0,0008

2	SO <sub>2</sub>	20S	0,0038	0,0011
3	NO <sub>2</sub>	9,62	0,0368	0,0102
4	CO	2,19	0,0084	0,0023
5	HC	0,791	0,0030	0,0008

**Bảng 3.6. Nồng độ của khí thải từ máy phát điện**

STT	Chất gây ô nhiễm	Nồng độ tính ở điều kiện thực (mg/m <sup>3</sup> )	QCVN (mg/m <sup>3</sup> )	Nồng độ tính ở điều kiện chuẩn (mg/Nm <sup>3</sup> )	QCVN 19-2009/ BTN-MT (cột B) (mg/Nm <sup>3</sup> )
1	Bụi	18,68	0,3*	32,37	200
2	SO <sub>2</sub>	26,32	0,35*	45,59	500
3	NO <sub>2</sub>	253,16	0,28*	438,62	850
4	CO	57,63	30*	99,85	1000
5	THC	20,82	0,5**	36,07	-

Ghi chú:

\* QCVN 05:2013/ BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về không khí xung quanh.

\*\* QCVN 06: 2009/ BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về một số chất độc hại trong không khí xung quanh.

- QCVN 19 – 2009/ BTNMT: quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ.

Nhận xét:

Kết quả từ bảng cho thấy nồng độ khí thải phát sinh từ máy phát điện đều nằm trong giới hạn cho phép đối với khí thải công nghiệp QCVN 19:2009/ BTNMT, nhưng trong phạm vi hô hấp của con người đều vượt mức cho phép gấp nhiều lần. Đối tượng chịu tác động trực tiếp là công nhân thi công trên công trường vì vậy cần có các giải pháp khắc phục, giảm thiểu sự tác động này.

Sự tác động của khí thải từ máy phát điện khi chỉ trong giai đoạn thi công móng kè mà còn được sử dụng cho máy đầm, trạm trộn bê tông trong suốt quá trình thi công, vì vậy tác động từ hoạt động máy phát điện là thường xuyên và phạm vi ảnh hưởng từng đoạn thi công.

### 3.1.1.3. Tác động của tiếng ồn và độ rung

(1) Tiếng ồn từ các thiết bị thi công và phương tiện vận chuyển.

Trong quá trình xây dựng, việc vận chuyển nguyên vật liệu, việc đào đắp và các giai đoạn thi công đều sử dụng máy móc trang thiết bị. Tất cả các loại máy móc này đều phát sinh tiếng ồn đáng kể.



Quá trình chuẩn bị mặt bằng cũng như xây dựng các công trình phụ trợ làm phát sinh tiếng ồn, rung chủ yếu từ các loại phương tiện vận chuyển, thi công cơ giới như máy đào, máy trộn bê tông, xe tải, máy ủi,...

Dựa trên các tài liệu trong và ngoài nước chúng tôi thống kê mức độ ồn do máy móc thiết bị hoạt động trong khi thi công theo bảng

**Bảng 3.9. Mức ồn sinh ra từ hoạt động của các thiết bị thi công trên công trường**

STT	Hệ thống máy thi công	Độ ồn (dBA) (cách nguồn ồn 15 m)	
		Tài liệu 1	Tài liệu 2
1	Máy trộn bê tông	75 - 88	75
2	Máy đầm nén	72 - 74	-
3	Xe tải nặng	82 - 94	-
4	Bơm bê tông	80 - 83	-
5	Máy xúc gàu ngược	72 - 84	-
6	Máy cạp đất	77 - 95	-

*Nguồn: Tài liệu (1) Mackernize, L.Da, 1985; Tài liệu (2) Nguyễn Đình Tuấn.*

Trên thực tế, khu vực công trường có rất nhiều nguồn và các hoạt động phát sinh tiếng ồn khác nhau, chúng cộng hưởng với nhau, do đó tiếng ồn trong thực tế sẽ lớn hơn. Độ ồn cần được bổ sung do cộng hưởng được trình bày trong bảng.

**Bảng 3.10. Độ ồn cần được bổ sung khi có nhiều hoạt động xảy ra tại một vị trí**

Sự khác nhau giữa các độ ồn (dB)	Độ ồn cần bổ sung (dB)	Sự khác nhau giữa các độ ồn (dB)	Độ ồn cần bổ sung (dB)
0	3,0	7	0,8
1	2,6	8	0,6
2	2,1	10	0,4
3	1,8	12	0,3
4	1,5	14	0,2
5	1,2	16	0,1
6	1,0		

*(Nguồn: Lê Trình – Đánh giá tác động môi trường – Phương pháp và ứng dụng)*

Như vậy, độ ồn của các phương tiện, máy móc trên công trường khi có sự cộng hưởng ở mức lớn nhất được trình bày trong bảng sau đây:

**Bảng 3.11. Tiếng ồn của máy móc thi công khi có sự cộng hưởng ở mức lớn nhất**

Thiết bị, phương tiện	Tiếng ồn (dB)	Thiết bị, phương tiện	Tiếng ồn (dB)
Máy trộn bê tông	78 – 91	Máy xúc gàu ngược	75 – 87
Máy đầm nén	75 – 77	Máy cạp đất	80 – 98
Bơm bê tông	83 – 86	Xe tải nặng	85 – 97

So với mức ồn cho phép tại khu vực lao động (TCVN 3985 - 1985) và trong khu vực thông thường (QCVN 26:2010/BTNMT) thì các phương tiện thi công nêu trên đều gây ồn vượt mức cho phép (70 dBA). Như vậy các nhà dân dọc theo các tuyến đường và các khu dân cư sẽ chịu ô nhiễm tiếng ồn do các xe tải phục vụ dự án gây ra.

Mức ồn cao sẽ gây ảnh hưởng xấu đến sức khoẻ của con người như gây mất ngủ, mệt mỏi, tạo tâm lý khó chịu. Tiếng ồn còn làm giảm năng suất lao động, sức khoẻ của công nhân viên làm việc tại công trường. Tiếp xúc với tiếng ồn trong thời gian dài có thể làm cho thích lực giảm sút, dẫn tới bệnh đặc nghề nghiệp.

Do hoạt động của các máy móc, thiết bị trong giai đoạn này cùng diễn ra tại một khu vực và thường vào cùng thời điểm nên khoảng cách tiếng ồn đạt được tiêu chuẩn cho phép sẽ tăng lên. Tuy nhiên, mức độ tăng lên không lớn do độ ồn tổng hợp tại một điểm không phải là tổng của các độ ồn do các máy móc thiết bị gây ra tại điểm đó.

Trong thực tế, các công trình nhà cửa và cây cối sẽ hấp thụ một phần hoặc phản xạ một phần tiếng ồn và do đó mức độ suy giảm độ ồn sẽ nhanh hơn và phạm vi chịu ô nhiễm tiếng ồn sẽ thấp hơn đặc biệt là đối với các khu dân cư có nhiều công trình nhà cửa.

## (2) Rung động

Trong quá trình xây dựng, rung động phát sinh chủ yếu từ máy móc thi công, các phương tiện vận tải trên công trường, máy phát điện, máy đầm, ... là chủ yếu. Mức rung được trình bày trong bảng

**Bảng 3.12. Mức rung của các phương tiện thi công (dBA)**

STT	Thiết bị thi công	Mức rung cách máy 10m (dB)	Mức rung cách máy 30m (dB)	Mức rung cách máy 60m (dB)
1.	Máy trộn bê tông	88	73	63
2.	Máy san ủi	79	69	59
3.	Cần trục, cần cẩu	86	75	65
4.	Xe tải	74	64	54
5.	Máy phát điện	85	77	67
QCVN 27-2010/BTNMT		75 (dBA) (6h00 – 18h00)		

*Ghi chú: QCVN 27-2010/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung trong hoạt động xây dựng khu ở khu vực thông thường.*

Kết quả từ bảng trên cho thấy, mức rung từ các phương tiện máy móc, thiết bị thi công không đảm bảo giới hạn cho phép đối với khu vực thi công và khu dân cư trong

khoảng 30m trở lại, song hoàn toàn nằm trong giới hạn cho phép đối với các khu dân cư ở khoảng 60m trở lên theo quy định của QCVN 27-2010.

#### **3.1.1.4. Tác động đến môi trường nước**

##### *(1) Nước thải sinh hoạt trong quá trình thi công*

Thành phần các chất gây ô nhiễm chủ yếu trong nước thải sinh hoạt gồm: các chất cặn bã, các chất rắn lơ lửng, các chất hữu cơ, các chất dinh dưỡng và vi sinh vật gây bệnh (Coliform, E.coli).

Lượng nước thải sinh hoạt trong quá trình thi công nếu không được thu gom xử lý phù hợp mà để chảy tự do là điều kiện phát triển các mầm bệnh, gây ảnh hưởng mỹ quan khu vực.

Dự kiến số lượng công nhân thi công cho từng giai đoạn vào khoảng 50 người. Với định mức nước cấp sinh hoạt là 100 lít/người.ngày. Như vậy, tổng lượng nước thải sinh hoạt phát sinh trong quá trình thi công xây dựng dự án khoảng 5 m<sup>3</sup>/ngày (lượng nước thải được tính bằng 100% lượng nước cấp).

##### *(2) Nước thải trong quá trình thi công xây dựng*

- Tác động đến môi trường nước do quá trình chuẩn bị mặt bằng chủ yếu do nước thải sinh hoạt của công nhân trong quá trình phá dỡ công trình, cây cối. Thành phần các chất gây ô nhiễm chủ yếu trong nước thải sinh hoạt gồm: các chất cặn bã, các chất rắn lơ lửng, các chất hữu cơ, các chất dinh dưỡng và vi sinh vật gây bệnh (Coliform, E.coli). Nước thải sinh hoạt chứa nhiều chất hữu cơ dễ phân hủy, chứa lượng lớn các vi khuẩn Coli và các vi khuẩn gây bệnh khác.

Nước thải trong quá trình thi công xây dựng chủ yếu là từ quá trình làm mát thiết bị, dưỡng hồ bê tông ... thành phần của nước thải này chủ yếu chứa nhiều cặn lắng, vật liệu thải, dầu mỡ, đất, cát...lượng nước thải này nếu không có đường ống thu gom về hố lắng để lắng sơ bộ mà cho chảy theo các mương rãnh thoát nước dễ gây nên tình trạng tắc nghẽn

Ngoài ra, nước thải lẫn dầu nếu không thu gom xử lý xả vào các ao đĩa sẽ loang trên mặt nước tạo thành màng dầu, làm giảm quá trình quang hợp của tảo, phiêu sinh vật, gây cạn kiệt oxy của nước, một phần nhỏ hòa tan vào nước hoặc tồn tại ở dạng nhũ tương, dầu khi lắng xuống sẽ tích tụ trong bùn đáy. Nước ô nhiễm dầu gây mất khả năng tự làm sạch của nguồn nước, sẽ giết chết các vi sinh vật phiêu sinh, vi sinh vật đáy tham gia vào quá trình tự làm sạch, tác động tiêu cực đến đời sống thủy sinh nếu không có biện pháp giảm thiểu hiệu quả.

##### *(3) Tác động do nước mưa chảy tràn trên khu vực dự án*

Trong quá trình thi công xây dựng, lưu lượng nước mưa chảy tràn trên diện tích dự án có thể gây nên các tác động tiêu cực như:

- Khi lượng mưa tập trung lớn thì nguồn nước mưa chảy tràn cuốn theo đất cát, rác... ứ đọng lại các khu vực đào móng. Trong giai đoạn xây dựng khi công trình chưa hoàn thiện có thể gây các tác động nhất định đến chất lượng đất tại khu vực thi công, gây nên ngập úng cản trở hoạt động của các phương tiện thi công tại công trình.

Tính toán lượng mưa phát sinh trong khu vực dự án như sau:

Công thức tính toán lưu lượng cực đại nước mưa chảy tràn:

$$Q=0,278.K.I.A$$

Trong đó:

+ Q: Lưu lượng cực đại(m<sup>3</sup>/ngày)

+ K:Hệ số chảy tràn phụ thuộc vào đặc điểm bề mặt, chọn K = 0,7

+ I: lượng mưa trung bình ngày lớn nhất (mm/ngày), I = 160 mm/ngày = 0,160 m/ngày; (Nguồn: Đài KTTV khu vực Nam Trung Bộ năm 2012)

+ A: Diện tích toàn lưu vực, A = 71,92 Ha =719 200 m<sup>2</sup>

Bảng 3.13. Hệ số chảy tràn của nước mưa

(theo Trịnh Xuân Lai, 2000)

Đặc điểm bề mặt	K
Vùng thị tứ	0,70 – 0,95
Vùng dân cư	0,50 – 0,70
Vùng nhà riêng lẻ	0,30 – 0,70
Khu công viên nghĩa trang	0,10 – 0,25
Đường có lát nhựa	0,80 – 0,90
Bãi cỏ, phụ thuộc vào độ dốc và tầng	0,10 – 0,25

Tính toán lượng mưa lớn nhất trung bình ngày

$$Q_{\max/\text{ngày}} = 0,278 \times 0,7 \times 0,16 \times 748\,300 = 23\,299 \text{ m}^3/\text{ngày}$$

- Ngoài ra, trong quá trình xây dựng đất cát để đắp đất san nền chưa được đầm chặt cũng sẽ bị cuốn trôi theo dòng nước mưa xuống làm tắc nghẽn các cống thoát nước.

Lượng nước mưa này tuy không chứa các thành phần gây ô nhiễm cao, nhưng nếu không được khơi thông sẽ gây ngập úng trong khu vực dự án. Nước ngập úng làm tăng khả năng ô nhiễm nguồn nước và là môi trường phát triển các loài kí sinh gây bệnh gây ảnh hưởng đến hoạt động xây dựng và sinh hoạt của công nhân đồng thời nó còn là

nguyên nhân gây sạt lún khu vực thi công và cản trở công tác di chuyển của các phương tiện tại dự án.

- Đánh giá tác động đến môi trường do nước thải

**Bảng 3.14. Các tác động do nước thải đến nguồn nước mặt**

STT	Thông số	Tác động
1	Các chất hữu cơ	- Giảm nồng độ oxy hoà tan trong nước; - Ảnh hưởng đến đời sống các thủy sinh vật.
2	Chất rắn lơ lửng	- Tăng độ đục, ảnh hưởng đến chất lượng nước cũng như ngăn cản quá trình quang hợp của thực vật nước.
3	Dầu mỡ	- Ảnh hưởng đến chất lượng nước, nồng độ ôxy hoà tan trong nước; - Ảnh hưởng đến đời sống thủy sinh vật, có thể gây chết.
4	Các chất dinh dưỡng (N,P)	- Gây hiện tượng phú dưỡng, ảnh hưởng đến chất lượng nước, sự sống và phát triển của thủy sinh vật đặc biệt là sinh vật phù du.
5	Các vi khuẩn gây bệnh	- Làm tăng mật độ vi khuẩn trong môi trường nước, làm tăng khả năng gây bệnh trong cộng đồng dân cư.

### 3.1.1.5. Tác động đến môi trường đất

Sự hình thành và xây dựng dự án tác động mạnh đến mục đích sử dụng đất của dân cư khu vực dự án, gây ảnh hưởng đến thảm thực vật và hệ sinh thái tại khu vực, phá bỏ diện tích canh tác nông nghiệp và nuôi trồng thủy sản của người dân do chịu tác động từ các hoạt động phát quang, đào, đắp, san lấp mặt bằng để triển khai dự án.

Hoạt động của máy móc thiết bị thi công xây dựng; việc tập kết, lưu trữ nhiên, nguyên vật liệu; hoạt động vận hành thử các hạng mục thiết bị và sinh hoạt của công nhân tại công trường sẽ làm phát sinh các chất thải gây ô nhiễm môi trường đất như: nước thải, chất thải rắn, nguyên nhiên vật liệu, dầu mỡ rơi vãi, rò rỉ,...;

Việc xảy ra sự cố cháy nổ nhiên liệu trên khu vực dự án có thể lan truyền ảnh hưởng ô nhiễm môi trường đất nghiêm trọng đến các khu vực lân cận của dự án.

Nhìn chung ảnh hưởng của quá trình thi công xây dựng hạ tầng khu dân cư tác động đến môi trường đất chủ yếu hủy hoại thảm thực vật tại khu vực. Ngoài ra, việc phát triển khu dân cư nâng giá trị đất tại khu vực giúp phát triển kinh tế xã hội của khu vực.

### 3.1.1.6. Tác động do chất thải rắn

#### (1) Rác thải sinh hoạt

Trong quá trình thi công xây dựng, do việc tập trung nhiều công nhân làm phát sinh rác thải sinh hoạt tại khu vực công trường. Rác thải sinh hoạt này nhìn chung là những loại chứa nhiều chất hữu cơ, dễ phân hủy (trừ bao bì, nylon).

Theo ước tính, mỗi công nhân làm việc tại công trường thải ra từ 0,8 – 1 kg rác sinh hoạt mỗi ngày. Vậy với 50 công nhân lao động tại công trường thì tổng lượng rác sinh hoạt phát sinh trong quá trình thi công xây dựng dự án là khoảng 40 – 50 kg/ngày.

Mặt dù khối lượng rác thải sinh hoạt không quá lớn nhưng nếu không có biện pháp thu gom xử lý hợp lý mà vứt thẳng xuống các con sông thì khả năng tích tụ trong thời gian xây dựng ngày càng nhiều và gây tác động đến chất lượng không khí do phân hủy chất thải hữu cơ cũng như tác động đến nguồn nước mặt do tăng độ đục nguồn nước, cản trở dòng chảy, gây bồi lắng. Ngoài ra, còn tạo điều kiện cho các vi sinh vật gây bệnh phát triển, gây nguy cơ phát sinh và lây truyền mầm bệnh ảnh hưởng đến sức khỏe của người dân sống xung quanh khu vực dự án. Hơn nữa, lượng chất thải rắn này nếu không được thu gom và xử lý sẽ gây mất mỹ quan, khó chịu dân cư xung quanh và có thể gây các tác động tiêu cực tới môi trường do quá trình phân hủy các chất hữu cơ gây mùi hôi thối và sự cuốn trôi bởi nước mưa chảy tràn xuống sông.

#### (2) Chất thải rắn xây dựng

- Chất thải rắn từ hoạt động phá dỡ nhà cửa, cây cối chủ yếu là gạch nát, vữa xây dựng, xà gồ, la phong, mái tôn... Một số phế liệu như, sắt rỉ, mái tôn, xà gồ, người dân có thể tận dụng lại hoặc đem bán phế liệu, đối với gạch, vữa xây dựng chúng tôi sẽ tiến hành vận chuyển đem đổ bỏ đúng nơi qui định.

- Bên cạnh, hoạt động chặt phá cây cối cũng phát sinh một lượng lớn các loại cành, lá cây, tuy nhiên các loại chất thải này mang đặc tính của chất thải hữu cơ, dễ phân hủy nên sự tác động là không đáng kể, chúng tôi cũng tiến hành vận chuyển các thân cây lớn, gốc tre ra khỏi khu vực đến nơi lưu giữ hoặc thải bỏ theo qui định.

- Đối với chất thải xây dựng do không thể định lượng chính xác khối lượng từng loại vật liệu (cát, xi măng, gạch, sắt, thép...) nên không có cơ sở tính toán khối lượng chất thải xây dựng phát sinh trong suốt quá trình thi công xây dựng dự án.

- Giai đoạn xây dựng phát sinh nhiều loại chất thải rắn. Các thành phần gồm: xi măng thừa, gạch vụn, cát, đá, gỗ thừa, cofa, sắt thừa, bao bì phế thải, hộp xốp, giấy, bao ni lông, thực phẩm dư thừa... tuy khối lượng không nhiều nhưng đều gây tác động đáng kể tới môi trường nếu không có biện pháp thu gom và xử lý hợp lý.

- Chất thải rắn này được tận dụng với mục đích khác nhau như: gỗ vụn, sắt thừa sẽ được thu gom và bán cho cơ sở thu mua có nhu cầu. Còn gạch, bê tông vụn và đất, cát dư thuê xe chở đến nơi thải bỏ theo đúng quy định hoặc bán hay cho những nơi có nhu cầu cần san lấp mặt bằng. Đối với chất thải hữu cơ thì hợp đồng với Công ty môi trường đô thị thành phố thu gom và vận chuyển đến nơi xử lý tập trung.

(3) Các nguồn phát sinh chất thải nguy hại

Ngoài các chất thải đã nêu ở trên, trong quá trình thi công còn làm phát sinh các loại chất thải như thùng sơn, dầu mỡ thải, giẻ lau dính dầu mỡ...

- Dầu mỡ thải: trung bình lượng dầu mỡ thải ra từ các phương tiện thi công là 07 lít/lần thay. Chu kỳ thay dầu trung bình từ 3 – 6 tháng tùy thuộc vào cường độ hoạt động của các phương tiện.

- Giẻ lau dính dầu mỡ: khối lượng khó xác định, nhưng theo kinh nghiệm cho thấy khối lượng thải thường không đáng kể.

Lượng dầu mỡ thải phát sinh nếu không tiến hành thu gom và quản lý tốt lượng dầu mỡ trên sẽ tác động rất lớn đến chất lượng nước mặt.

Dầu mỡ là các hợp chất hydrocacbon khó phân hủy sinh học và có chứa các chất phụ gia độc hại, do vậy khi thải vào nguồn nước lâu ngày sẽ dẫn đến giảm khả năng tự làm sạch của nguồn nước, gây cản trở quá trình khuếch tán oxy vào nguồn nước làm ảnh hưởng đến môi trường sống của hệ sinh thái thủy sinh. Đồng thời, dầu mỡ còn gây độc đối hệ sinh thái và theo chuỗi thức ăn có thể ảnh hưởng đến sức khỏe con người.

3.1.1.5.. Đánh giá, dự báo tác động của các nguồn không liên quan đến chất thải

3.1.1.5.1. Tác động do tiếng ồn, rung

Trong giai đoạn thi công xây dựng tuyến đường, ngoài các nguồn liên quan đến chất thải, tác động do tiếng ồn và rung cũng là một yếu tố mang bản chất vật lý gây ảnh hưởng đến môi trường không khí khu vực. Tiếng ồn phát sinh chủ yếu từ các phương tiện giao thông vận tải và máy móc thi công như máy đào, máy xúc, xe trộn bê tông, xe lu, xe ủi, ....

Tiếng ồn thi công nhìn chung là không liên tục, phụ thuộc vào loại hình hoạt động và các máy móc, thiết bị được sử dụng. Báo cáo tham khảo tiếng ồn điển hình của các phương tiện, thiết bị thi công của “Ủy ban BVMT U.S – Tiếng ồn từ các thiết bị, máy móc xây dựng NJID, 300.1, 31/12/1971”.

**Bảng 3.13. Mức độ tiếng ồn điển hình của các thiết bị, phương tiện thi công ở khoảng cách 2m**

TT	Hoạt động thi công	Mức ồn ở khoảng cách 2m (dBA)
I	Chuẩn bị mặt bằng thi công	

TT	Hoạt động thi công	Mức ồn ở khoảng cách 2m (dBA)
1	Máy ủi, gạt	80
2	Xe nâng	72-84
3	Xe tải	83-94
<b>II</b>	<b>San nền và đầm chặt</b>	
1	Máy san	80-93
2	Xe lu	73-75
<b>III</b>	<b>Rải đường</b>	
1	Máy rải	86-88
2	Máy đầm	74-77
<b>IV</b>	<b>Đào và vận chuyển đất</b>	
1	Máy ủi	80
2	Máy gàu ngoạm	72-93
<b>V</b>	<b>Thi công công trình</b>	
1	Máy hàn	71-82
2	Máy trộn bê tông	74-88
3	Máy bơm bê tông	81-84
4	Máy nén khí	74-87

Theo: Mackernize, L.Da, 1985

Tính toán khả năng lan truyền tiếng ồn tới môi trường xung quanh:

Khả năng lan truyền tiếng ồn tới môi trường xung quanh được xác định bởi công thức:

$$L_i = L_P - \Delta L_d - \Delta L_c - \Delta L_{cx} \text{ (dBA)}$$

Trong đó:

$L_i$  – Mức ồn tại điểm tính toán cách nguồn gây ồn ở một khoảng cách  $d$ , dBA.

$L_P$  – Mức ồn đo được tại nguồn gây ồn (cách 15 m), dBA.

$\Delta L_d$  – Mức ồn giảm theo khoảng cách  $d$ .

$$\Delta L_d = 20 \lg[(r_2/r_1)^{1+a}] \text{ (dBA)}$$

$r_1$  – Khoảng cách tới nguồn gây ồn ứng với  $L_P$ .

$r_2$  – Khoảng cách tính toán độ ồn giảm mức ồn theo khoảng cách ứng với  $L_i$ , m.

$a$  – Hệ số kể đến ảnh hưởng hấp thụ tiếng ồn của địa hình mặt đất ( $a=0$ ).

$\Delta L_c$  – Độ ồn giảm qua vật cản. Tại khu vực dự án  $\Delta L_c = 0$ .



$\Delta L_{cx}$ – Độ giảm mức ồn sau các giải cây xanh. Tại khu vực dự án  $\Delta L_{cx} = 0$ .

Từ công thức trên, tính toán mức độ gây ồn của các loại thiết bị thi công và vận tải tới môi trường xung quanh ở khoảng cách 50m và 100m.

**Bảng 3.14. Khả năng lan truyền tiếng ồn tới môi trường xung quanh**

TT	Hoạt động thi công	Mức ồn ở khoảng cách 2m (dBA)	Mức ồn ở khoảng cách 50m (dBA)	Mức ồn ở khoảng cách 100m (dBA)
<b>I</b>	<b>Chuẩn bị mặt bằng thi công</b>			
1	Máy ủi, gạt	80	52	46
2	Xe nâng	72-84	44-56	38-50
3	Xe tải	83-94	55-66	49-60
<b>II</b>	<b>San nền và đầm chặt</b>			
1	Máy san	80-93	52- 65	46-59
2	Xe lu	73-75	45-47	39-41
<b>III</b>	<b>Rải đường</b>			
1	Máy rải	86-88	58-60	52-54
2	Máy đầm	74-77	46-49	40-43
<b>IV</b>	<b>Đào và vận chuyển đất</b>			
1	Máy ủi	80	52	46
2	Máy gầu ngoạm	72-93	44-65	38-49
<b>V</b>	<b>Thi công công trình</b>			
1	Máy hàn	71-82	43-54	37-48
2	Máy trộn bê tông	74-88	46-60	40-54
3	Máy bơm bê tông	81-84	53-56	47-50
4	Máy nén khí	74-87	46-59	40-53
<b>QĐ số 3733/2002/BYT</b>		<b>85</b>		
<b>QCVN 26:2010/BTNMT</b>		<b>70 dBA</b> <b>(khu vực thông thường từ 6 đến 21 h)</b>		

Ghi chú:

- Quyết định số 3733/2002/BYT ngày 10/10/2002 của Bộ Y tế về việc ban hành 21 tiêu chuẩn vệ sinh lao động, 05 nguyên tắc và 07 thông số vệ sinh lao động.

- QCVN 26:2010/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn

So với tiếng ồn cho phép tại khu vực lao động (QĐ số 3733/2002/BYT) và trong khu vực thông thường (QCVN 26:2010/BTNMT) thì các phương tiện thi công nêu trên đều gây ồn vượt mức cho phép ở khoảng cách 2m. Đến khoảng cách 50 m, tiếng ồn của

các máy móc thi công, phương tiện vận chuyển đã nằm dưới ngưỡng cho phép.

Trong các nguồn gây ồn trên, đáng kể nhất là tiếng ồn của xe vận chuyển đất đắp, vận chuyển đất đào đi đổ, nguyên vật liệu xây dựng đi qua khu vực có dân cư (chủ yếu dọc theo Quốc lộ 1A, đường Tỉnh lộ 2 và một số tuyến đường liên thôn, liên xã). Như vậy các nhà dân dọc theo các tuyến đường vận chuyển sẽ chịu tác động của tiếng ồn do các xe tải phục vụ Dự án gây ra. Tác động này diễn ra liên tục trong suốt thời gian thi công xây dựng tuyến đường, hơn nữa theo tính toán số lượt xe vận chuyển để phục vụ cho dự án tương đối nhiều nên ngoài việc gây ra bụi đường, hoạt động vận chuyển còn tạo ra tiếng ồn. Nguồn gây ồn này diễn ra liên tục trong suốt thời gian thi công tuyến đường (2 năm) sẽ gây cảm giác khó chịu, mệt mỏi đối với các nhà dân sống dọc theo các tuyến đường vận chuyển.

Các nguồn gây ồn còn lại hầu như cố định tại khu vực dự án chỉ ảnh hưởng đến công nhân làm việc tại công trường và nhà dân dọc tuyến đường không thuộc diện giải tỏa sống gần tuyến đường. Tại công trường thi công, hầu hết các hoạt động đều gây phát sinh tiếng ồn vượt tiêu chuẩn cho phép. Nếu công nhân làm việc liên tục trong môi trường có cường độ ồn lớn sẽ ảnh hưởng đến sức khỏe. Dưới tác dụng của tiếng ồn, độ nhạy cảm thính giác giảm xuống, nếu tác động lặp lại nhiều lần dẫn đến hiện tượng mệt mỏi, thính giác không có khả năng phục hồi về trạng thái bình thường. Làm việc trong môi trường ồn càng lâu thì độ nhạy của tai càng giảm. Ngoài ra, tiếng ồn còn gây ức chế thần kinh, gây căng thẳng, mất khả năng tập trung. Đây có thể là nguyên nhân dẫn đến tai nạn lao động.

Đối với hoạt động xây dựng cầu Thanh Hội giải pháp thi công phần móng, móng cầu là móng chữ U bằng BTCT đá 1x2 f<sup>c</sup>=30MPa đổ tại chỗ, móng móng gồm 9 cọc khoan nhồi D100cm BTCT đá 1x2 f<sup>c</sup>=30Mpa. Hoạt động thi công cọc khoan nhồi sẽ gây ra ồn, rung. Nguồn ồn này được xem là đáng kể, ảnh hưởng đến công nhân xây dựng và nhà dân sống xung quanh. Tuy nhiên việc sử dụng cọc khoan nhồi hiện nay đã phổ biến do khả năng chịu lực cao, độ cứng lớn, loại bỏ được các mối nối cọc vốn là những điểm yếu của các loại cọc khác. Thời gian thi công nhanh chóng, giảm đáng kể ảnh hưởng do tiếng ồn, chấn động trong thi công đến khu vực xung quanh, rất thích hợp áp dụng cho thi công các cầu nằm trong khu dân cư.

Nhìn chung, các loại máy móc thiết bị tham gia thi công xây dựng đều phát sinh tiếng ồn. Tuy nhiên, tác động do tiếng ồn, rung của các phương tiện, thiết bị này chỉ mang tính chất tạm thời vào từng thời điểm nhất định trong quá trình thi công và sẽ chấm dứt khi công tác xây dựng hoàn tất. Các máy móc thực hiện không phải hoạt động liên tục trong thời gian xây dựng mà theo từng công đoạn thi công tuyến đường, từng loại máy sẽ được sử dụng khác nhau nên mức độ tác động có khả năng khống chế được.

#### 3.1.1.7. Tác động đến kinh tế - xã hội khu vực dự án

- Tăng dân số và thay đổi nếp sống; Thay đổi giá cả đất đai; Tăng nhu cầu hạ tầng. Những tác động tổng hợp ảnh hưởng tới chất lượng cuộc sống của dân cư ven đường sẽ tăng lên. Nổi bật nhất là bụi, tiếng ồn, độ rung, đó là nguyên nhân của các chứng bệnh về mắt, về phổi... Bên cạnh đó, lượng xe vận tải phục vụ dự án nhiều dễ xảy ra tai nạn giao thông.

- Mặt khác, do tập trung số đông nhân lực từ các nơi khác đến nên có những tác động về mặt an ninh, trật tự khu vực, gia tăng các tệ nạn xã hội.

- Quá trình thi công xây dựng dự án sẽ chuyển đổi mục đích sử dụng đất lâu dài, mà hoạt động đền bù, giải toả có thể ảnh hưởng tới các hoạt động sản xuất, kinh tế (trồng trọt, chăn nuôi) của các hộ dân thuộc diện phải giải toả, di dời, ảnh hưởng tạm thời đến mức thu nhập và các điều kiện sinh sống của người dân.

### **3.1.1.8. Dự báo tác động gây nên bởi các rủi ro, sự cố của dự án**

#### *(1) Tai nạn lao động*

Nhìn chung, sự cố tai nạn lao động có thể xảy ra trong bất kỳ một công đoạn thi công xây dựng dự án nào. Nguyên nhân của các trường hợp xảy ra sự cố tai nạn lao động trên công trường xây dựng được xác định chủ yếu bao gồm:

- Xảy ra ô nhiễm môi trường trong quá trình thi công gây ảnh hưởng xấu tới sức khoẻ của công nhân. Một vài loại ô nhiễm cấp tính tùy thuộc theo thời gian và mức độ tác dụng có khả năng gây mệt mỏi, choáng váng hay ngất cho công nhân trong khi lao động;

- Công việc lắp ráp, thi công và quá trình vận chuyển nguyên vật liệu với mật độ xe, tiếng ồn, độ rung cao có thể gây ra các tai nạn lao động, tai nạn giao thông, ...

- Do thiếu trang bị bảo hộ lao động, hoặc do thiếu ý thức tuân thủ nghiêm chỉnh về nội quy an toàn lao động của công nhân thi công;

- Bất cẩn của công nhân trong vận hành máy móc, thiết bị;

- Tình trạng sức khoẻ của công nhân không tốt: làm việc quá sức gây choáng váng.

Với các nguồn phát sinh ô nhiễm trong quá trình thi công xây dựng dự án trình bày ở trên, thì nguy cơ xảy ra ô nhiễm môi trường có ảnh hưởng xấu đến sức khoẻ người lao động được đánh giá là cao trong điều kiện thi công nắng nóng và đứng gió.<sup>3</sup>

#### *(2) Tai nạn giao thông*

Số lượt xe để vận chuyển lượng đất đá, thiết bị, máy móc trong thời gian thi công dự án sẽ gia tăng, lượng xe này sẽ làm gia tăng mật độ phương tiện lưu thông trong khu vực và kết quả làm gia tăng nồng độ các chất gây ô nhiễm không khí, tiếng ồn, gia tăng nguy cơ tai nạn giao thông trên khu vực. Tuy nhiên chúng tôi cam kết phối hợp với chủ thầu xây dựng kế hoạch điều động xe ra vào hợp lý, yêu cầu các lái xe tuân thủ các quy định về an toàn giao thông, giờ giấc vận chuyển nhằm giảm thiểu các tác động này.

#### *(3) Sự cố rò rỉ nguyên nhiên vật liệu và cháy nổ*

- Trong quá trình thi công xây dựng, máy móc thiết bị sử dụng nhiều nhiên liệu như hóa chất, dung môi, sơn, xăng, dầu DO... Công tác vận chuyển và bảo quản nguyên

nhiên vật liệu hay gặp sự cố rò rỉ, dễ dẫn đến những tác hại lớn, nhất là rò rỉ dạng hơi xăng dầu gây độc cho con người, gây cháy nổ.

- Kho nhiên liệu nếu không được kiểm soát chặt chẽ dẫn đến rò rỉ sẽ ảnh hưởng đến nguồn nước mặt sông, gây ảnh hưởng đến chất lượng nước sông và cuộc sống của các sinh vật dưới nước.

- Bên cạnh đó hoạt động sử dụng và bảo quản nguyên nhiên liệu nếu công nhân bất cẩn trong việc dùng lửa sẽ gây cháy nổ, đe dọa trực tiếp đến tính mạng công nhân và tài sản của dự án.

- Hệ thống cấp điện tạm thời cung cấp điện cho các máy móc thiết bị thi công có thể bị sự cố gây thiệt hại về kinh tế hay tai nạn lao động cho công nhân. Sự cố về các thiết bị điện: dây trần, dây điện, động cơ, quạt,... bị quá tải trong quá trình vận hành, phát sinh nhiệt và dẫn đến cháy, nổ.

#### (4) Sự cố bồi lắng, sạt lở bờ suối khi xây cầu

- Quá trình xây dựng cầu làm phát tán vật liệu rơi vãi như: bê tông, nguyên vật liệu, hoạt động đào, đắp làm gia tăng khả năng bồi lắng suối. Tuy nhiên hiện trạng lòng suối hiện trạng bị bồi lắng, cây cối mọc xâm lấn, cản trở dòng chảy, do vậy quá trình thi công sẽ tiến hành thanh thải, khơi thông tạo dòng chảy, giúp khả năng thoát nước trong mùa mưa lũ được tốt hơn

#### (5) Sự cố mưa bão, lũ lụt

- Hoạt động thi công dự án kéo dài, do vậy khi đến mùa mưa bão nếu không có kế hoạch thi công hợp lý: thi công còn dang dở, chưa đưa ra biện pháp ứng phó với mưa bão thì nguy cơ xảy ra lũ quét là rất lớn, gây hư hỏng công trình đã thi công.

- Trong giai đoạn xây dựng công trình, hệ thống cống tiêu thoát nước chưa được hoàn thiện, vào mùa mưa lũ do nước từ thượng nguồn đổ về rất lớn, các vùng trũng tại khu vực sẽ bị ngập úng. Vì vậy sẽ ảnh hưởng rất lớn trong việc thi công công trình, sẽ gây thiệt hại về tài sản, thiết bị máy móc cũng như làm hao hụt tài sản công trình.

- Khi xảy ra bão lũ, với việc bố trí công trường, lán trại công nhân nếu không quản lý tốt thì dầu mỡ và các chất bẩn trên công trường sẽ thâm nhập vào nguồn nước ảnh hưởng đến chất lượng nước.

Do đó, trong quá trình thi công chủ dự án sẽ có các biện pháp quản lý, ứng phó sự cố kịp thời và phù hợp để phòng tránh thiệt hại khi mùa mưa đến.

### 3.1.2. Các biện pháp, công trình bảo vệ môi trường đề xuất thực hiện

#### 3.1.2.1. Giảm thiểu tác động từ công tác giải phóng mặt bằng

##### (1) Giảm thiểu tác động do hoạt động phát quang

- Đối với chất thải rắn do phát quang cây cối sẽ thu gom lại, không để ngổn ngang gây ảnh hưởng:

+ Các cây gỗ lâu năm: bán cho người thu mua

+ Các cây nhỏ: cho người dân tận dụng làm chất đốt

- Phát quang trong ranh giới diện tích dự án, không xâm phạm đến cây trồng của người dân nằm ngoài dự án.

- Nghiêm cấm mọi hành vi đốt các phế thải sau khi phá dỡ tại khu vực dự án.

(2) Giảm thiểu tác động do bụi từ các phương tiện vận chuyển sinh khối thực vật phát quang và xà bần

- Các phương tiện vận chuyển (xà bần, cây cối, gạch ngói...) sẽ phủ bạt, che kín để tránh phát tán bụi ra môi trường xung quanh. Biện pháp này sẽ giảm khoảng 90- 95% lượng bụi phát tán vào môi trường so với các phương tiện vận chuyển không che chắn.

- Thực hiện phun nước tạo độ ẩm trên tuyến đường dân sinh, đường công vụ đặc biệt tại các vị trí tiếp giáp với dân cư hiện hữu để giảm thiểu bụi cuốn lên từ mặt đường.

- Phương tiện vận chuyển được thường xuyên được vệ sinh sạch sẽ.

- Lái xe có bằng lái, không chạy quá tốc độ và chở quá tải trọng cho phép.

- Điều chỉnh vận tốc hợp lý khi qua các khu dân cư.

(3) Giảm thiểu tác động do phá dỡ nhà cửa

- Thực hiện phá dỡ nhanh, gọn, theo nguyên tắc phá đến đâu làm sạch ngay đến đó.

- Nghiêm cấm mọi hành vi đốt các phế thải sau khi phá dỡ tại khu vực dự án. Các biện pháp giảm thiểu sẽ được thực hiện trong suốt thời gian phá dỡ công trình.

- Thực hiện che chắn trước khi phá dỡ công trình.

(4) Giảm thiểu tác động do vận chuyển xà bần, chất thải rắn

- Các phương tiện vận chuyển (xà bần, cây cối, gạch ngói...) sẽ phủ bạt, che kín để tránh phát tán bụi ra môi trường xung quanh.

- Thực hiện phun nước tạo độ ẩm: khoảng 4 lần/ ngày trên tuyến đường qua khu dân cư vào mùa khô để giảm thiểu bụi cuốn lên từ mặt đường.

- Không vận chuyển vào giờ có mật độ người qua lại cao.

- Phương tiện vận chuyển thường xuyên được vệ sinh sạch sẽ.

- Lái xe có bằng lái, không chạy quá tốc độ và chở quá tải trọng cho phép.

### 3.1.2.2. Giảm thiểu tác động do quá trình san nền

(1) Giảm thiểu bụi do hoạt động đào, đắp

- Trang bị đầy đủ dụng cụ bảo hộ lao động cho công nhân và thường xuyên nhắc nhở công nhân sử dụng.

- Phun nước giảm bụi trên đường vận chuyển và trên khu vực dự án tại những khu vực phát sinh nhiều bụi được xem là biện pháp khá hữu hiệu trong việc xử lý bụi từ hoạt động giao thông và đào, đắp hiện nay.

- Áp dụng thêm các biện pháp quản lý trong quá trình vận chuyển sẽ giúp hỗ trợ một phần trong việc khống chế các nguồn phát sinh bụi đất.

**(2) Giảm thiểu tác động do hoạt động vận chuyển đất thừa**

- Phủ bạt kín xung quanh các thùng xe trong quá trình vận chuyển.

- Vận chuyển theo đúng tải trọng, tốc độ quy định và thường xuyên kiểm tra các phương tiện nhằm đảm bảo luôn ở trong điều kiện tốt nhất về mặt kỹ thuật; dùng nhiên liệu phù hợp với hàm lượng S thấp (0,001%).

- Tưới nước thường xuyên các tuyến đường ra vào dự án:

+ Vào mùa hè: tiến hành phun nước 3-5 lần/ ngày.

+ Vào mùa mưa: chỉ tiến hành phun nước tức thời tại các khu vực phát tán bụi cao.

**3.1.2.4. Giảm thiểu tác động từ các máy móc, thiết bị thi công**

- Lựa chọn nhà thầu có máy móc, thiết bị tiên tiến.

- Không sử dụng máy móc quá cũ để hạn chế phát sinh khí thải độc hại.

- Thường xuyên kiểm tra, bảo trì máy móc và các phương tiện vận chuyển, đảm bảo các yêu cầu kỹ thuật trước khi đưa vào vận hành.

- Máy móc thiết bị thi công và vận chuyển sử dụng đạt tiêu chuẩn quy định của Cục Đăng kiểm về mức độ an toàn kỹ thuật và an toàn môi trường.

- Giảm thiểu ô nhiễm gây ra do khí thải của các phương tiện giao thông vận tải, thiết bị thi công cơ giới:

+ Sử dụng nhiên liệu đúng với thiết kế của động cơ như: Dầu DO có hàm lượng lưu huỳnh 0,001%, xăng không pha chì;

+ Không chở quá trọng tải quy định cho phép;

+ Kiểm tra bảo dưỡng động cơ thiết bị đúng định kỳ, nâng cao hiệu suất làm việc của động cơ.

**3.1.2.5. Giảm thiểu tiếng ồn và rung động**

+ Kiểm soát tiếng ồn bằng cách vận hành máy móc, thiết bị hợp lý

- Hạn chế thi công vào giờ cao điểm, giờ nghỉ ngơi của người dân (từ 12h00 - 13h30 và từ 22h - 6h sáng hôm sau).

- Vận hành máy móc đúng quy trình kỹ thuật, tắt những máy hoạt động gián đoạn nếu thấy không cần thiết.

- Thường xuyên kiểm tra hoạt động của máy móc, định kỳ bảo dưỡng, bôi trơn máy để hạn chế phát sinh tiếng ồn lớn.

➤ *Bố trí thời gian cũng như vị trí hoạt động của các máy móc, phương tiện gây ồn một cách hợp lý*

- Đẩy nhanh tiến độ thi công để tránh tình trạng phát sinh tiếng ồn cộng hưởng của nhiều thiết bị kéo dài. Không đặt máy phát điện gần nhà dân, bố trí thiết bị gây ồn lớn có khoảng cách ly hợp lý để hạn chế thấp nhất tác động đến khu dân cư.

➤ *Trang bị cho công nhân các dụng cụ chống ồn, rung động*

Công nhân trực tiếp vận hành máy móc thi công được đánh giá là đối tượng chịu tác động mạnh nhất bởi tiếng ồn. Do đó, Công ty sẽ trang bị đầy đủ nút bịt tai chống ồn và găng tay chống rung cho các công nhân trực tiếp vận hành máy móc thi công để hạn chế ảnh hưởng đến sức khỏe.

➤ *Thực hiện giám sát môi trường định kỳ*

Kiểm soát mức độ ảnh hưởng của tiếng ồn và rung động bằng cách tổ chức giám sát môi trường định kỳ để có điều chỉnh kịp thời các biện pháp giảm thiểu.

### **3.1.2.6. Giảm thiểu tác động do nước thải**

#### *(1) Nước thải sinh hoạt của công nhân*

- Đơn vị thi công sẽ sử dụng các nhà vệ sinh di động và ký hợp đồng với Công ty Môi trường đô thị thu gom và vận chuyển chất thải tới khu vực xử lý theo quy định. Phương án sử dụng nhà vệ sinh lưu động áp dụng cho dự án xây dựng tuyến đường được đánh giá là phù hợp. Vì đặc điểm riêng của dự án này là công nhân không tập trung tại một điểm mà chia theo nhiều nhóm xây dựng (nhóm xây dựng kè, các nhóm xây dựng cống, mố hàn).

- Xây dựng nội quy cấm phóng uế, vứt rác sinh hoạt, đổ nước thải bừa bãi gây ô nhiễm môi trường.

- Tuyên truyền giáo dục cho cán bộ công nhân về ý thức bảo vệ môi trường xung quanh.

#### *(2) Nước thải xây dựng*

- Trong quá trình vận hành và sửa chữa máy móc thiết bị, dầu nhớt sẽ được thu gom một cách triệt để, không để rơi vãi hoặc đổ một cách tùy tiện trên mặt bằng khu vực nhằm giảm thiểu các chất thải này phát thải vào nguồn nước mưa gây ô nhiễm.

- Bố trí cán bộ phụ trách tại khu vực rửa xe để kiểm soát quá trình vệ sinh và kiểm soát nước thải rửa xe, không cho thải trực tiếp ra môi trường.

- Nước thải từ quá trình rửa xe, thiết bị thi công sẽ được thu gom tập trung theo hố gom thoát nước có vải lọc để lọc bỏ đất, đá, cát trong quá trình rửa trước khi cho thoát ra sông.

- Lượng dầu mỡ trong nước thải phát sinh từ vệ sinh thiết bị máy móc sau khi được gom vào hố thu phải được xử lý bằng bể lắng và đem đi xử lý như chất thải rắn nguy hại.

- Hạn chế dầu nhớt rơi vãi có thể gây ô nhiễm cho môi trường nước mặt khu vực.

### (3) Nước mưa chảy tràn

Đẩy nhanh tiến độ thi công trong mùa khô. Đây là biện pháp căn bản để hạn chế thấp nhất tình trạng ngập úng nếu chưa hoàn tất việc thi công các công trình thoát nước.

- Xây dựng hệ thống tiêu thoát nước kết hợp với công tác san nền cũng như thi công chân kè.

- Sử dụng bơm nước để tăng cường thoát nước vào các ngày mưa lớn và kéo dài tại các khu vực trũng thấp; khi cần thiết có thể đặt các cống tạm thời hoặc chuyển hướng dòng chảy để bảo đảm thoát nước tại khu vực.

- Tổ chức đội vệ sinh thu gom ngay vật liệu rơi vãi trên đường tránh lượng vật liệu rơi vãi bị cuốn trôi gây tắc, bồi lắng dòng chảy.

- Tiến hành nạo vét kịp thời lượng đất cát lắng đọng trong hệ thống mương thoát tạm thời và mương hiện trạng.

### 3.1.2.7. Giảm thiểu tác động do chất thải rắn

#### (1) Chất thải rắn sinh hoạt

Tất cả rác sinh hoạt từ công nhân được thu gom và tập trung vào các thùng chứa hoặc bao plastic có dung tích khoảng 10-20 lít sau đó bỏ vào thùng chứa rác ở các nơi tập trung rác trong khu vực.

- Bố trí 03 thùng rác dung tích 100 l/thùng có nắp đậy gần khu vực lán trại của công nhân để thu gom rác, tránh tình trạng vứt rác bừa bãi.

- Hàng ngày sẽ có người đi thu gom rác trên toàn công trường. Khi lượng rác lớn sẽ thuê Công ty Môi trường đô thị thu gom, vận chuyển đi xử lý theo đúng quy định.

- Tận dụng tối đa các vật dụng có thể tái sử dụng để giảm thiểu lượng rác thải phát sinh.

- Ưu tiên tuyển dụng công nhân tại địa phương nhằm giảm thiểu tối đa lượng rác thải sinh hoạt phát sinh.

- Thường xuyên quét dọn, vệ sinh sạch sẽ tại khu lán trại, không để rác thải rơi vãi, phát tán ra khu vực xung quanh gây mất vệ sinh.

- Tuyên truyền, nhắc nhở công nhân bỏ rác đúng nơi quy định, đặc biệt không vứt rác bừa bãi xuống sông.

#### (2) Chất thải rắn xây dựng



- Chất thải rắn trong quá trình xây dựng chủ yếu là các loại chất thải như: Gạch vụn, xi măng chết, gỗ cốp pha hỏng, các phế liệu bảo vệ bên ngoài các thiết bị... Biện pháp giảm thiểu và xử lý chất thải rắn xây dựng như sau:

- Yêu cầu công nhân sử dụng tiết kiệm nguyên liệu và tái sử dụng vật liệu rơi vãi nếu có thể;

- Giám sát thường xuyên để đảm bảo không có bất kỳ một khối lượng đất, cát, gạch vữa đổ nát bị đẩy, rửa trôi xuống sông;

- Vệ sinh công trường hàng ngày và thu gom, tập trung các loại chất thải xây dựng không thể tái sử dụng về một khi trước khi được chở đi xử lý. Hợp đồng với các công ty, đơn vị có chức năng để vận chuyển đi xử lý.

- Đối với các loại có thể tái sử dụng như vụn sắt, bao bì xi măng... sẽ được thu gom, tái sử dụng hoặc bán phế liệu. Lượng chất thải này sẽ được tập trung trong kho chứa của công trường và định kỳ bán cho đơn vị thu mua.

- Đối với đất đào bỏ thì dự kiến sẽ được tái sử dụng đắp đất, phần còn lại đổ ở bãi.

### (3) Chất thải nguy hại

#### ➤ Biện pháp xử lý

Chất thải nguy hại được thu gom riêng đối với các loại chất thải khác để có biện pháp xử lý thích hợp, cụ thể:

- Chất thải nguy hại ở dạng lỏng như dầu mỡ thải, cặn sơn... được thu gom chứa trong các thùng chuyên dụng, có đánh dấu bên ngoài.

- Chất thải nguy hại ở dạng rắn như giẻ lau dính dầu mỡ, bóng đèn... được chứa trong các túi ni lông buộc kín miệng hoặc các thùng rác có nắp đậy để không cho nước mưa chảy vào, bên ngoài có đánh dấu để dễ nhận biết.

- Hợp đồng với đơn vị thu gom có chức năng đến vận chuyển toàn bộ chất thải nguy hại đi xử lý theo quy định.

#### ➤ Biện pháp quản lý

- Khu vực chứa các chất thải nguy hại được bố trí ở vị trí an toàn (xa nguồn nước, xa khu vực dễ bắt cháy và xa nơi làm việc của công nhân), phải có mái che và đặt trên nền đất cao hơn khu vực xung quanh để không cho nước mưa chảy tràn qua.

- Chủ đầu tư yêu cầu các nhà thầu phải có giấy đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại và phải có bản hợp đồng ký kết với đơn vị thu gom chất thải nguy hại có chức năng.

### 3.1.2.8. Giảm thiểu tác động đến kinh tế - xã hội khu vực dự án

- Khi kết thúc thi công từng hạng mục công trình, mặt bằng thi công sẽ được thu dọn sạch sẽ để đảm bảo không còn chướng ngại vật nào có thể gây cản trở hoạt động giao thông trên cả đường thủy và đường bộ.

- Thực hiện tốt các giải pháp giảm thiểu tác động đến môi trường tự nhiên trên tuyến thi công.

- Quá trình thi công tuyệt đối không xâm phạm vào các khu đất ngoài phạm vi giải phóng mặt bằng khi chưa được sự đồng ý của cộng đồng, chính quyền địa phương và các cơ quan có thẩm quyền.

- Phổ biến và tuyên truyền các quy định pháp luật cho công nhân, nghiêm cấm và xử lý kịp thời các trường hợp công nhân gây rối an ninh trật tự tại địa phương.

- Phối hợp với chính quyền địa phương trong việc ngăn ngừa và đấu tranh chống tệ nạn xã hội.

- Ưu tiên sử dụng công nhân xây dựng tại địa phương nhằm hạn chế bớt những tác động đến môi trường như xây dựng lán trại, giảm thiểu các chất thải của công nhân xây dựng đến môi trường; những tác động đến tình hình hình trật tự, trị an tại khu vực dự án do sử dụng công nhân ở nơi khác đến xây dựng.

- Trong quá trình thi công xây dựng, chủ thầu thi công phải chịu trách nhiệm kiểm tra, giám sát công nhân tuân thủ chặt chẽ những quy định đã đặt ra nhằm đảm bảo trật tự trị an tại khu vực dự án.

- Nghiêm cấm công nhân phóng uế bừa bãi, vứt rác không đúng nơi quy định.

- Ban hành nội quy để công nhân tuân thủ các qui định, giữ gìn vệ sinh môi trường trong quá trình thi công.

- Chúng tôi yêu cầu công nhân đang thi công tại công trường sử dụng các nhà vệ sinh hợp vệ sinh do nhà thầu trang bị để giảm thiểu ô nhiễm môi trường.

- Bảo quản nhiên liệu đúng qui trình, hạn chế rò rỉ, phát tán ra môi trường ngoài.

- Đặt các thùng chứa rác tại các công trường và lán trại. Tiến hành thu gom rác thải về nơi tập trung và hợp đồng với công ty môi trường đô thị vận chuyển về bãi rác tập trung của địa phương.

### 3.1.2.9. Biện pháp quản lý, phòng ngừa và ứng phó rủi ro, sự cố của dự án

#### (1) Tai nạn lao động

- Lập đội kiểm tra an toàn lao động và vệ sinh môi trường tại công trường để nhắc nhở công nhân tuân thủ các quy định an toàn, vệ sinh môi trường.

- Xây dựng và ban hành nội quy làm việc tại công trường bao gồm nội quy ra vào công trường, nội quy về an toàn lao động, các quy định về việc sử dụng các thiết bị máy móc.

- Trang bị đầy đủ và đúng chủng loại các phương tiện bảo hộ lao động cho công nhân như quần áo, găng tay, khẩu trang, kính, ủng...

- Thường xuyên kiểm tra, nhắc nhở công nhân sử dụng trang thiết bị bảo hộ lao động đúng cách. Xử lý nghiêm công nhân không mang bảo hộ lao động khi làm việc.

- Tất cả các máy móc vận hành phải tuyệt đối tuân theo qui trình thao tác và an toàn hiện hành. Hệ thống điện ở hiện trường phải bố trí hợp lý, nghiêm chỉnh chấp hành các qui định an toàn sử dụng điện. Phải có công nhân chuyên môn phụ trách hệ thống điện.

- Tuân thủ các quy định về an toàn lao động khi lập đề án tổ chức thi công như xây dựng lán trại tạm hoặc thuê chỗ trọ để đảm bảo cơ sở vật chất phục vụ cho công nhân (nghỉ ngơi, tắm rửa, nhà vệ sinh ...).

- Các địa chỉ cần thiết liên hệ khi có sự cố sẽ được ghi rõ ràng như: địa chỉ và số điện thoại của bệnh viện, ...

## (2) Tai nạn giao thông

- Lắp đặt các biển báo, cảnh báo cho người dân trong vùng biết nơi công trình đang xây dựng để hạn chế tốc độ vận chuyển của các phương tiện giao thông khi qua lại khu vực.

- Các phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu khi đi vào khu vực đông dân cư phải giảm tốc độ < 5km/h, và bắt còi báo hiệu để cảnh báo cho người dân.

## (3) Sự cố rò rỉ nguyên nhiên vật liệu và cháy nổ

### ➤ An toàn về điện

- Khi sử dụng thiết bị điện, nhà thầu phải kiểm tra công suất của thiết bị phù hợp với khả năng chịu tải của nguồn và dây dẫn.

- Bọc kín các điểm tiếp nối điện bằng vật liệu cách điện tốt để phòng cháy nổ do chập điện.

- Bố trí khu vực chứa nhiên liệu phải ở vị trí phù hợp, cách ly riêng biệt, tránh xa các nguồn có khả năng phát ra tia lửa, lắp đặt biển báo cấm lửa tại các khu vực dễ gây cháy nổ (như các kho chứa nhiên liệu xăng dầu..).

- Thường xuyên thực hiện công tác giám sát, kiểm tra tại các khu vực kho chứa nhiên liệu để phát hiện và có biện pháp khắc phục kịp thời các nguy cơ xảy ra cháy nổ.

- Trang bị các phương tiện chữa cháy tại khu vực làm việc (bình bọt, bình CO<sub>2</sub>,

bơm nước, các khâu móc giặt); đảm bảo các trang thiết bị đó luôn ở trong điều kiện sẵn sàng đáp ứng khi cần thiết. Tổ chức tuyên truyền, hướng dẫn công tác phòng cháy chữa cháy cho công nhân viên làm việc tại công trường.

➤ Hạn chế rò rỉ nhiên liệu

- Khu vực chứa nhiên liệu phải có nền cao hơn so với khu vực xung quanh, đảm bảo khoảng cách ly an toàn đối với khu vực bảo quản nhiên liệu;

- Nhiên liệu phải được đựng hoặc chứa trong các thùng chuyên dụng, đảm bảo kín, không gây rò rỉ;

- Xây dựng nội quy phòng cháy chữa cháy và có kế hoạch ứng cứu sự cố cháy nổ.

### **3.2. Đánh giá tác động và đề xuất các biện pháp, công trình bảo vệ môi trường trong giai đoạn dự án đi vào vận hành**

#### *(1) Tác động tích cực*

Dự án được thực hiện sẽ có tác động thúc đẩy sự phát triển cả về kinh tế và xã hội của khu vực. Rất quan trọng trong thế trận quân sự của thị xã gắn với thế trận khu vực phòng thủ của tỉnh Khánh Hòa, việc đầu tư xây dựng khu tái định cư khu vực phía Đông đường Trần Hưng Đạo, thị trấn Vạn Giã, huyện Vạn Ninh để phát triển kinh tế cho địa phương gắn với củng cố thế trận khu vực phòng thủ là rất cần thiết.

Mức sống của dân cư ngày càng được cải thiện nên nhu cầu về sinh hoạt và giải trí của người dân không ngừng được nâng cao, cơ sở hạ tầng kỹ thuật hiện đại không những tạo ra diện mạo đô thị văn minh mà còn hỗ trợ các nhà đầu tư trong các lĩnh vực giáo dục, văn hóa, y tế, thể thao, và các lĩnh vực kinh doanh giải trí, thương mại, góp phần nâng cao chất lượng và nhu cầu ngày càng tăng của người dân trong khu vực.

Đem đến tiềm năng và những thuận lợi về giao lưu thương mại, văn hóa xã hội, dịch vụ hành chính không chỉ trong khu vực Huyện mà còn ở các vùng lân cận, tạo ra nhiều việc làm mới cho người dân khu vực.

Dự án góp phần hoàn chỉnh hệ thống giao thông Huyện, giúp cho người dân có môi trường sống tốt hơn, thuận lợi để kinh doanh phát triển và làm giảm ô nhiễm môi trường nhờ hệ thống đường sá, hệ thống hạ tầng kỹ thuật quy mô và đồng bộ.

#### *(2) Tác động tiêu cực*

Quy hoạch khu dân cư trong giai đoạn hoạt động có tác động không nhỏ đến môi trường, việc phát sinh một lượng chất thải rắn và nước thải sinh hoạt làm gia tăng áp lực lên khu vực tiếp nhận nguồn thải.

Quy hoạch khu dân cư dẫn tới gia tăng dân số cơ học tại khu vực dẫn đến vấn đề quản lý an ninh trật tự xã hội tại khu vực trở nên khó khăn hơn.

### 3.3. Nhận xét về mức độ chi tiết, độ tin cậy của các kết quả đánh giá, dự báo

Đánh giá tác động của dự án tới các đối tượng chịu tác động đều tuân theo một trình tự:

- Xác định tính và định lượng (nếu có thể) nguồn gây tác động theo từng hoạt động hoặc từng thành phần của các hoạt động gây tác động của dự án.

- Xác định qui mô không gian và thời gian của các đối tượng bị tác động. Đánh giá tác động dựa trên quy mô nguồn gây tác động, quy mô không gian, thời gian và tính nhạy cảm của các đối tượng chịu tác động.

- Các đánh giá không chỉ xem xét tới các tác động trực tiếp từ các hoạt động của dự án mà còn xem xét tới những tác động gián tiếp và tiềm tàng như hậu quả của những biến đổi của các yếu tố môi trường với các tác động này.

Các công cụ đánh giá tác động môi trường là các phương pháp đã được trình bày và đánh giá ở trên. Kết quả đánh giá là tin cậy. Do đó, việc đánh giá các tác động, qui mô và mức độ tác động của dự án tới môi trường đối với từng giai đoạn thực hiện của dự án là thực tế.

Chủ dự án cũng đã có những cam kết trình bày trong phần kết luận và kiến nghị của báo cáo này để thực hiện tốt các biện pháp giảm thiểu và phòng ngừa ô nhiễm được đề ra nhằm đảm bảo phát triển dự án về bảo vệ môi trường khu vực.

Các đánh giá trên được thực hiện trên các cơ sở lý thuyết của các yếu tố ô nhiễm tác động lên đối tượng cụ thể trong hoạt động của dự án và so sánh với các số liệu đo đạc cụ thể đã được thực tế kiểm nghiệm và dự đoán hậu quả.

Một số đánh giá chỉ mang tính chất dự báo, mang tính chất định tính do có số liệu cụ thể về thông số môi trường và kỹ thuật để tính toán định lượng.

Tuy nhiên các đánh giá tác động trên là tin cậy về phương diện phòng ngừa, hạn chế, giảm thiểu những tác động đối với môi trường do chất thải độc hại gây ra từ 03 nguồn thải chính khi thực hiện dự án: chất thải rắn, chất thải lỏng và chất thải khí.

## CHƯƠNG 4

### CHƯƠNG TRÌNH QUẢN LÝ VÀ GIÁM SÁT MÔI TRƯỜNG

#### 4.1. Chương trình quản lý môi trường của dự án

Để phán ánh kịp thời tác động tới môi trường của dự án trong quá trình chuẩn bị, Chợ Trung tâm huyện Vạn Ninh và đánh giá hiệu quả của các biện pháp hạn chế và xử lý ô nhiễm, Chúng tôi dự kiến thực hiện chương trình quản lý và giám sát môi trường theo đúng quy định của các cơ quan chức năng.

Chương trình quản lý môi trường của dự án như sau:

- Báo cáo UBND thị trấn Vạn Giã, huyện Vạn Ninh nơi thực hiện dự án về nội dung của Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường.

- Niêm yết công khai báo cáo đánh giá tác động môi trường tại địa điểm thực hiện dự án về các loại chất thải, thông số tiêu chuẩn về chất thải, các giải pháp bảo vệ môi trường để cộng đồng dân cư biết, kiểm tra và giám sát.

- Thường xuyên kiểm tra công tác bảo vệ môi trường tại các khu vực có khả năng xảy ra những tác động ảnh hưởng đến môi trường xung quanh (máy phát điện, các thiết bị thi công, phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu....);

- Thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường nêu trong chương 3 của báo cáo khi đã được phê duyệt;

- Phòng ngừa, hạn chế tối đa các tác động xấu đối với môi trường từ các hoạt động của dự án theo quy định;

- Khắc phục ô nhiễm môi trường do hoạt động của dự án gây ra theo quy định;

- Tổ chức bộ phận quản lý môi trường tại dự án có đủ trình độ chuyên môn để quản lý, kiểm soát các hoạt động BVMT và ngăn ngừa xả thải chất thải ra môi trường không đúng quy định;

- Chủ dự án cần phối hợp với các cơ quan quản lý chức năng về PCCC, phòng chống sự cố môi trường để xây dựng phương án phòng chống sự cố cháy nổ, rò rỉ nguyên nhiên liệu và hoá chất tại dự án.

- Thường xuyên kiểm tra công tác bảo vệ môi trường tại dự án.

- Tuyên truyền, giáo dục, nâng cao ý thức bảo vệ môi trường cho người dân trong vùng về ý thức bảo vệ môi trường trong khu vực;

- Tuân thủ các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và chấp hành chế độ kiểm tra, thanh tra của cơ quan quản lý Nhà nước về bảo vệ môi trường theo quy định;

- Thực hiện chế độ báo cáo môi trường định kỳ theo đúng chương trình giám sát môi trường đề ra.

#### **4.2. Chương trình giám sát môi trường**

Để phản ánh kịp thời tác động môi trường của dự án trong quá trình xây dựng, hoạt động, đánh giá hiệu quả của các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm, chúng tôi tuân thủ chương trình giám sát môi trường theo luật định.

##### **4.2.1. Giám sát chất lượng nước**

- Số mẫu: 02 mẫu
- Vị trí giám sát: sẽ thực hiện tùy theo tiến trình thi công
  - 01 mẫu điểm đang thực hiện dự án
  - 01 mẫu tại khu vực dân cư tiếp giáp khu vực dự án
- Các chỉ tiêu giám sát: pH, DO, TSS, COD, BOD<sub>5</sub>, Amoni, dầu mỡ, Coliform.
- Tần suất giám sát: 3 tháng/lần
- Thiết bị thu mẫu và phương pháp phân tích: Phương pháp tiêu chuẩn.
- Quy chuẩn so sánh: QCVN 08:2015/BTNMT (cột B1).

##### **4.2.2. Giám sát chất lượng không khí**

- Số lượng mẫu: 02 mẫu
- Vị trí giám sát: tùy theo tiến trình thực hiện dự án
  - + 01 điểm đầu dự án trên tuyến đường hiện hữu gần khu vực dân cư.
  - + 01 điểm cuối của tuyến đường đất dân sinh 3m.
  - + 01 điểm trên tuyến đường đất 1,5 -2m người dân tự mở tiếp nối đường đất dân sinh 3m.

Các chỉ tiêu giám sát: Ôn, SO<sub>2</sub>, NO<sub>2</sub>, HC, Bụi, điều kiện vi khí hậu (tốc độ gió, nhiệt độ, độ ẩm)

- Tần suất giám sát: 3 tháng/lần
- Thiết bị thu mẫu và phương pháp phân tích: Phương pháp tiêu chuẩn.

Quy chuẩn so sánh: QCVN 05:2013/BTNMT, QCVN 06:2009/BTNMT, QCVN 26:2010/BTNMT.

## KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

### 1. KẾT LUẬN

Báo cáo đánh giá các tác động môi trường của dự án “Chợ Trung tâm huyện Vạn Ninh” đã được thực hiện theo đúng hướng dẫn trong Nghị định 08/2022/NĐ – CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường.

Trên cơ sở phân tích đánh giá tác động của Dự án, Chúng tôi rút ra một số kết luận sau đây:

Việc đầu tư quy hoạch đầu tư Chợ trung tâm Huyện Vạn Ninh là hết sức cần thiết, đem lại những lợi ích thiết thực sau:

Theo Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 của huyện Vạn Ninh được UBND tỉnh Khánh Hòa phê duyệt tại Quyết định số 701/QĐ-UBND ngày 14/3/2024 thì dự kiến xây dựng Chợ trung tâm huyện Vạn Ninh Khu dân cư Ruộng Cạn 2, thuộc xã Vạn Thắng với diện tích khoảng 20.000 m<sup>2</sup>. Trên địa bàn xã Vạn Thắng hiện đang có chợ Quảng Hội, là chợ hạng 3 được xây dựng hoàn thành năm 2001 với diện tích khoảng 1.100 m<sup>2</sup> đáp ứng được 50 điểm kinh doanh cố định; hiện nay chợ đã xuống cấp, không đáp ứng được các tiêu chuẩn hiện hành, không thể áp dụng mô hình chợ kinh doanh thực phẩm theo yêu cầu của Bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao.

Vì vậy, việc đầu tư xây dựng Chợ trung tâm huyện Vạn Ninh tại Khu dân cư Ruộng Cạn 2, xã Vạn Thắng theo các quy định về an toàn thực phẩm, phòng cháy chữa cháy, vệ sinh môi trường là rất cần thiết để:

- Di dời hoạt động của Chợ Quảng Hội và chuyển một số mặt hàng kinh doanh buôn bán của Chợ Vạn Ninh hiện tại (*đặc biệt là các mặt hàng tươi sống để kết nối với hoạt động của cảng cá Quảng Hội*) về chợ Trung tâm huyện Vạn Ninh đảm bảo hoạt động theo các quy định hiện hành. Đáp ứng nhu cầu của các tiểu thương và nhân dân mua bán hàng hoá trên địa bàn huyện góp phần phát triển thương mại - dịch vụ của huyện.

- Giải quyết tình trạng kinh doanh tự phát, lấn chiếm lòng lề đường ổn định an ninh trật tự xã hội, an toàn giao thông.

- Kết nối đồng bộ với cảng cá Vạn Thắng.

- Đảm bảo đạt tiêu chí cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn để xã Vạn Thắng đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao và huyện Vạn Ninh đạt chuẩn huyện nông thôn mới năm 2024

Do vậy việc đầu tư dự án: Chợ Trung tâm huyện Vạn Ninh, thị trấn Vạn Giã là thật sự rất cần thiết trong giai đoạn hiện nay, tạo môi trường sống ổn định lâu dài, từng bước hoàn thiện quy hoạch chi tiết đã được phê duyệt.

### 2. KIẾN NGHỊ



Chúng tôi kiến nghị với Ban quản lý Khu kinh tế Vân Phong xem xét thẩm định và phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường cho dự án Chợ Trung tâm huyện Vạn Ninh, để dự án sớm được triển khai thực hiện và đảm bảo tiến độ đầu tư, góp phần mang lại môi trường sạch đẹp hợp vệ sinh cho khu vực dự án.

### **3. CAM KẾT**

Trong quá trình thi công xây dựng cũng như khi đi vào hoạt động, dự án sẽ phát sinh ra những vấn đề tác động đến môi trường. Những tác động cũng như các biện pháp giảm thiểu các tác động cũng được đề cập trong chương 3. Để thực hiện đúng quy định, chúng tôi xin cam kết như sau:

#### *(1) Cam kết thực hiện các chương trình quản lý*

Chúng tôi cam kết thực hiện thực hiện các nội dung đã được đề cập trong chương trình quản lý môi trường đã được trình bày tại chương 3.

#### *(2) Cam kết thực hiện các chương trình giám sát*

Chúng tôi cam kết thực hiện thực hiện các chương trình giám sát môi trường trong giai đoạn xây dựng như đã trình bày trong báo cáo.

Các thông số giám sát cũng như tần suất giám sát đã được trình bày tại chương 4 của báo cáo. Công tác quan trắc này được thực hiện bởi một đơn vị có chức năng và có đủ năng lực thực hiện; kết quả quan trắc sẽ được gửi về Ban quản lý Khu kinh tế Vân Phong để báo cáo.

#### *(3) Cam kết thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường*

Chúng tôi cam kết thực hiện các biện pháp giảm thiểu và khống chế các nguồn gây tác động đến môi trường như đã được đề cập trong chương 3. Các biện pháp gồm:

- Cam kết thực hiện các biện pháp giảm thiểu và khống chế các nguồn gây tác động đến môi trường không khí trong giai đoạn chuẩn bị mặt bằng và xây dựng cũng như khi Dự án đi vào hoạt động.

- Cam kết thực hiện các biện pháp giảm thiểu và khống chế các nguồn gây tác động đến môi trường nước trong giai đoạn xây dựng và khi dự án đi vào hoạt động.

- Cam kết thực hiện các biện pháp giảm thiểu các tác động do chất thải rắn gây ra trong giai đoạn xây dựng và giai đoạn Dự án đi vào hoạt động.

- Cam kết thực hiện các biện pháp giảm thiểu và khống chế các rủi ro, sự cố môi trường trong giai đoạn xây dựng và giai đoạn Dự án đi vào hoạt động.

#### *(4) Cam kết đạt tiêu chuẩn môi trường*

Trong quá trình xây dựng, Chúng tôi cam kết thực hiện các biện pháp nhằm bảo vệ môi trường đã được đề cập trong chương 3 nhằm đạt các tiêu chuẩn, qui chuẩn môi

trường do Nhà nước đã ban hành. Bao gồm:

◆ Tiêu chuẩn về không khí:

Các chất gây ô nhiễm không khí trong quá trình xây dựng đạt Tiêu chuẩn môi trường Việt Nam được quy định tại QCVN 05:2013/BTNMT, QCVN 06:2009/BTNMT.

Chúng tôi cam kết không chế đến mức thấp nhất nồng độ bụi lơ lửng phát tán ra môi trường do các hoạt động xây dựng công trình của dự án gây ra.

◆ Độ ồn và rung:

Đảm bảo độ ồn phát sinh trong quá trình xây dựng đạt tiêu chuẩn tiếng ồn đã được quy định tại QCVN 26-2010/BTNMT, QCVN 27-2010/BTNMT.

◆ Nước thải:

- Trong giai đoạn xây dựng, nước thải sinh hoạt của công nhân xây dựng được thu gom và xử lý bằng nhà vệ sinh di động;

(5) Cam kết khác

Chúng tôi xin cam kết quá trình xây dựng của dự án đảm bảo đạt các tiêu chuẩn và quy chuẩn môi trường Việt Nam và các quy định, thông tư liên quan, cũng như hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật Việt Nam nếu vi phạm các công ước quốc tế, các tiêu chuẩn Việt Nam hoặc để xảy ra sự cố gây ô nhiễm môi trường.

**VĂN BẢN PHÁP LÝ CỦA DỰ ÁN**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
HUYỆN VẠN NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**



Số: 1302/UBND-TCKH

Vạn Ninh, ngày 12 tháng 4 năm 2024

V/v giao nhiệm vụ lập dự án đổi  
với dự án thuộc Chương trình  
mục tiêu quốc gia xây dựng nông  
thôn mới

Kính gửi: Phòng Kinh tế huyện.

Căn cứ Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14 ngày 13/6/2019 của Quốc  
hội;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;

Căn cứ Luật số 62/2020/QH14 ngày 17/6/2020 về sửa đổi, bổ sung một  
số điều của Luật Xây dựng;

Căn cứ Nghị quyết số 04/NQ-HĐND ngày 28/3/2024 của Hội đồng nhân  
dân tỉnh Khánh Hoà về việc điều chỉnh chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu  
quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh Khánh Hoà giai đoạn 2021-2025 đã được  
ban hành tại Nghị quyết số 62/NQ-HĐND ngày 22/8/2022 và Nghị quyết số  
27/NQ-HĐND ngày 21/7/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh;

Để có cơ sở triển khai các bước tiếp theo theo Luật Đầu tư công, UBND  
huyện giao Phòng Kinh tế làm chủ đầu tư và lập dự án trình cấp có thẩm quyền  
phê duyệt dự án: Chợ Trung tâm huyện Vạn Ninh theo danh mục đính kèm,  
đồng thời gửi quyết định phê duyệt dự án về UBND huyện trước ngày  
19/5/2024 (đồng gửi Phòng Tài chính - Kế hoạch).

Phòng Kinh tế huyện triển khai thực hiện các bước tiếp theo đúng quy  
định hiện hành.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Phòng Tài chính - KH;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



**Đàm Ngọc Quang**

**DANH MỤC CÔNG TRÌNH LẬP DỰ ÁN THUỘC  
CHƯƠNG TRÌNH MÔC XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI NĂM 2024**

(Kèm theo Văn bản số **1302/UBND-TCKH** ngày **2** tháng **4** năm **2024** UBND huyện Vạn Ninh)

**DVT. Triệu đồng**

STT	Tên công trình	Chủ đầu tư	Năm thực hiện	TMBĐT	NS cấp tỉnh	NS cấp huyện,	Hình thức đầu tư	Quy hoạch áp dụng	Quy mô đầu tư	Ghi chú
	<b>Phòng Kinh tế</b>			<b>20.000</b>	<b>14.000</b>	<b>6.000</b>				
	Chợ Trung tâm huyện Vạn Ninh	Phòng Kinh tế	2024 -2025	20.000	14.000	6.000	Đầu tư mới	QH sử dụng đất	Đầu tư Chợ Trung tâm huyện đạt chuẩn chợ kinh doanh thực phẩm với quy mô diện tích khoảng 14.000 m <sup>2</sup>	



**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH KHÁNH HÒA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Ký bởi: Ủy  
BAN NHÂN  
DÂN TỈNH  
KHÁNH HÒA  
Email:  
ubnd@khanhho  
a.gov.vn  
Cơ quan: Ủy  
BAN NHÂN  
DÂN TỈNH  
KHÁNH HÒA

Số: 3937 /UBND-KT

Khánh Hòa, ngày 12 tháng 11 năm 2024

V/v triển khai Nghị quyết số  
04/NQ-HĐND ngày 28/3/2024  
của HĐND tỉnh.

Kính gửi:

- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố.

Triển khai thực hiện Nghị quyết số 04/NQ-HĐND ngày 28/3/2024 của HĐND tỉnh về điều chỉnh chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2021-2025 đã được ban hành tại Nghị quyết số 62/NQ-HĐND ngày 22/8/2022 và Nghị quyết số 27/NQ-HĐND ngày 21/7/2023 của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh có ý kiến như sau:

Giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, UBND các huyện, thị xã, thành phố chủ động triển khai thực hiện Nghị quyết nêu trên theo chức năng, nhiệm vụ được giao; kịp thời đề xuất, tham mưu những nội dung thuộc thẩm quyền UBND tỉnh theo đúng quy định./.

(Sao kèm Nghị quyết số 04/NQ-HĐND ngày 28/3/2024 của HĐND tỉnh)

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thường trực HĐND tỉnh (báo cáo);
- Chủ tịch UBND tỉnh (báo cáo);
- Lưu: VT, LV.

**KT, CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



Trần Hòa Nam





HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
TỈNH KHÁNH HÒA

Số: 04/NQ-HĐND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Khánh Hòa, ngày 28 tháng 3 năm 2024

**NGHỊ QUYẾT**

Điều chỉnh chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2021-2025 đã được ban hành tại Nghị quyết số 62/NQ-HĐND ngày 22 tháng 8 năm 2022 và Nghị quyết số 27/NQ-HĐND ngày 21 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh

UBND TỈNH KHÁNH HÒA

**ĐẾN**

Số: 11.80

Ngày: 05/4

Chuyển: A. Văn (001/A)

Số và ký hiệu HS:

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA  
KHÓA VII, KỲ HỌP THỨ 13**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;  
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;  
Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;  
Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;  
Căn cứ Nghị quyết số 25/2021/QH15 ngày 28 tháng 7 năm 2021 của Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025;  
Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;  
Căn cứ Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22 tháng 02 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025;  
Căn cứ Thông tư số 55/2023/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2023 của Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025;  
Xét Tờ trình số 2934/TTr-UBND ngày 20 tháng 3 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra số 21/BC-BDT ngày 26 tháng 3 năm 2024 của Ban Dân tộc Hội đồng nhân dân tỉnh; tiếp thu, giải trình của Ủy ban nhân dân tỉnh tại Công văn số 3132/UBND-KT ngày 27 tháng 3 năm 2024 và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Điều chỉnh chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2021-2025 đã được ban hành tại Nghị quyết số 62/NQ-HĐND ngày 22 tháng 8 năm 2022 và Nghị quyết số 27/NQ-HĐND ngày 21 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh như sau:

1. Điều chỉnh khoản 1 Điều 1 Nghị quyết số 27/NQ-HĐND:



“1. Mục tiêu: Hỗ trợ vốn cho các địa phương thực hiện các nội dung Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới để đến cuối năm 2025 có ít nhất 75/92 xã (80% số xã) đạt chuẩn nông thôn mới, 37/92 xã (40% số xã) đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, 10/92 xã (10% số xã) đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu, không còn xã dưới 15 tiêu chí; huyện Vạn Ninh, huyện Cam Lâm đạt chuẩn huyện nông thôn mới, huyện Diên Khánh đạt chuẩn huyện nông thôn mới nâng cao; thành phố Cam Ranh hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới”.

2. Điều chỉnh khoản 2 Điều 1 Nghị quyết số 27/NQ-HĐND và khoản 3 Điều 1 Nghị quyết số 62/NQ-HĐND:

“3. Tổng vốn thực hiện Chương trình là 1.513.288 triệu đồng (tăng 428.922 triệu đồng so với Nghị quyết số 27/NQ-HĐND); trong đó:

- Vốn sự nghiệp kinh tế: 178.930 triệu đồng (tăng 47.380 triệu đồng so với Nghị quyết số 62/NQ-HĐND);

- Vốn đầu tư phát triển: 1.334.358 triệu đồng (tăng 381.542 triệu đồng so với Nghị quyết số 27/NQ-HĐND).”

3. Điều chỉnh, bổ sung khoản 3 Điều 1 Nghị quyết số 27/NQ-HĐND và các phụ lục danh mục kèm theo Nghị quyết số 62/NQ-HĐND và Nghị quyết số 27/NQ-HĐND:

“3. Vốn đầu tư phát triển thực hiện trên phạm vi toàn bộ 92 xã của Chương trình; các phường, thị trấn liên quan đến mục tiêu đạt chuẩn huyện nông thôn mới, huyện nông thôn mới nâng cao, thành phố hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới; hỗ trợ theo Quyết định số 1804/QĐ-TTg ngày 13/11/2020 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã giai đoạn 2021-2025; Quyết định số 167/QĐ-TTg ngày 03/02/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án lựa chọn, hoàn thiện, nhân rộng mô hình hợp tác xã kiểu mới hiệu quả tại các địa phương trên cả nước giai đoạn 2021-2025.

Các phụ lục gồm:

- Phụ lục 01 - Lộ trình đạt chuẩn nông thôn mới giai đoạn 2021-2025;
- Phụ lục 02 - Danh sách các địa phương bổ sung so với Nghị quyết số 62/NQ-HĐND và Nghị quyết số 27/NQ-HĐND;
- Phụ lục 03 - Danh mục vốn đầu tư phát triển bổ sung so với Nghị quyết số 62/NQ-HĐND và Nghị quyết số 27/NQ-HĐND;
- Phụ lục 04 - Danh mục công trình đưa ra khỏi Nghị quyết số 62/NQ-HĐND;
- Phụ lục 05 - Danh mục công trình đưa ra khỏi Nghị quyết số 27/NQ-HĐND;
- Phụ lục 06 - Danh mục đầu tư điều chỉnh của các địa phương đã được phê duyệt chủ trương đầu tư tại Nghị quyết số 62/NQ-HĐND;



- Phụ lục 07 - Danh mục đầu tư điều chỉnh của các địa phương đã được phê duyệt chủ trương đầu tư tại Nghị quyết số 27/NQ-HĐND;

- Phụ lục 08 - Danh mục vốn sự nghiệp kinh tế bổ sung”.

(Đính kèm các phụ lục)

**Điều 2.** Các nội dung khác không thuộc đối tượng điều chỉnh của Nghị quyết này vẫn tiếp tục thực hiện theo Nghị quyết số 62/NQ-HĐND ngày 22/8/2022 và Nghị quyết số 27/NQ-HĐND ngày 21/7/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

**Điều 3.** Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Khánh Hòa Khóa VII, nhiệm kỳ 2021 – 2026, kỳ họp thứ 13 thông qua ngày 28 tháng 3 năm 2024./

**Nơi nhận:**

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Ủy ban mặt trận tổ quốc Việt Nam tỉnh;
- Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh;
- ĐUK các cơ quan, ĐUK doanh nghiệp;
- Các cơ quan tham mưu giúp việc Tỉnh ủy;
- Các Sở, ban, ngành, đoàn thể;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh;
- HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Lưu: VT, Tm.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



*Trần Mạnh Dũng*

**Trần Mạnh Dũng**





Phụ lục 01

**TRÌNH ĐẠT CHUẨN NÔNG THÔN MỚI GIAI ĐOẠN 2021-2025**

(Kèm theo Nghị quyết số 04/NQ-HĐND ngày 28 tháng 3 năm 2024 của HĐND tỉnh)

Stt	Địa phương	Năm đạt chuẩn		
		NTM	NTM nâng cao	NTM kiểu mẫu
	<b>TỔNG CỘNG</b>	76 xã và 05 cấp huyện	39 xã và 01 cấp huyện	11 xã
<b>I</b>	<b>Huyện Vạn Ninh</b>	<b>2025</b>		
1	Xã Xuân Sơn	2018		
2	Xã Vạn Lương	2015		
3	Xã Vạn Hưng	2015	2023	
4	Xã Vạn Phú	2018	2022	2025
5	Xã Vạn Bình	2018	2025	
6	Xã Vạn Thắng	2016	2024	
7	Xã Vạn Khánh	2021		
8	Xã Vạn Long	2022		
9	Xã Vạn Phước	2020		
10	Xã Vạn Thọ	2019		
11	Xã Vạn Thạnh	2024		
<b>II</b>	<b>Thị xã Ninh Hòa</b>			
1	Xã Ninh Quang	2014	2020	2024
2	Xã Ninh Phụng	2015	2023	
3	Xã Ninh Bình	2017	2023	
4	Xã Ninh Hưng	2017	2023	
5	Xã Ninh Đông	2017	2023	2025
6	Xã Ninh Sim	2020		
7	Xã Ninh Trung	2020		
8	Xã Ninh Xuân	2021		
9	Xã Ninh Thân	2018	2024	
10	Xã Ninh Tân	2019	2024	
11	Xã Ninh Sơn	2020	2024	
12	Xã Ninh Lộc	2021	2025	
13	Xã Ninh Thượng	2024		
14	Xã Ninh Vân	2018		
15	Xã Ninh Phú	2019	2024	
16	Xã Ninh Ích	2020		
17	Xã Ninh Tây	2024		
18	Xã Ninh An	2025		
19	Xã Ninh Thọ	2016	2025	
20	Xã Ninh Phước			
<b>III</b>	<b>Thành phố Nha Trang</b>	<b>2024</b>		
1	Xã Vĩnh Trung	2015	2024	
2	Xã Vĩnh Thạnh	2015	2023	
3	Xã Vĩnh Hiệp	2014	2022	
4	Xã Vĩnh Lương	2019		



Stt	Địa phương	Năm đạt chuẩn		
		NTM	NTM nâng cao	NTM kiểu mẫu
5	Xã Vĩnh Phương	2016	2020	2025
6	Xã Vĩnh Ngọc	2014		
7	Xã Phước Đông	2016		
<b>IV</b>	<b>Huyện Diên Khánh</b>	<b>2023</b>	<b>2025</b>	
1	Xã Diên Điền	2016	2021	2025
2	Xã Diên Hòa	2017	2024	
3	Xã Diên Toàn	2017		
4	Xã Suối Tiên	2019		
5	Xã Diên Thạnh	2018		
6	Xã Bình Lộc	2020		
7	Xã Diên Xuân	2023		
8	Xã Diên Tân	2021		
9	Xã Diên Đồng	2022		
10	Xã Diên An	2014	2021	2025
11	Xã Diên Sơn	2015	2023	
12	Xã Diên Phước	2014	2022	2025
13	Xã Diên Lạc	2014	2022	2025
14	Xã Diên Phú	2014	2023	
15	Xã Diên Thọ	2015	2024	
16	Xã Diên Lâm	2015		
<b>V</b>	<b>Huyện Cam Lâm</b>	<b>2025</b>		
1	Xã Cam Hải Tây	2014	2021	2025
2	Xã Cam Tân	2015	2024	
3	Xã Cam Hiệp Nam	2015	2025	
4	Xã Cam Hiệp Bắc	2017		
5	Xã Cam Hải Đông	2016	2024	
6	Xã Cam Phước Tây	2023		
7	Xã Cam Hòa	2017	2025	
8	Xã Suối Cát	2021	2025	
9	Xã Cam Thành Bắc	2019	2021	2025
10	Xã Cam An Bắc	2018		
11	Xã Cam An Nam	2020		
12	Xã Sơn Tân	2024		
<b>VI</b>	<b>Thành phố Cam Ranh</b>	<b>2025</b>		
1	Xã Cam Bình	2014	2025	
2	Xã Cam Thịnh Đông	2015	2023	2025
3	Xã Cam Phước Đông	2025		
4	Xã Cam Lập	2015	2024	
5	Xã Cam Thịnh Tây	2025		
6	Xã Cam Thành Nam	2014	2025	
<b>VII</b>	<b>Huyện Khánh Vĩnh</b>			
1	Xã Sông Cầu	2019	2025	
2	Xã Khánh Đông	2025		
3	Xã Giang Ly			



Stt	Địa phương	Năm đạt chuẩn		
		NTM	NTM nâng cao	NTM kiểu mẫu
4	Xã Khánh Thượng			
5	Xã Liên Sang			
6	Xã Khánh Thành			
7	Xã Khánh Phú			
8	Xã Khánh Nam			
9	Xã Khánh Trung			
10	Xã Khánh Hiệp			
11	Xã Khánh Bình	2025		
12	Xã Cầu Bà			
13	Xã Sơn Thái			
<b>VIII</b>	<b>Huyện Khánh Sơn</b>			
1	Xã Thành Sơn			
2	Xã Sơn Lâm			
3	Xã Sơn Bình	2024		
4	Xã Sơn Hiệp	2025		
5	Xã Sơn Trung			
6	Xã Ba Cùm Bắc			
7	Xã Ba Cùm Nam			



DANH SÁCH CÁC ĐỊA PHƯƠNG BỔ SUNG SƠ VỚI NGHỊ QUYẾT SỐ 62/NQ-HĐND NGÀY 22/8/2022

NGHỊ QUYẾT SỐ 27/NQ-HĐND NGÀY 21/7/2023 CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH

Kèm theo Nghị quyết số 04/NQ-HĐND ngày 28 tháng 3 năm 2024 của HĐND tỉnh

Stt	Địa phương	Ghi chú
<b>A</b>	<b>DANH SÁCH XÃ ĐẠT CHUẨN NTM BỔ SUNG</b>	<b>Tăng 04 xã (từ 72 lên 76 xã)</b>
1	Xã Vạn Thạnh	
2	Xã Ninh An	
3	Xã Sơn Hiệp	
4	Xã Khánh Bình	
<b>B</b>	<b>DANH SÁCH XÃ ĐẠT CHUẨN NTM NÂNG CAO BỔ SUNG</b>	<b>Tăng 07 xã (từ 32 lên 39 xã)</b>
1	Xã Ninh Thọ	
2	Xã Cam Hải Tây	
3	Xã Cam Tân	
4	Xã Cam Hiệp Nam	
5	Xã Cam Hải Đông	
6	Xã Cam Hòa	
7	Xã Cam Thành Bắc	
<b>C</b>	<b>DANH SÁCH XÃ ĐẠT CHUẨN NÔNG THÔN MỚI KIỂU MẪU BỔ SUNG</b>	<b>Tăng 04 xã (từ 07 xã lên 11 xã)</b>
1	Xã Vạn Phú	
2	Xã Diên Lạc	
3	Xã Cam Hải Tây	
4	Xã Cam Thành Bắc	
<b>D</b>	<b>CẤP HUYỆN ĐẠT CHUẨN NÔNG THÔN MỚI</b>	<b>Tăng 02 huyện (từ 01 huyện Diên Khánh lên thành 03 huyện)</b>
1	Huyện Vạn Ninh	
2	Huyện Cam Lâm	
<b>E</b>	<b>THÀNH PHỐ HOÀN THÀNH NHIỆM VỤ XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI</b>	
1	Thành phố Nha Trang	
2	Thành phố Cam Ranh	
<b>F</b>	<b>CẤP HUYỆN ĐẠT CHUẨN HUYỆN NÔNG THÔN MỚI NÂNG CAO</b>	
1	Huyện Diên Khánh	

\* Huyện Cam Lâm chưa đăng ký nhu cầu để huyện đạt chuẩn NTM, huyện Diên Khánh chưa đăng ký nhu cầu để huyện đạt chuẩn NTM nâng cao



**Phụ lục 03:**  
**PHỤ LỤC MỤC VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN BÓ SUNG SỞ 62/NQ-HĐND NGÀY 22/8/2022,**  
**NGHỊ QUYẾT SỐ 27/NQ-HĐND NGÀY 21/7/2023 CỦA HĐND TỈNH**  
*(Kèm theo Nghị quyết số 04 /NQ-HĐND ngày 08 tháng 3 năm 2024 của HĐND tỉnh)*



Số	Tên công trình	TMBĐT	NS cấp tỉnh	NS cấp huyện, NS cấp xã và các nguồn vốn hợp pháp khác	Hình thức đầu tư	Quy hoạch áp dụng	Quy mô đầu tư	Ghi chú
	<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>456.780</b>	<b>194.008</b>	<b>262.772</b>				
<b>I</b>	<b>HUYỆN VẠN NINH</b>	<b>43.614</b>	<b>21.984</b>	<b>21.630</b>				
	Chợ Trung tâm huyện Vạn Ninh	20.000	14.000	6.000	Đầu tư mới	QH sử dụng đất	Đầu tư Chợ Trung tâm huyện đạt chuẩn chợ kinh doanh thực phẩm với quy mô diện tích khoảng 14.000 m <sup>2</sup>	
1	Xã Vạn Thạnh	5.400	2.340	3.060				
a	Hệ thống lưới điện nông thôn	1.800	1.260	540				
	Đầu tư hệ thống điện cho các thôn Ninh Đào, Ninh Tân, Diếp Sơn	1.800	1.260	540	Đầu tư mới		Bổ sung máy phát điện chạy dầu, lắp đặt hệ thống đường dây điện và xây dựng trạm đặt máy phát cho các thôn Ninh Đào, Ninh Tân, Diếp Sơn	
b	Trường học	3.600	1.080	2.520				
	Cải tạo, sửa chữa trường Mầm non Vạn Thạnh	1.200	360	840	Cải tạo, sửa chữa		Cải tạo, sửa chữa Khu hiệu bộ; Khu nhà vệ sinh cán bộ, giáo viên; Khối 3 phòng học; Khối 5 phòng học; Cổng trường rào	
2	Xã Vạn Thắng	1.200	840	360				
a	Giao thông	1.200	840	360				
	Đền chiếu sáng, biển báo, biển chỉ dẫn các trục đường xã	1.200	840	360	Đầu tư mới	QH sử dụng đất	Đầu tư bổ sung hệ thống điện chiếu sáng, biển báo, biển chỉ dẫn trên các trục đường xã	
b	Cơ sở vật chất văn hóa	4.000	1.200	2.800				
	Trung tâm Văn hóa - Thể thao xã (hạng mục: trung tâm thể dục - thể thao)	4.000	1.200	2.800	Đầu tư mới	QH sử dụng đất	Đầu tư Khu thể thao xã với diện tích khoảng 20.000 m <sup>2</sup>	
3	Vạn Bình	6.100	1.530	4.570				
a	Cơ sở vật chất văn hóa	5.000	1.200	3.800				
	Trung tâm văn hóa - thể thao xã (hạng mục Hội trường nhà văn hóa)	4.000	1.200	2.800	Đầu tư mới	QH sử dụng đất	Đầu tư xây dựng Hội trường đa năng có sức chứa 250 chỗ ngồi, các trang thiết bị phục vụ hoạt động văn hóa, văn nghệ; hệ thống wifi Parabol công cộng trong khuôn viên Trung tâm Văn hóa thể thao xã	
	Xây dựng điểm vui chơi, giải trí và thể thao cho trẻ em, người cao tuổi ở 3 thôn	1.000		1.000	Đầu tư mới	QH sử dụng đất	Đầu tư các trang thiết bị thể dục, thể thao, giải trí phục vụ nhu cầu vui chơi, giải trí cho trẻ em và người cao tuổi tại 05 thôn	
b	Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn	1.100	330	770				
	Sửa chữa, nâng cấp chợ Trung Đông	1.100	330	770	Sửa chữa, nâng cấp	QH sử dụng đất	Đầu tư sửa chữa, nâng cấp chợ đảm bảo các tiêu chí của chợ kinh doanh thực phẩm (gồm: sửa chữa, mở rộng Nhà lồng chợ, nâng nền bê tông khuôn viên chợ, hệ thống thoát nước và điện chiếu sáng,...)	
4	Xã Vạn Phú	5.564	1.669	3.895				
a	Trường học	5.564	1.669	3.895				



Stt	Tên công trình	Năm thực hiện	TMBĐT	NS cấp tỉnh	NS cấp huyện, NS cấp xã và các nguồn vốn hợp pháp khác	Hiện thực đầu tư	Quy hoạch áp dụng	Quy mô đầu tư	Ghi chú
1	Trường THCS Mệ Linh	2024	5.564	1.669	3.895	Nâng cấp, sửa chữa	QH sử dụng đất	- Đầu tư cải tạo, sửa chữa khối hành chính quan trọng, khối nhà lớp học, khối hỗ trợ học tập, khối phụ trợ, mái che khu tập thể học sinh, công trường rào; - Xây mới phòng học môn Mỹ thuật, phòng học môn Khoa học xã hội, môn Khoa học tự nhiên; - Sửa chữa, mua sắm mới trang thiết bị bán ghế phục vụ giảng dạy, học tập.	
5	<b>Xã Vạn Lương</b>		1.200	360	840				
a	Cơ sở vật chất văn hóa		1.200	360	840				
1	Trung tâm Văn hóa - Thể thao xã. Hàng mục: Khu thể thao xã	2024	1.200	360	840	Đầu tư mới	QH sử dụng đất	Xây dựng công. tường rào, nâng nền khu thể thao xã với diện tích khoảng 3.800 m <sup>2</sup>	
6	<b>Xã Vạn Thọ</b>		150	45	105				
a	Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn		150	45	105				
1	Sửa chữa, nâng cấp chợ Cổ Mè	2024	150	45	105	Nâng cấp, sửa chữa	QH sử dụng đất	Đầu tư sửa chữa bộ trí các điểm kinh doanh, xây dựng nhà vệ sinh, khu để xe trong khuôn viên chợ	
II	<b>THỊ XÃ NINH HÒA</b>		285.216	100.059	185.157				
1	<b>Xã Ninh Tây</b>		5.727	1.718	4.009				
a	Trường học		5.727	1.718	4.009				
1	Xây dựng Trường Mầm non Ninh Tây (Hàng mục: công trình phụ trợ, hệ thống PCCC)	2024	3.387	1.016	2.371	Xây dựng mới		- Công trình phụ trợ: tường rào, bộ thu gom rác thải tại 04 điểm trường - Trang bị hệ thống thiết bị PCCC tại điểm trường chính.	
2	Xây dựng Trường TH&THCS Ninh Tây (Hàng mục: Nhà vệ sinh, hệ thống PCCC)	2024	2.340	702	1.638	Xây dựng mới		- Nhà vệ sinh giáo viên, nhà vệ sinh học sinh - Trang bị hệ thống thiết bị PCCC.	
2	<b>Xã Ninh Thượng</b>		9.421	2.256	7.165				
a	Trường học		7.521	2.256	5.265				
1	Xây dựng Trường Mầm non Ninh Thượng (Hàng mục: Phòng học, công trình phụ trợ, hệ thống thiết bị PCCC)	2024	6.428	1.928	4.500	Xây dựng mới		- Không phòng học: 03 phòng học. - Xây dựng các công trình phụ trợ. - Trang bị hệ thống thiết bị PCCC.	
2	Xây dựng Trường THCS Ngô Thi Nhiệm (Hàng mục: tường rào)	2024	1.093	328	765	Xây dựng mới		- Xây dựng tường rào.	
b	Cơ sở vật chất văn hóa		1.900	1.900					
1	Nhà văn hóa - Khu thể thao thôn Tân Hiệp	2024	1.200	700	500	Xây dựng mới	QH Nông thôn mới	Diện tích khoảng 140 m <sup>2</sup>	
2	Khu thể thao thôn 1	2024	700	700		Xây dựng mới	QH Nông thôn mới	San lấp mặt bằng, xây dựng tường rào	
3	<b>Xã Ninh Phú</b>		8.005	2.221	5.783				
a	Cơ sở vật chất văn hóa		600	600					
1	Nhà văn hóa - Khu thể thao thôn Hội Phú Nam (Hàng mục: Lắp đặt dụng cụ thể dục thể thao)	2024	100	100	100	Xây dựng mới	Bổ sung khi điều chỉnh QH chung xây dựng xã	Lắp đặt dụng cụ thể dục thể thao	
2	Nhà văn hóa - Khu thể thao thôn Hội Phú Bắc 2 (Hàng mục: Lắp đặt dụng cụ thể dục thể thao)	2024	100	100	100	Xây dựng mới	QH chung xây dựng xã	Lắp đặt dụng cụ thể dục thể thao	
3	Nhà văn hóa - Khu thể thao thôn Hội Điện (Hàng mục: Lắp đặt dụng cụ thể dục thể thao)	2024	100	100	100	Xây dựng mới	Bổ sung khi điều chỉnh QH chung xây dựng xã	Lắp đặt dụng cụ thể dục thể thao	
4	Nhà văn hóa - Khu thể thao thôn Tân Dư 1 (Hàng mục: Lắp đặt dụng cụ thể dục thể thao)	2024	100	100	100	Xây dựng mới	QH chung xây dựng xã	Lắp đặt dụng cụ thể dục thể thao	
5	Nhà văn hóa - Khu thể thao thôn Tân Dư 2 (Hàng mục: Lắp đặt dụng cụ thể dục thể thao)	2024	100	100	100	Xây dựng mới	Bổ sung khi điều chỉnh QH chung xây dựng xã	Lắp đặt dụng cụ thể dục thể thao	
6	Nhà văn hóa - Khu thể thao thôn Lã Cam (Hàng mục: Lắp đặt dụng cụ thể dục thể thao)	2024	100	100	100	Xây dựng mới	Bổ sung khi điều chỉnh QH chung xây dựng xã	Lắp đặt dụng cụ thể dục thể thao	
b	Trường học		7.405	2.221	5.183				



SST	Tên công trình	Năm thực hiện	TMDT	NS cấp tỉnh	NS cấp huyện, NS cấp xã và các nguồn vốn hợp pháp khác	Hình thức đầu tư	Quy hoạch áp dụng	Quy mô đầu tư	Ghi chú
1	Xây dựng Trường Mầm non Ninh Phú (Hàng mìn): Phòng học, công trình phụ trợ, hệ thống thiết bị PCCC)	2024	3.845	1.153	2.691	Đầu tư mới		- Khối phòng học: 01 phòng học. - Công trình phụ trợ: tường rào - Trang bị hệ thống thiết bị PCCC.	
2	Xây dựng Trường Tiểu học Ninh Phú (Hàng mìn): Nhà vệ sinh, hệ thống thiết bị PCCC)	2024	2.060	618	1.442	Đầu tư mới		- Nhà vệ sinh học sinh. - Trang bị hệ thống thiết bị PCCC.	
3	Xây dựng Trường THCS Trương Đình (Hàng mìn): Hệ thống thiết bị PCCC)	2024	1.500	450	1.050	Đầu tư mới		- Trang bị hệ thống thiết bị PCCC.	
4	XI Ninh Sơn		19.467	7.739	11.729				
a	Quy hoạch		700		700				
1	Quy hoạch chi tiết xây dựng trung tâm xã	2024	700	700					
b	Giao thông		6.916	4.183	2.733				
1	Đường BTXM thôn 1, xã Ninh Sơn đoạn từ Tỉnh Lộ 7 đến trường mầm non Ninh Sơn	2024	1.190	833	357	Xây dựng mới	QH sử dụng đất	- Chiều dài dự kiến xây dựng: 380 m. - Mặt đường BTXM đá 2x4cm M250 rộng 5m dày 20cm, lề đường đất mỗi bên 1m	
2	Đường BTXM thôn 4, xã Ninh Sơn đoạn nhà ông Lân đến nhà ông Thành	2024	1.200	840	360	Xây dựng mới	QH sử dụng đất	- Chiều dài dự kiến xây dựng: 420 m. - Mặt đường BTXM đá 2x4cm M250 rộng 3,5m dày 20cm, lề đường đất mỗi bên 0,75m	
3	Đường BTXM thôn 5, xã Ninh Sơn đoạn nhà bà Hương đến nhà ông Thọ	2024	1.190	833	357	Xây dựng mới	QH sử dụng đất	- Chiều dài dự kiến xây dựng: 410 m. - Mặt đường BTXM đá 2x4cm M250 rộng 3,5m dày 20cm, lề đường đất mỗi bên 0,75m	
4	Đường BTXM thôn 5 đoạn từ TL7 đến cầu máng Kênh Tây.	2024	900	630	270	Xây dựng mới	QH sử dụng đất	- Chiều dài dự kiến xây dựng: 309 m. - Mặt đường BTXM đá 2x4cm M250 rộng 3,5m dày 20cm, lề đường đất mỗi bên 0,75m	
5	Đường BTXM thôn 5 đoạn từ TL7 đến nhà ông Phùng Tiếp.	2024	306	214	92	Xây dựng mới	QH sử dụng đất	- Chiều dài dự kiến xây dựng: 105 m. - Mặt đường BTXM đá 2x4cm M250 rộng 3,5m dày 20cm, lề đường đất mỗi bên 0,75m	
1	Đường BTXM thôn 2, xã Ninh Sơn, đoạn từ nhà ông Phạm Thái Phúc đến nhà ông Phạm Mỹ	2024	460		460	Xây dựng mới	QH sử dụng đất	- Chiều dài dự kiến xây dựng: 190 m. - Mặt đường BTXM đá 2x4cm M250 rộng 3,5m dày 20cm, lề đường đất mỗi bên 0,75m	
3	Đường BTXM thôn 4, xã Ninh Sơn, đoạn từ nhà ông Quang đến nhà ông Tuấn	2024	480		480	Xây dựng mới	QH sử dụng đất	- Chiều dài dự kiến xây dựng: 184 m. - Mặt đường BTXM đá 2x4cm M250 rộng 3,5m dày 20cm, lề đường đất mỗi bên 0,75m	
1	Đường nội đồng thôn 4, đoạn từ TL7 đến đất ông Khoa.	2024	680	476	204	Xây dựng mới	QH Nông thôn mới	- Chiều dài khoảng: 390 m. - Mặt đường rộng 3m đá dăm nước dày 15cm. - Nền đường rộng 4m. Lề mỗi bên rộng: 0,5m x 2 bên = 1m. - Chiều dài khoảng: 340 m.	
2	Đường nội đồng thôn 4, đoạn từ đất ông Lương đến đất ông Phi.	2024	510	357	153	Xây dựng mới	QH Nông thôn mới	- Mặt đường rộng 3m đá dăm nước dày 15cm. - Nền đường rộng 4m. Lề mỗi bên rộng: 0,5m x 2 bên = 1m.	
c	Trường học		11.851	3.555	8.296				
1	Xây dựng Trường Mầm non Ninh Sơn	2024	2.829	849	1.980	Xây dựng mới		- Xây dựng các công trình phụ trợ. - Trang bị hệ thống PCCC. - Xây dựng phòng học.	
2	Xây dựng Trường Tiểu học Ninh Sơn	2024	4.967	1.490	3.477	Xây dựng mới		- Xây dựng khối hành chính quản trị. - Xây dựng các công trình phụ trợ. - Trang bị hệ thống PCCC.	
3	Xây dựng Trường THCS Nguyễn Văn Cừ	2024	4.055	1.217	2.839	Xây dựng mới		- Xây dựng khối hành chính quản trị. - Xây dựng các công trình phụ trợ.	
5	XI Ninh Sơn		26.935	8.021	18.915				
a	Quy hoạch		600		600				



Sst	Tên công trình	Năm thực hiện	TMBT	NS cấp tỉnh	NS cấp huyện, NS cấp xã và các nguồn vốn hợp pháp khác	Hình thức đầu tư	Quy hoạch áp dụng	Quy mô đầu tư	Chi chú
a	Quy hoạch chi tiết điểm dân cư mới	2024	600		600				
b	Giao thông		2.400	840	1.560				
1	Đường trục thôn NH1 Sư, đoạn từ cầu bà Tôm đến nhà ông Ty và nhánh rẽ	2024	1.200	840	360	Xây dựng mới	Bổ sung khi điều chỉnh QH xây dựng xã	BTXM, dài khoảng 670m, mặt đường 3m, nền 4m	
1	Đường trục xóm NH1 Sư (Nhà ông Trúc đến giêng làng)	2024	1.200		1.200	Xây dựng mới	QH sử dụng đất	BTXM, dài khoảng 590m, mặt đường 3m, nền 4m	
c	Trường học		23.935	7.181	16.755				
1	Xây dựng Trường Mầm non Ninh Thuận	2024	8.342	2.503	5.839	Xây dựng mới		- Xây dựng khối 04 phòng học. - Khởi công hành chính quản trị. - Các công trình phụ trợ. - Trang bị hệ thống thiết bị PCCC.	
2	Xây dựng Trường Tiểu học Ninh Thuận	2024	7.203	2.161	5.042	Xây dựng mới		- Xây dựng 04 phòng học. - Xây dựng khối hành chính quản trị. - Xây dựng các công trình phụ trợ. - Trang bị hệ thống thiết bị PCCC.	
3	Xây dựng Trường THCS Phạm Hồng Thái	2024	8.391	2.517	5.873	Xây dựng mới		- Xây dựng 05 phòng học. - Xây dựng khối hành chính quản trị. - Xây dựng các công trình phụ trợ. - Trang bị hệ thống thiết bị PCCC.	
6	Xã Ninh Tân		35.312	11.574	23.739				
a	Quy hoạch		1.000		1.000				
1	Quy hoạch chi tiết xây dựng trung tâm xã (tỷ lệ 1/500)	2024	1.000	1.000					
b	Giao thông		3.900	2.450	1.450				
1	Đường từ ngã ba trại yên đến đất ông Công	2024	1.000	700	300	Xây dựng mới	QH Nông thôn mới	Hiện trạng đường đất, cần đầu tư BTXM dài khoảng 529m, mặt đường 3,5m, nền 5m, lề mỗi bên 0,75m	
1	Đường nối tuyến M và L	2024	400		400	Xây dựng mới	QH Nông thôn mới	L khoảng 200m, mặt BTXM 3,5m nền 5m, lề mỗi bên 0,75m	
1	Đường từ đất Ông Say đến Tuyến 1400	2024	2.500	1.750	750	Xây dựng mới	QH Nông thôn mới	BTXM, dài khoảng 1.365m, mặt đường 3,5m, nền 5m, lề mỗi bên 0,75m	
c	Trường học		27.912	8.374	19.539				
1	Xây dựng Trường Mầm non Ninh Tân	2024	7.893	2.368	5.525	Xây dựng mới		- Xây dựng 04 phòng học. - Xây dựng khối hành chính quản trị. - Xây dựng các công trình phụ trợ. - Trang bị hệ thống thiết bị PCCC.	
2	Xây dựng Trường TH&THCS Ninh Tân	2024	20.020	6.006	14.014	Xây dựng mới		- Xây dựng 14 phòng học. - Xây dựng khối hành chính quản trị. - Xây dựng các công trình phụ trợ. - Trang bị hệ thống thiết bị PCCC.	
d	Cơ sở vật chất văn hóa		500	150	350				
1	Trung tâm Văn hóa - Thể thao xã (Hạng mục: Nâng cấp sân chơi)	2024	500	150	350	Nâng cấp, sửa chữa	QH Nông thôn mới	Sửa chữa hệ thống dụng cụ ngoài trời, sân cầu lông, sơn sơn: sân khấu và nâng nền trung tâm văn hóa.	
d	Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn		2.000	600	1.400				
1	Chợ xã Ninh Tân	2024	2.000	600	1.400	Xây dựng mới	QH Nông thôn mới	Công hòa nền chợ, xây dựng các công trình phụ trợ và 5 kios	
7	Xã Ninh Quang		23.105	8.991	14.113				
a	Giao thông		4.000	2.800	1.200				
1	Đoạn BTXM từ đồng Mã với cầu Từ đến giáp đường bê tông	2024	4.000	2.800	1.200	Xây dựng mới	QH Nông thôn mới	BTXM, chiều dài khoảng 1.503,37m, nền đường rộng 6m, mặt đường 3,0m, lề đường 1,5m mỗi bên	
b	Thủy lợi và phòng chống thiên tai		1.150	805	345				



Stt	Tên công trình	Năm thực hiện	TMĐT	NS cấp tỉnh	NS cấp huyện, NS cấp xã và các nguồn vốn hợp pháp khác	Hình thức đầu tư	Quy hoạch áp dụng	Quy mô đầu tư	Ghi chú
1	Tuyến đường BTXOM từ nhà Ông Nhà đến sông Bàu Núi, thôn Thuận Mỹ	2024	1.150	805	345	Xây dựng mới	QH Nông thôn mới	BTXOM, chiều dài khoảng 425,61m, rộng 0,9 m	
c	Trường học		13.915	4.186	9.728			- Xây dựng phòng học. - Xây dựng các công trình phụ trợ. - Cải tạo hệ thống PCCC. - Xây dựng phòng học. - Xây dựng khối hành chính quản trị. - Xây dựng các công trình phụ trợ. - Cải tạo hệ thống PCCC.	
1	Xây dựng Trường Mầm non Ninh Quang	2024	1.986	596	1.390	Xây dựng mới			
2	Xây dựng Trường Tiểu học Ninh Quang	2024	8.587	2.576	6.011	Xây dựng mới			
3	Xây dựng Trường THCS Quang Trung	2024	3.382	1.015	2.368	Xây dựng mới			
d	Cơ sở vật chất văn hóa		4.000	1.200	2.800				
1	Trung tâm văn hóa thể thao xã (Hạng mục: Sân bóng đá mini, Sân cầu lông, có mái che; Sân bóng chuyền; Nhà điều hành, nhà vệ sinh)	2024	4.000	1.200	2.800			- Sân bóng đá mini: S = 1.923m <sup>2</sup> ; Hệ thống điện chiếu sáng sân bóng và các công trình phụ trợ; - Sân cầu lông có mái che: Diện tích 320m <sup>2</sup> . - Sân bóng chuyền: Diện tích 286m <sup>2</sup> . - Nhà điều hành và nhà vệ sinh: Tổng diện tích 141,01m <sup>2</sup> . Bộ trí 2 khu vệ sinh cho nam và nữ. - Các công trình phụ trợ	
8	Xã Ninh Đông		15.318	5.216	10.101	Xây dựng mới	QH Nông thôn mới		
a	Quy hoạch		1.050	1.050					
1	Quy hoạch chi tiết xây dựng trung tâm xã	2024	1.050	1.050					
b	Giáo dục		1.180	826	354				
1	Đường nhà bà Hàng Thị Hồng đến công trường tại Phú Nghĩa	2024	1.180	826	354	Nâng cấp, sửa chữa	QH Nông thôn mới	Mặt BTXOM 3,5 m, dài khoảng 700m	
c	Thủy lợi và phòng chống thiên tai		1.160	812	348				
1	Kiến cơ hóa kênh Gân Thượng	2024	1.160	812	348	Xây dựng mới	QH Nông thôn mới	Mương BTXOM, KT 1m x 1m, thành 15cm, dài khoảng 470m	
d	Trường học		10.788	3.236	7.551				
1	Xây dựng Trường Mầm non Ninh Đông (Hạng mục: phòng học, phòng bộ môn)	2025	3.226	968	2.258	Xây dựng mới		- Xây dựng 02 phòng học - Xây dựng 02 phòng bộ môn: 01 phòng nghệ thuật, 01 phòng tin học	
2	Xây dựng Trường Tiểu học Ninh Đông (Hạng mục: phòng đa chức năng, công trình phụ trợ)	2025	2.660	798	1.862	Xây dựng mới		- Xây dựng 01 phòng đa chức năng. - Xây dựng công trình phụ trợ: 01 nhà vệ sinh học sinh. - Xây dựng 01 phòng Tin học, 01 phòng Âm nhạc, 01 phòng Khoa học Tự nhiên, 01 phòng Khoa học xã hội.	
3	Xây dựng Trường THCS Trần Quang Khải (Hạng mục: phòng học bộ môn, công trình phụ trợ, hệ thống thiết bị PCCC)	2025	4.902	1.471	3.431	Xây dựng mới		- Xây dựng công trình phụ trợ: 01 nhà kho, 01 nhà vệ sinh học sinh. - Trang bị hệ thống thiết bị PCCC.	
d	Cơ sở vật chất văn hóa		1.140	342	798				
1	Trung tâm văn hóa thể thao xã (Hạng mục: Sân khấu ngoài trời)	2024	1.140	342	798	Xây dựng mới	QH Nông thôn mới	Diện tích 100 m <sup>2</sup> , có sân khấu chính và nhà vệ sinh	
9	Xã Ninh Lạc		12.000	4.215	7.785				
a	Quy hoạch		1.000	1.000					
1	Quy hoạch chi tiết xây dựng trung tâm xã	2024	1.000	1.000					
b	Giáo dục		3.888	1.322	2.566				
1	Tuyến đường thôn, liên thôn Đọan từ nhà Ông Trịnh Duy Phong đến nhà bà Huỳnh Thị Phụng	2024	860	602	258	Xây dựng mới	Bổ sung khi điều chỉnh QH chung xây dựng xã	BTXOM mặt đường 3,5m nền đường 4 - 5m dài khoảng 429m	



STT	Tên công trình	Năm thực hiện	TMDT	NS cấp tỉnh	NS cấp huyện, NS cấp xã và các nguồn vốn hợp pháp khác	Hiện trạng đầu tư	Quy hoạch áp dụng	Quy mô đầu tư	Ghi chú
1	Đoạn từ đất ông Hồ Công Anh đến ruộng ông Trịnh Văn Cúc	2025	735		735	Xây dựng mới	Bổ sung khi điều chỉnh QH chung xây dựng xã	BTXM mặt đường 3,5m nền đường 4 - 5m dài khoảng 339m	
2	Đoạn từ nhà bà Nguyễn Thị Thu Thảo đến nhà bà Lê Thị Hiền + đoạn nhà Trần Quốc Dũng đến nhà ông Phan Long	2025	475		475	Xây dựng mới	Bổ sung khi điều chỉnh QH chung xây dựng xã	BTXM mặt đường 3,5m nền đường 4 - 5m dài khoảng 237m	
3	Đoạn từ nhà ông Nguyễn Thanh Phương đến nhà ông Nguyễn Văn Khoa	2025	790		790	Xây dựng mới	Bổ sung khi điều chỉnh QH chung xây dựng xã	BTXM mặt đường 3,5m nền đường 4 - 5m dài khoảng 252m	
4	Đường nối đồng từ ruộng ông Võ Bình (Đường TTTC xã) đến ruộng ông Nguyễn Chất (Đường quy hoạch giao thông mới)	2025	1.028	720	308	Xây dựng mới	Bổ sung khi điều chỉnh QH chung xây dựng xã	BTXM mặt đường 3,5m nền đường 4 - 5m dài khoảng 514m	
c	Thủy lợi và phòng chống thiên tai		1.900	1.330	570				
1	Kiến cổ hồ kênh mương Cầu Quê Thôn Tân-Van Khê	2025	1.200	840	360	Xây dựng mới	QH Nông thôn mới	Kiến cổ hồ mương BTXM dài khoảng 900m	
2	Kênh mương Ông Thang thôn Ninh Đức từ mương Bà Ba tới Mương Bà Cò	2025	700	490	210	Xây dựng mới	QH Nông thôn mới	Kiến cổ hồ mương BTXM dài khoảng 350m	
d	Trường học		5.212	1.564	3.648				
1	Xây dựng Trường Mầm non Ninh Lộc (Hạng mục: phòng học, hệ thống thiết bị PCCC)	2025	2.575	773	1.803	Xây dựng mới		- Xây dựng 01 phòng học. - Trang bị hệ thống thiết bị PCCC.	
2	Xây dựng Trường Tiểu học Ninh Lộc (Hạng mục: phòng thiết bị)	2025	470	141	329	Xây dựng mới		- Xây dựng 01 phòng thiết bị	
3	Xây dựng Trường THCS Lê Thánh Tông (Hạng mục: phòng thiết bị, phòng nghỉ giáo viên, hệ thống thiết bị PCCC)	2025	2.166	650	1.516	Xây dựng mới		- Xây dựng 01 phòng thiết bị, 01 phòng nghỉ giáo viên. - Trang bị hệ thống thiết bị PCCC.	
10	Xã Ninh Tân		33.430	13.715	19.715				
a	Quy hoạch		680		680			2,865 ha	
1	Điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng xã Ninh Tân, thị xã Ninh Hòa	2024	259		259	Điều chỉnh	Nông thôn mới		
2	Quy hoạch chi tiết xây dựng điểm dân cư nông thôn	2024	421		421	Xây dựng mới	Nông thôn mới	50ha	
b	Giao thông		6.722	3.945	2.777				
1	Đường Bình Sơn 4 (Bò), đoạn từ tỉnh lộ 7 đến Bình Sơn 2	2025	484	339	145	Xây dựng mới	Nông thôn mới	BTXM dài khoảng 255m; nền 3m; mặt 2,5m	
2	Đường Xuân Mỹ 2, đoạn từ nhà ông rui đến xóm bà Dung	2025	1.300	1.050	450	Xây dựng mới	Nông thôn mới	BTXM dài khoảng 672m; nền 3,5m; mặt 3 m	
3	Đường BTXM Lạc Bình-Xuân Mỹ, đoạn từ BTXM Lạc Bình đến công địa ông Chủng	2025	1.600	1.120	480	Xây dựng mới	Nông thôn mới	BTXM dài khoảng 852m; nền 5,5m; mặt 3,5m	
4	Đường xóm ông An, đoạn đường BTXM nhà ông Vũ đến giáp đường đất	2025	260		260	Xây dựng mới	Nông thôn mới	BTXM dài khoảng 161m; nền 3m; mặt 2,5m	
5	Đường xóm Đón, đoạn từ nhà ông Thới đến đường ruộng	2025	290		290	Xây dựng mới	Nông thôn mới	BTXM dài khoảng 100m; nền 3m; mặt 2,5 m	
6	Đường xóm nhà ông Thúc, đoạn từ BTXM nhà ông Kiên đến đường ruộng	2025	536		536	Xây dựng mới	Nông thôn mới	BTXM dài khoảng 233m; nền 3,5m; mặt 2,5 m	
7	Đường Lạc An đi Ninh Điện, đoạn từ Công đến khu mồi diu	2025	1.000	700	300	Xây dựng mới	Nông thôn mới	BTXM dài khoảng 246m; nền 4,5m; mặt 3,5 m	
8	Đường Xuân Phong 1, đoạn từ quốc lộ 1A đến đường Xuân Phong	2025	1.052	736	316	Xây dựng mới	Nông thôn mới	BTXM dài khoảng 440m; nền 3,5m; mặt 2,5 m	



SĐT	Tên công trình	Năm thực hiện	TMBT	NS cấp tỉnh	NS cấp huyện, NS cấp xã và các nguồn vốn hợp pháp khác	Hình thức đầu tư	Quy hoạch áp dụng	Quy mô đầu tư	Ghi chú
c	Trạm lợi và phòng chống thiên tai		7.236	5.065	2.171				
1	Mương đồng Yui	2025	1.152	806	346	Xây dựng mới	Nông thôn mới	Chiều dài khoảng 540m; 0,5m x 0,6m	
2	Nhánh N3-S Mũi Dũi	2025	1.240	868	372	Xây dựng mới	Nông thôn mới	Chiều dài khoảng 500m; 0,6m x 0,6m	
3	Nhánh N3-O.Khanh	2025	1.240	868	372	Xây dựng mới	Nông thôn mới	Chiều dài khoảng 500m; 0,6m x 0,6m	
4	Mương N3-7A	2025	1.252	876	376	Xây dựng mới	Nông thôn mới	Chiều dài khoảng 550m; 0,6m x 0,6m	
5	Mương Đông Trong	2025	1.252	876	376	Xây dựng mới	Nông thôn mới	Chiều dài khoảng 500m; 0,6m x 0,6m	
6	Mương Bảy Bình	2025	1.100	770	330	Xây dựng mới	Nông thôn mới	Chiều dài khoảng 500m; 0,6m x 0,7m	
d	Trường học		10.482	3.145	7.338				
1	Xây dựng Trường Mầm non Ninh Thọ (Hạng mục: phòng học, hệ thống thiết bị PCCC)	2025	2.575	773	1.803	Xây dựng mới		- Xây dựng 01 phòng học. - Trang bị hệ thống thiết bị PCCC.	
2	Xây dựng Trường Tiểu học Ninh Thọ (Hạng mục: công trình phụ trợ, hệ thống thiết bị PCCC)	2025	2.060	618	1.442	Xây dựng mới		- Xây dựng công trình phụ trợ: 01 nhà vệ sinh học sinh. - Trang bị hệ thống thiết bị PCCC.	
3	Xây dựng Trường THCS Nguyễn Trĩ Phương (Hạng mục: khối hành chính quản trị, công trình phụ trợ, hệ thống thiết bị PCCC)	2025	5.847	1.754	4.093	Xây dựng mới		- Xây dựng khối hành chính quản trị. - Xây dựng các công trình phụ trợ: 01 nhà vệ sinh giáo viên. - Trang bị hệ thống thiết bị PCCC.	
đ	Cơ sở vật chất văn hóa		8.310	1.560	6.750				
1	Trung tâm văn hóa thể thao xã Ninh Thọ	2025	5.200	1.560	3.640			Công trường rào dài khoảng 490m, tường xây gạch lập khung sắt và kèo lưới B40; Sân khấu lộ thiên khoảng 1.50m <sup>2</sup> nền sân lát gạch và xây dựng 2 phòng thay đồ nam nữ; Nhà vệ sinh khoảng 10,85m <sup>2</sup> kết cấu xây gạch, mái BTCT, nền lát gạch; Sân bóng đá cỏ nhân tạo diện tích khoảng 1175m <sup>2</sup> , nền lát gạch; Sân bóng đá cỏ nhân tạo diện tích khoảng 350m <sup>2</sup> kết cấu tường xây gạch, kết cấu chính BTCT, mái lợp tôn, nền lát gạch, sân bóng chuyền khoảng 81,74m <sup>2</sup> nền đổ bê tông. Lắp đặt hệ thống điện, dụng cụ thể dục thể thao; Sơn sửa chữa sơn sửa hạng mục Nhà văn hóa thiếu nhi hiện có.	
2	Nhà Văn hóa - Khu thể thao thôn Lạc An (Hạng mục: lắp đặt dụng cụ thể dục thể thao, xây dựng nhà vệ sinh)	2025	1.150		1.150	Xây dựng mới	Nông thôn mới	Lắp đặt dụng cụ thể dục thể thao và đồ bê tông khu dụng cụ thể dục thể thao. Nhà vệ sinh 10,85m <sup>2</sup> kết cấu xây gạch, mái BTCT, nền lát gạch, sơn tường nhà văn hóa	
3	Nhà Văn hóa - Khu thể thao thôn Chanh Thanh (Hạng mục: lắp đặt dụng cụ thể dục thể thao, xây dựng nhà vệ sinh)	2025	500		500	Xây dựng mới	Nông thôn mới	Lắp đặt dụng cụ thể dục thể thao và đồ bê tông khu dụng cụ thể dục thể thao. Nhà vệ sinh 10,85m <sup>2</sup> kết cấu xây gạch, mái BTCT, nền lát gạch, sơn tường nhà văn hóa	
4	Nhà Văn hóa - Khu thể thao thôn Ninh Điện (Hạng mục: lắp đặt dụng cụ thể dục thể thao, xây dựng nhà vệ sinh)	2025	300		300	Xây dựng mới	Nông thôn mới	Lắp đặt dụng cụ thể dục thể thao và đồ bê tông khu dụng cụ thể dục thể thao. Nhà vệ sinh 10,85m <sup>2</sup> kết cấu xây gạch, mái BTCT, nền lát gạch, sơn tường nhà văn hóa	
5	Nhà Văn hóa - Khu thể thao thôn Bình Sơn (Hạng mục: lắp đặt dụng cụ thể dục thể thao, xây dựng nhà vệ sinh)	2025	400		400	Xây dựng mới	Nông thôn mới	Lắp đặt dụng cụ thể dục thể thao và đồ bê tông khu dụng cụ thể dục thể thao. Nhà vệ sinh 10,85m <sup>2</sup> kết cấu xây gạch, mái BTCT, nền lát gạch, sơn tường nhà văn hóa	
6	Nhà Văn hóa - Khu thể thao thôn Xuân Phong (Hạng mục: lắp đặt dụng cụ thể dục thể thao, xây dựng nhà vệ sinh)	2025	460		460	Xây dựng mới	Nông thôn mới	Lắp đặt dụng cụ thể dục thể thao và đồ bê tông khu dụng cụ thể dục thể thao. Nhà vệ sinh 10,85m <sup>2</sup> kết cấu xây gạch, mái BTCT, nền lát gạch, sơn tường nhà văn hóa	
11	XI Ninh An		21.652	9.049	16.603				
a	Quy hoạch		1.150	1.150					
1	Điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng xã	2024	1.150	1.150	1.150				



S/	Tên công trình	Năm thực hiện	TMBĐT	NS cấp tỉnh	NS cấp huyện, NS cấp xã và các nguồn vốn hợp pháp khác	Hình thức đầu tư	Quy hoạch áp dụng	Quy mô đầu tư	Chi chú
b	Giao thông		15.534	6.339	9.175				
1	Đường từ nhà ông Giáp đến nhà ông Minh	2024	1.200	840	360	Xây dựng mới	Nông thôn mới	Dài khoảng 650m; nền đường 4m; mặt BTXM 3m, lề mỗi bên 0,5m	
2	Đường từ nhà ông Bình đến kênh N4	2024	1.214	850	364	Xây dựng mới	Nông thôn mới	Dài khoảng 635m; nền đường 3,5m; mặt BTXM 2,5m, lề mỗi bên 0,5m	
3	Đường từ nhà ông Tường đến bến đò	2024	1.250	875	375	Xây dựng mới	Nông thôn mới	Dài khoảng 680m; nền đường 3,5m; mặt BTXM 2,5m, lề mỗi bên 0,5m	
4	Đường từ nhà ông Hạnh đến giáp thôn 3, xã Ninh Sơn	2024	840	588	252	Xây dựng mới	Nông thôn mới	Dài khoảng 350m; nền đường 3,5m; mặt BTXM 2,5m, lề mỗi bên 0,5m	
5	Đường từ nhà ông Thành đến trường tiểu học thôn Lạc Hoá	2024	1.150	805	345	Xây dựng mới	QH sử dụng đất	Dài khoảng 650m; mặt đường 4m; mặt BTXM: 3m; lề 0,5m mỗi bên	
1	Đường từ nhà ông Thành đến Gò Muôn	2024	1.100		1.100	Xây dựng mới	QH sử dụng đất	Dài khoảng 630m; Nền đường 3,5m; mặt BTXM 2,5m, lề mỗi bên 0,5m	
2	Đường từ nhà ông Trảng đi Hòn Chồn	2024	1.200		1.200	Xây dựng mới	Nông thôn mới	Dài khoảng 550m; nền đường 4m; mặt BTXM 3m, lề mỗi bên 0,5m	
3	Đường từ nhà ông Lực đến trường tiểu học thôn Sơn Lấp	2024	1.050		1.050	Xây dựng mới	QH sử dụng đất	Dài khoảng 580m; mặt đường 3,5m; mặt BTXM: 2,5; lề 0,5m mỗi bên	
4	Đường từ nhà bà Lê đến nhà ông Đức	2024	1.100		1.100	Xây dựng mới	QH sử dụng đất	Dài khoảng 594m; mặt đường 3,5m; mặt BTXM: 2,5; lề 0,5m mỗi bên	
5	Đường từ nhà ông Thành đến nhà ông Chính	2024	1.000		1.000	Xây dựng mới	QH sử dụng đất	Dài khoảng 560m; mặt đường 3,5m; mặt BTXM: 2,5; lề 0,5m mỗi bên	
6	Đường từ nhà ông Cường đến nhà ông Phương	2024	1.000		1.000	Xây dựng mới	QH sử dụng đất	Dài khoảng 550m; mặt đường 4m; mặt BTXM: 3m; lề 0,5m mỗi bên	
7	Đường từ Học Diên đến cây Gù	2024	730	511	219	Xây dựng mới	Nông thôn mới	Dài khoảng 380m; nền đường 3,5m; mặt BTXM 2,5m, lề mỗi bên 0,5m	
2	Đường từ nhà 7 xi đến giáp Hoà Thuận 1	2024	900	630	270	Xây dựng mới	Nông thôn mới	Dài khoảng 350m; nền đường 4m; mặt BTXM 3m, lề mỗi bên 0,5m	
3	Đường từ kênh N4 đến ông Bùi Tiên Đức	2024	700	490	210	Xây dựng mới	Nông thôn mới	Dài khoảng 370m; nền đường 3,5m; mặt BTXM 2,5m, lề mỗi bên 0,5m	
4	Đường BTXM từ mương N4 đến nhà ông Bi	2024	1.100	770	330	Xây dựng mới	QH sử dụng đất	Dài khoảng 550m; mặt đường 3,5m; mặt BTXM: 2,5m; lề 0,5m mỗi bên	
c	Trường học		5.268	1.580	3.688				
1	Xây dựng Trường Mầm non Ninh An (Hàng mục: công trình phụ trợ, hệ thống thiết bị PCCC)	2025	2.268	680	1.588	Xây dựng mới		- Xây dựng công trình phụ trợ: 03 nhà vệ sinh học sinh. - Trang bị hệ thống thiết bị PCCC.	
2	Xây dựng Trường Tiểu học Ninh An (Hàng mục: hệ thống thiết bị PCCC)	2025	1.500	450	1.050	Xây dựng mới		- Trang bị hệ thống thiết bị PCCC.	
3	Xây dựng Trường THCS Phạm Nga Lao (Hàng mục: hệ thống thiết bị PCCC)	2025	1.500	450	1.050	Xây dựng mới		- Trang bị hệ thống thiết bị PCCC.	
d	Cơ sở vật chất văn hóa		3.700	1.110	2.590				
1	Trung tâm văn hoá thể thao xã	2024	3.700	1.110	2.590	Xây dựng mới	Sử dụng đất	Nhà đa năng sân thể thao, sân thể thao mìn, nhà bảo vệ, nhà để xe, nhà vệ sinh, hệ thống điện, hệ thống nước, sân Bê tông, bồn hoa, sân khấu	
12	Xã Ninh Yên		16.676	5.923	10.753				
a	Giao thông		2.300	1.610	690				
1	Đường BTXM đoạn từ đường số 11 đến đường số 1	2024	1.200	840	360	Xây dựng mới	Quy hoạch sử dụng đất, bổ sung khi lập điều chỉnh quy hoạch	Chiều dài khoảng 350m; Nền đường 6m; mặt BTXM 3,5m, lề mỗi bên 1,25m	
2	Đường BTXM đoạn từ nhà ông Lê Phú Văn đến đường số 1	2024	1.100	770	330	Xây dựng mới	Quy hoạch sử dụng đất, bổ sung khi lập điều chỉnh quy hoạch	Chiều dài khoảng 290m; Nền đường 6m; mặt BTXM 3,5m, lề mỗi bên 1,25m	
b	Trường học		8.476	2.543	5.933				
1	Xây dựng Trường Mầm non Ninh Yên	2024	1.379	414	965	Xây dựng mới		- Xây dựng các công trình phụ trợ.	



Stt	Tên công trình	Năm thực hiện	TMBT	NS cấp tỉnh	NS cấp huyện, NS cấp xã và các nguồn vốn hợp pháp khác	Hình thức đầu tư	Quy hoạch áp dụng	Quy mô đầu tư	Ghi chú
2	Xây dựng Trường THPT THCS Ninh Vân	2024	7.097	2.129	4.968	Xây dựng mới		Quy mô đầu tư	
c	Cơ sở vật chất văn hóa		5.906	1.770	4.130				
	Trung tâm Văn hóa - Thể thao Xã Ninh Vân (Hạng mục: Khán đài diện tích 75,6m <sup>2</sup> (gồm phòng thay đồ, phòng điều hành, khu vệ sinh), sửa chữa công phu, điện chiếu sáng. Lắp đặt dụng cụ thể dục thể thao (thể thao))	2024	900	270	630	Nâng cấp	Nồng thôn mới		
2	Trung tâm Văn hóa - Thể thao xã (Hạng mục: Hội trường nhà văn hóa đá nung)	2024	5.000	1.500	3.500	Xây dựng mới			Khán đài diện tích 75,6m <sup>2</sup> (gồm phòng thay đồ, phòng điều hành, khu vệ sinh), sửa chữa công phu, điện chiếu sáng. Lắp đặt dụng cụ thể dục thể thao
13	Xã Ninh Trang		10.575	3.173	7.403				
a	Trường học		10.575	3.173	7.403				
1	Xây dựng Trường Mầm non Ninh Trung (Hạng mục: phòng học, các công trình phụ trợ, hệ thống thiết bị PCCC)	2025	4.815	1.445	3.371	Đầu tư mới			Xây dựng 02 phòng học. - Xây dựng các công trình phụ trợ: 01 nhà kho, 02 kho lớp học. - Trang bị hệ thống thiết bị PCCC.
2	Xây dựng Trường Tiểu học Ninh Trung (Hạng mục: phòng Tin học, phòng Thư viện, các công trình phụ trợ, hệ thống thiết bị PCCC)	2025	3.280	984	2.296	Đầu tư mới			Xây dựng 01 phòng Tin học, 01 phòng Thư viện. - Xây dựng các công trình phụ trợ: 01 nhà xe giao viên, sân trường, đường nội bộ, khu xử lý rác thải. - Trang bị hệ thống thiết bị PCCC.
3	Xây dựng Trường THCS Lê Hồng Phong (Hạng mục: nhà kho, hệ thống thiết bị PCCC, nhà đa năng)	2025	2.480	744	1.736	Đầu tư mới			Xây dựng 01 nhà kho. - Sửa chữa nhà đa năng. - Trang bị hệ thống thiết bị PCCC.
14	Xã Ninh Ích		16.816	5.045	11.771				
a	Trường học		16.816	5.045	11.771				
1	Xây dựng Trường Mầm non Ninh Ích (Hạng mục: phòng học, công trình phụ trợ, hệ thống thiết bị PCCC)	2025	5.814	1.744	4.070	Đầu tư mới			Xây dựng 02 phòng học. - Cải tạo, sửa chữa 02 phòng học. - Xây dựng các công trình phụ trợ: 01 phòng nhân viên, 01 nhà vệ sinh giáo viên, công trường rào. - Trang bị hệ thống thiết bị PCCC. - Xây dựng 01 phòng Tin học, 01 phòng Đăng - Đăng thi. - Cải tạo, sửa chữa 02 phòng học. - Xây dựng các công trình phụ trợ: công trường rào, 01 nhà vệ sinh giáo viên, 01 nhà vệ sinh học sinh, 01 nhà xe giao viên, 01 nhà xe học sinh, 01 nhà kho. - Trang bị hệ thống thiết bị PCCC.
2	Xây dựng Trường Tiểu học Ninh Ích (Hạng mục: phòng Tin học, phòng Đăng - Đoàn thể, sửa chữa phòng học., các công trình phụ trợ, hệ thống thiết bị PCCC)	2025	7.341	2.202	5.139	Đầu tư mới			Xây dựng 01 phòng họp hội đồng. - Xây dựng các công trình phụ trợ: 01 nhà kho, 01 phòng báo vệ. - Sửa chữa khối 14 phòng học để xuống cấp.
3	Xây dựng Trường THCS Võ Thị Sáu (Hạng mục: phòng họp hội đồng, các công trình phụ trợ, sửa chữa phòng học)	2025	3.661	1.098	2.563	Đầu tư mới			
15	Xã Ninh Xuân		18.484	8.715	9.769				
a	Giáo dục		18.484	8.715	9.769				
1	Đường GTNT xã Ninh Xuân từ nhà Bạt Tuấn thôn Ngòi Mý đến đoạn đường bê tông thủy lợi thôn Tân Mỹ	2024	4.600	3.220	1.380	Xây dựng mới	Nồng thôn mới		Chiều dài khoảng 2.300m; mặt đường rộng 3,0m; lề mỗi bên rộng 0,5m; mặt đường BTXM đá 2x4 M250 dày 16cm
2	Đường GTNT xã Ninh Xuân đoạn từ nhà ông Cao Thiên Lạc đến ông Nguyễn Ngọc Minh thôn Tân Mỹ	2024	1.700	1.190	510	Xây dựng mới	Nồng thôn mới		Chiều dài khoảng 850m; mặt đường rộng 3,0m; lề mỗi bên rộng 0,5m; mặt đường BTXM đá 2x4 M250 dày 16cm



STT	Tên công trình	Năm thực hiện	TMĐT	NS cấp tỉnh	NS cấp huyện, NS cấp xã và các nguồn vốn hợp pháp khác	Hình thức đầu tư	Quy hoạch áp dụng	Quy mô đầu tư	Ghi chú
3	Đường GTNT xã Ninh Xuân đoạn QL 26 đến nhà bà Lâm Thị Phúc thôn Tân Mỹ	2024	700	490	210	Xây dựng mới	Nông thôn mới	Chiều dài khoảng 350m; mặt đường rộng 3,0m; lề mỗi bên rộng 0,5m; mặt đường BTXM đá 2x4 M250 dày 16cm	
4	Đường GTNT xã Ninh Xuân đoạn Tỉnh lộ 6 đến nhà ông Nguyễn Phú thôn Tân Mỹ	2024	1.000	700	300	Xây dựng mới	Nông thôn mới	Chiều dài khoảng 500m; mặt đường rộng 3,0m; lề mỗi bên rộng 0,5m; mặt đường BTXM đá 2x4 M250 dày 16cm	
5	Đường GTNT xã Ninh Xuân đoạn từ nhà ông Phạm Hữu Thọ đến nhà bà Nguyễn Kim Phúc, Tồn Thị Cang thôn Tân Mỹ	2024	600	420	180	Xây dựng mới	Nông thôn mới	Chiều dài khoảng 300m; mặt đường rộng 3,0m; lề mỗi bên rộng 0,5m; mặt đường BTXM đá 2x4 M250 dày 16cm	
b	Trường học		8.984	2.693	6.289				
1	Xây dựng Trường Mầm non Ninh Xuân (Hạng mục: công trình phụ trợ, hệ thống thiết bị PCCC)	2025	2.060	618	1.442	Đầu tư mới		- Xây dựng các công trình phụ trợ: 01 nhà vệ sinh học sinh. - Trang bị hệ thống thiết bị PCCC.	
2	Xây dựng Trường Tiểu học số 1 Ninh Xuân (Hạng mục: phòng Tin học, phòng Truyền thông, công trình phụ trợ, hệ thống thiết bị PCCC)	2025	3.336	1.001	2.335	Đầu tư mới		- Xây dựng 01 phòng Tin học, 01 phòng Truyền thông - Xây dựng các công trình phụ trợ: tường rào. - Trang bị hệ thống thiết bị PCCC.	
3	Xây dựng Trường Tiểu học số 2 Ninh Xuân (Hạng mục: hệ thống thiết bị PCCC)	2025	1.500	450	1.050	Đầu tư mới		- Trang bị hệ thống thiết bị PCCC.	
4	Xây dựng Trường THCS Lý Thường Kiệt (Hạng mục: phòng họp hội đồng, hệ thống thiết bị PCCC)	2025	2.088	626	1.462	Đầu tư mới		- Xây dựng 01 phòng họp hội đồng. - Trang bị hệ thống thiết bị PCCC.	
c	Cơ sở vật chất văn hóa		900		900				
1	Nhà văn hóa thôn Ngũ Mỹ	2025	900		900	Xây dựng mới	QH Nông thôn mới	Nhà văn hoá và các công trình phụ trợ	
16	Xã Ninh Sơn		8.293	2.488	5.805				
a	Trường học		8.293	2.488	5.805				
1	Xây dựng Trường Mầm non Ninh Sơn (Hạng mục: phòng học)	2025	4.301	1.290	3.011	Đầu tư mới		- Xây dựng 04 phòng học.	
2	Xây dựng Trường Tiểu học Ninh Sơn (Hạng mục: phòng Thư viện, phòng thiết bị)	2025	1.372	412	960	Đầu tư mới		- Xây dựng 01 phòng Thư viện, 01 phòng thiết bị.	
3	Xây dựng Trường THCS Tô Hiến Thành (Hạng mục: phòng chức năng, phòng thiết bị, hệ thống thiết bị PCCC)	2025	2.620	786	1.834	Đầu tư mới		- Sửa chữa các phòng chức năng, phòng thiết bị - Trang bị hệ thống thiết bị PCCC.	
III	HUYỆN CAM LÂM		75.550	31.895	43.655				
1	Xã Cam Tân		16.600	9.020	7.580				
a	Giáo dục		10.100	7.070	3.030				
1	Nâng cấp, sửa chữa và hệ thống thoát nước đường liên xã Cam Tân- Sơn Tân	2024-2025	6.000	4.200	1.800	Nâng cấp, sửa chữa		Hiện trạng đường BTXM xây dựng năm 1998, đã xuống cấp. Thêm nhựa mặt đường rộng 6m, dài 1.950 mét	
1	Đường nội đồng từ sân bóng đá đến vùng ruộng lúa xã	2024	1.200	840	360	Xây dựng mới		Hiện trạng đường đất đã xuống cấp, chiều dài 590m, rộng 4m	
2	Đường nội đồng từ Công ông Lưu đến ruộng bà Chúc	2024	1.100	770	330	Xây dựng mới		Đường bê tông xi măng, rộng 4m, dài 420m	
3	Đường nội đồng từ Chùa Báo Quang đến Đình mới	2024	1.800	1.260	540	Nâng cấp		Hiện trạng đường BTXM xây dựng năm 2014, đã xuống cấp. Thêm nhựa mặt đường rộng 4m, dài 800 mét.	
b	Trường học		6.500	1.950	4.550				
1	Trường Tiểu học Cam Tân	2024-2025	6.500	1.950	4.550	Xây mới, nâng cấp		Xây mới 04 phòng bộ môn, tường rào 3 mặt bên, nâng cấp nhà vệ sinh học sinh	
2	Xã Cam Hải Đông		3.000	900	2.100				
a	Trường học		3.000	900	2.100				



Sr	Tên công trình	Năm thực hiện	TMBT	NS cấp tỉnh	NS cấp huyện, NS cấp xã và các nguồn vốn hợp pháp khác	Hình thức đầu tư	Quy hoạch áp dụng	Quy mô đầu tư	Ghi chú
1	Trường Tiểu học Cam Hải Đông	2024-2025	3.000	900	2.100	Xây mới		Xây mới nhà đa năng và mua sắm trang thiết bị	
3	XI Cam Hải Tây		5.000	1.500	3.500				
a	Trường học		5.000	1.500	3.500			Xây mới nhà đa năng, 02 phòng học bộ môn và trang thiết bị	
1	Trường Tiểu học Cam Hải Tây	2024-2025	5.000	1.500	3.500	Xây mới			
4	XI Cam Thành Bắc		9.000	3.470	5.530				
a	Giao thông		2.300	1.610	690				
1	Sửa chữa, cải tạo đường bên cạnh trường THCS Nguyễn Hiền (đường thôn)	2025	1.200	840	360	Sửa chữa, cải tạo		Hiện trạng đường đã hư hỏng nặng, nhiều điểm sụt lún và bong tróc thành hố sâu, chiều dài khoảng 400m, nền đường rộng 4m, đường thềm nhựa rộng 3,5m	
2	Sửa chữa, cải tạo đường từ WB2 đến hội trường thôn Tân Lập (đường thôn)	2024	1.100	770	330	Sửa chữa, cải tạo		Hiện trạng đường đã hư hỏng nặng, nhiều điểm sụt lún và bong tróc thành hố sâu, chiều dài khoảng 220m, nền đường rộng 3,5m, đường BTXM rộng 3,5m	
b	Cơ sở vật chất văn hóa		1.700	360	1.340				
1	Sửa chữa, nâng cấp hội trường Trung tâm văn hóa thôn theo xã	2024-2025	1.200	360	840	Nâng cấp		Sửa chữa, nâng cấp, trang thiết bị	
1	Nâng cấp, sửa chữa hội trường thôn Tân Sinh Tây	2024-2025	500	500	500	Xây mới		Sửa chữa, nâng cấp, trang thiết bị hội trường thôn Tân Sinh Tây	
c	Trường học		5.000	1.500	3.500				
1	Nhà đa năng, nhà vệ sinh học sinh, sân chơi, tường rào trường THCS Nguyễn Hiền	2024-2025	5.000	1.500	3.500	Xây mới, cải tạo		Xây mới nhà đa năng, nhà vệ sinh, tổng diện tích xây dựng 450m <sup>2</sup> , chiều cao công trình 9m và các thiết bị kèm theo; xây lại tường rào và sân nền đường nội bộ	
5	XI Cam Hiệp Nam		13.400	7.080	6.320				
a	Giao thông		8.400	5.860	2.540				
1	Đường bà Kim Anh, thôn Vinh Thái (đường thôn)	2025	1.050	735	315	Xây mới		Hiện trạng đường đất, chiều dài khoảng 350m, nền đường rộng 5m; mặt đường BTXM rộng 3,5m, lề đường mỗi bên rộng 0,75m	
2	Đường ông Bền, thôn Vinh Thái (đường thôn)	2025	1.050	735	315	Xây mới		Hiện trạng đường đất, chiều dài khoảng 350m, nền đường rộng 5m; mặt đường BTXM rộng 3,5m, lề đường mỗi bên rộng 0,75m	
3	Đường từ nhà bà Nguyễn Thị Kim Hồng đến nhà bà Nguyễn Thị Lan, thôn Vinh Thái (đường thôn)	2025	1.350	945	405	Xây mới		Hiện trạng đường đất, chiều dài khoảng 400m, nền đường rộng 5m; mặt đường BTXM rộng 3,5m, lề đường mỗi bên rộng 0,75m	
4	Đường từ nhà ông Nguyễn Thế Hoàng đến đường sắt Bắc-Nam, thôn Vinh Thái (đường thôn)	2025	1.200	840	360	Xây mới		Hiện trạng đường đất, chiều dài khoảng 450m, nền đường rộng 5m; mặt đường BTXM rộng 3,5m, lề đường mỗi bên rộng 0,75m	
5	Đường từ đất ông Phạm Văn Tiếp đến nội đường với đường trại Heo, thôn Vinh Thái (đường thôn)	2025	1.350	945	405	Xây mới		Hiện trạng đường đất, chiều dài khoảng 400m, nền đường rộng 5m; mặt đường BTXM rộng 3,5m, lề đường mỗi bên rộng 0,75m	
6	Đường từ đất ông Nguyễn Văn Triệu đến giáp với đường song song đường sắt Bắc-Nam, thôn Vinh Thái (đường thôn)	2025	1.200	840	360	Xây mới		Hiện trạng đường đất, chiều dài khoảng 400m, nền đường rộng 5m; mặt đường BTXM rộng 3,5m, lề đường mỗi bên rộng 0,75m	
7	Đường từ đất ông Nguyễn Lợi đến giáp với đường song song đường sắt Bắc-Nam, thôn Vinh Thái (đường thôn)	2025	1.200	840	360	Xây mới		Hiện trạng đường đất, chiều dài khoảng 400m, nền đường rộng 5m; mặt đường BTXM rộng 3,5m, lề đường mỗi bên rộng 0,75m	
b	Cơ sở vật chất văn hóa		1.000	1.000	1.000				



Sr	Tên công trình	Năm thực hiện	TMDT	NS cấp tỉnh	NS cấp huyện, NS cấp xã và các nguồn vốn hợp pháp khác	Hình thức đầu tư	Quy hoạch áp dụng	Quy mô đầu tư	Ghi chú
1	Nhà văn hóa thôn Suối Cát	2025	1.000		1.000	Xây mới		Hiện trạng đang xuống cấp, thiếu diện tích, tường rào, trang thiết bị	
c	Trường học		4.900	1.200	2.800				
1	Trường mầm non Thò Ngọc	2024-2025	1.000	300	700	Xây mới		Tường rào 3 mặt bên	
2	Trường tiểu học Cam Hiệp Nam	2024-2025	3.000	900	2.100	Xây mới		Xây mới nhà đa năng	
6	Xã Suối Cát		5.700	2.670	3.030				
a	Giao thông		1.200	840	360				
1	Đường giao thông trục nội đồng Hân Cường (từ nhà ông bản Thiện ra đồng)	2024	1.200	840	360	làm mới		Hiện trạng đường đất, chiều dài khoảng 350m; nền đường rộng 5m; mặt đường BTXM rộng 3,5m, lề đường mỗi bên rộng 0,75m	
b	Thầy lợi và phòng chống thiên tai		1.200	840	360				
1	Mương tưới thôn Suối Lau	2024	1.200	840	360			Xây mới tuyến mương khẩu độ (60x60)cm, dài khoảng 500m	
c	Trường học		3.300	990	2.310				
1	Xây 01 phòng học ngoài ngõ tại trường Khánh Hòa Jelu	2024-2025	1.300	390	910	Xây mới		Xây 01 phòng học ngoài ngõ	
2	Xây mới nhà vệ sinh học sinh, sửa chữa phòng học, trang bị thiết bị dạy học trường tiểu học Suối Cát	2024-2025	2.000	600	1.400	Sửa chữa, mua sắm		Xây mới 14 bê xi nê, 8 nam; sửa chữa phòng học, trang bị thiết bị dạy học trường tiểu học Suối Cát	
7	Xã Cam Hòa		14.950	3.045	11.905				
a	Giao thông		4.800		4.800				
1	Đường liên xóm từ nhà ông Nguyễn Trần đến nhà ông Hoàng Thái Hòa (thôn Văn Tú Đông)	2025	800		800	Xây mới		Hiện trạng đường đất, chiều dài 400m; nền đường rộng 3,5m; mặt đường BTXM rộng 3,5m	
2	Đường liên xóm từ nhà ông Đôn Quang Hỷ đến nhà ông Nguyễn Văn Minh (thôn Văn Tú Tây)	2025	1.000		1.000	Xây mới		Hiện trạng đường đất, Chiều dài 500m; nền đường rộng 3,5m; mặt đường BTXM rộng 3,5m	
3	Đường liên xóm từ nhà bà Nguyễn Thị Minh Thành đến nhà Nguyễn Văn Duy (thôn Lập Định 3)	2025	1.000		1.000	Xây mới		Hiện trạng đường đất, Chiều dài 500m; nền đường rộng 3,5m; mặt đường BTXM rộng 3,5m	
4	Đường liên xóm từ nhà ông Tru Đình Tuê đến nhà ông Lương Quý Cường (thôn Cồn Lọt 2)	2025	1.000		1.000	Xây mới		Hiện trạng đường đất, Chiều dài 500m; nền đường rộng 3,5m; mặt đường BTXM rộng 3,5m	
5	Đường liên xóm từ nhà bà Vũ Thị Xuân đến nhà bà Nguyễn Thị Mỹ (thôn Cồn Lọt 1)	2025	1.000		1.000	Xây mới		Hiện trạng đường đất, Chiều dài 500m; nền đường rộng 3,5m; mặt đường BTXM rộng 3,5m	
b	Trường học		10.150	3.045	7.105				
1	Trường TH Cam Hòa 1	2024-2025	10.150	3.045	7.105	Xây mới, cải tạo		Xây dựng công tường rào, nhà vệ sinh (giảm chính); Xây mới 04 phòng học bộ môn, khối phòng phụ trợ, cải tạo 02 khối phòng học, xây bổ sung nhà vệ sinh học sinh	
8	Xã Cam An Bắc		1.500	750	1.350				
a	Cơ sở vật chất văn hóa		1.500	750	1.350				
1	Sửa chữa nhà văn hóa 05 thôn	2024	1.000	150	1.000	Nâng cấp, sửa chữa		Sửa chữa, nâng cấp và mua sắm trang thiết bị	
1	Sửa chữa nhà thi đấu xã	2024	500	150	350	Sửa chữa		Sửa chữa, nâng cấp, công trình phụ nhà thi đấu	
9	Xã Cam An Nam		6.400	4.060	2.340				
a	Giao thông		5.800	4.060	1.740				
1	BTXM đường bộ bom thôn Vĩnh Trung (đường thôn)	2025	2.000	1.400	600	làm mới		Hiện trạng đường đất, chiều dài khoảng 1500 m; nền đường rộng 5 m; mặt đường BTXM rộng 3,5m, lề đường mỗi bên rộng 0,75m	



Số	Tên công trình	Năm thực hiện	TMBT	NS cấp tỉnh	NS cấp huyện, NS cấp xã và các nguồn vốn hợp pháp khác	Hình thức đầu tư	Quy hoạch áp dụng	Quy mô đầu tư	Ghi chú
2	Đường B8 thôn Vĩnh Đồng	2025	1.200	840	360	Nâng cấp, sửa chữa		Chiều dài tuyến đường khoảng 600m, mặt đường đã đầm lèn nhựa rộng 3,5m.	
3	BTXOM đường từ nhà ông Nguyễn Văn Hòa đi đến khu sản xuất thôn Vĩnh Nam (đường thôn)	2025	400	280	120	Làm mới		Hiện trạng đường đất, chiều dài khoảng 200 m, nền đường rộng 5m; mặt đường BTXOM rộng 3,5m, lề đường mỗi bên rộng 0,75m	
4	Đường Dẫn đến Lê Văn Nghĩa đến - Trần Lê Nguyễn Nghi đến - Nguyễn Đình (đường sắt)	2025	1.200	840	360	Làm mới		Hiện trạng đường đất, chiều dài khoảng 700 m, nền đường rộng 5m; mặt đường BTXOM rộng 3,5m, lề đường mỗi bên rộng 0,75m	
5	Đường liên thôn Vĩnh Trung song song đường sắt (đường thôn)	2025	1.000	700	300	Làm mới		Hiện trạng đường đất, chiều dài khoảng 800 m, nền đường rộng 5m; mặt đường BTXOM rộng 3,5m, lề đường mỗi bên rộng 0,75m	
6	Cơ sở vật chất văn hóa	600	600	600					
7	Sửa chữa nhà văn hóa thôn Vĩnh Trung	2025	600		600	Nâng cấp, sửa chữa		Sửa chữa, nâng cấp hệ thống điện, quạt, sơn tường, làm mới mái vòm, la phong nhà văn hóa thôn và sân nền bê tông xi măng diện tích 200 m <sup>2</sup>	
<b>IV THÀNH PHỐ CẨM RẠNH</b>									
<b>I Xã Cam Thịnh Tây</b>									
a	Giao thông		2.400	1.680	720				
	Nâng cấp, mở rộng đường trục thôn Thịnh Sơn (đoạn tiếp giáp đường gom cao tốc đến nhà ông Mãng Thượng), xã Cam Thịnh Tây	2024	2.400	1.680	720				
	Xây dựng (lưu ý hai đầu cầu đường vào khu sản xuất tuyến 2, thôn Thịnh Sơn, xã Cam Thịnh Tây)	2024	1.200	840	360	Nâng cấp, mở rộng			
<b>V HUYỆN KHÁNH VINH</b>									
<b>I Xã Sông Cầu</b>									
a	Giao thông		45.000	33.390	11.610				
	Nâng cấp đường từ tỉnh lộ 02 (đoạn nhà ông Nguyễn Thành Long đến QL27C)	2025	20.600	17.470	3.130				
	Cơ sở vật chất văn hóa		3.600	2.520	1.080				
	Nâng cấp đường từ tỉnh lộ 02 (đoạn nhà ông Nguyễn Thành Long đến QL27C)	2025	3.600	2.520	1.080	Nâng cấp	NTM	Nâng cấp, sửa chữa đường nhằm nhận chiều dài 1.324m (phụ dày 5cm), nền đường 6,5m, mặt đường 5,0m	
b	Cơ sở vật chất văn hóa		3.000	900	2.100				
	Nâng cấp sân vận động xã	2025	3.000	900	2.100	Nâng cấp	NTM	Nâng cấp sân vận động xã, xây tường rào bao quanh, mương thoát nước lắp đặt dụng cụ theo ngoài trời	
c	Trường học		14.000	14.000					
	Xây dựng trường Tiểu học Sông Cầu	2024	14.000	14.000				Xây dựng trường Tiểu học Sông Cầu	
<b>2 Xã Khánh Đông</b>									
a	Cơ sở vật chất văn hóa		13.800	11.350	2.450				
	Xây dựng nhà Văn hóa khu trung tâm thể thao xã Khánh Đông	2025	3.500	1.050	2.450	Xây mới	NTM	Xây dựng trung tâm văn hóa thể thao xã 200 chỗ ngồi	
b	Trường học		3.500	1.050	2.450				
	Bổ sung xây dựng, sửa chữa các hạng mục trường Tiểu học Khánh Đông	2024	10.300	10.300		Xây mới, sửa chữa	NTM	Xây dựng mới phòng học bộ môn, thư viện, khôi phục chỉnh, sân bê tông; Cải tạo sửa chữa 08 phòng học, nhà vệ sinh, bếp ăn, nhà bảo vệ, công trường rào mặt chỉnh, thiết bị	
<b>3 Xã Khánh Bình</b>									
a	Giao thông		4.700	1.890	2.810				
	Nâng cấp đường từ tỉnh lộ 02 (đoạn nhà ông Nguyễn Thành Long đến QL27C)	2025	1.200	840	360	Nâng cấp	NTM	Nâng cấp, sửa chữa đường nhằm nhận chiều dài 1.324m (phụ dày 5cm), nền đường 6,5m, mặt đường 5,0m	



Sĩ	Tên công trình	Năm thực hiện	TMBT	NS cấp tỉnh và các nguồn vốn hợp pháp khác	NS cấp xã và các nguồn vốn hợp pháp khác	Hình thức đầu tư	Quy hoạch áp dụng	Quy mô đầu tư	Chi chú
a	Đường từ Hồ Ba Dải vào Nghĩa trang xã	2025	1.200	840	360	Xây mới	NTM	Hiện trạng đường đất gồ ghề, sinh lầy. Xây dựng mới đường bê tông dài 500m, mặt đường rộng 3m.	
b	Cơ sở vật chất văn hóa		3.500	1.050	2.450	Xây mới		Xây dựng Hội trường nhà văn hóa đa năng xã rộng 200m <sup>2</sup> , trên 150 chỗ ngồi; 02 phòng nhà chức; mua sắm bàn ghế, trang thiết bị âm thanh, ánh sáng.	
4	Xã Khánh Thượng		3.500	1.050	2.450	Xây mới			
a	Cơ sở vật chất văn hóa		3.500	1.050	2.450	Xây dựng mới	NTM	Nhà văn hóa: Hội trường từ 150-200 chỗ ngồi, phòng chức năng, bàn ghế âm thanh, nhà để xe, khu vệ sinh, ... Khu thể thao: Xây dựng sân vận động và các hạng mục khác như tường rào, chỗ ngồi và các hạng mục khác theo quy định của Chương trình MITOG xây dựng nông thôn mới.	
5	Xã Khánh Hiệp		2.400	1.680	720				
a	Giao thông		2.400	1.680	720				
	Nội tiếp Tuyến B3 Tuyên từ nhà ông Lâm Văn Hùng đến Sông Chồ thôn Ba Càng (B3) giai đoạn cuối.	2025	1.200	840	360	làm mới	NTM	Điểm đầu: Km0+000. Điểm cuối: Km0+500 (đất khu sản xuất) Xây mới đường BTXM dài khoảng 600m, nền đường rộng 5,0 m, mặt đường rộng 3,5 m, kết hợp với hệ thống thoát nước.	
	Nội tiếp tuyến đường từ nhà ông Trần Trọng Tài đến đất ông Cao Văn Huy thôn Ba Càng (B2) giai đoạn cuối	2025	1.200	840	360	làm mới	NTM	Điểm đầu: Km0+000. Điểm cuối: Km0+500 (Đất khu sản xuất) Xây mới đường BTXM dài khoảng 500m, nền đường rộng 5,0 m, mặt đường rộng 3,5 m, kết hợp với hệ thống thoát nước.	
VI	HUYỆN KHANH SON		5.000	5.000					
1	Xã Sơn Hiệp		5.000	5.000					
a	Trường học		5.000	5.000					
							Quyết định số 4178/QĐ-UBND ngày 15/11/2021 của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc phê duyệt quy hoạch số 02 năm 2030 và kế hoạch sử dụng đất năm 2021 cấp huyện Khánh Sơn		
	Nâng cấp Trường Mầm non Hoa Mĩ	2024	5.000	5.000		Nâng cấp, sửa chữa		Xây mới 01 phòng; nâng cấp, sửa chữa các phòng học hiện có, tường rào, bếp ăn, khu làm việc hành chính	





PHỤ LỤC 04:  
**LIÊN MỤC CÔNG TRÌNH Đưa RA KHỎI NGHỊ QUYẾT SỐ 62/NQ-HĐND NGÀY 22/8/2022 CỦA HĐND TỈNH**  
*(Kèm theo Nghị quyết số 04/NQ-HĐND ngày 28 tháng 3 năm 2024 của HĐND tỉnh)*

Đơn vị (tính): Triệu đồng

STT	Năm thực hiện	TMDT	NS cấp tỉnh	NS cấp huyện, xã và các nguồn vốn hợp pháp khác	Quy mô đầu tư	Ghi chú	
<b>CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM</b>							
<b>ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM</b>							
<b>THị xã Ninh Hòa</b>							
1		27.335	14.893	12.443			
1		11.996	6.237	5.753			
a		3.587	2.506	1.074			
1	Nâng cấp, sửa chữa đường BTXM thôn 3, đoạn từ nhà bà Hưu đến nhà ông Kịp	2024	1.200	840	360	- Chiều dài: 440 m - Mặt đường nâng cấp BTXM đá 2x4cm M250 rộng 3 m, dày bình quân 18 cm, lề đường đất mỗi bên 0,25m	Đã đầu tư bằng nguồn vốn khác
1	Nâng cấp, sửa chữa đường BTXM thôn 1, xã Ninh Sơn đoạn từ nhà ông Hưu đến Kinh Đông	2024	1.190	833	357	- Chiều dài: 380 m - Mặt đường nâng cấp BTXM đá 2x4cm M250 rộng 3 m, dày bình quân 18 cm, lề đường đất mỗi bên 0,25m	Chiều phủ hợp quy hoạch vì theo QH và được đầu (Theo quyết định số 58/QĐ-UBND ngày 07/01/2022 của UBND tỉnh Khánh Hòa) là Quy hoạch khu công nghiệp
1	Đường nội đồng thôn 2, đoạn từ đất ông Giang đến đất bà Mười	2024	1.190	833	357	- Chiều dài: 680 m - Mặt đường rộng 3m đá dăm mức dày 15cm - Nền đường rộng 4m, Lề mỗi bên rộng: 0,5m x 2 bên = 1m	Chiều phủ hợp quy hoạch vì theo QH và được đầu (Theo quyết định số 58/QĐ-UBND ngày 07/01/2022 của UBND tỉnh Khánh Hòa) là Quy hoạch khu công nghiệp
b		4.820	3.374	1.446			
1	Sửa chữa, cải tạo kênh mương NB Tây thôn 3, đoạn từ đất ông Diệp đến ruộng ông Hòa	2024	1.240	868	372	- Chiều dài: 480 m - Mương bê tông kích thước mặt cắt BxH = (60x60) cm	Đã đầu tư bằng nguồn vốn khác
1	Sửa chữa, cải tạo kênh mương ND thôn 1, đoạn từ kênh Đông đến đất ông Tuấn	2024	1.180	836	354	- Chiều dài: 510 m - Mương bê tông kích thước mặt cắt BxH = (60x60) cm	Đã đầu tư bằng nguồn vốn khác
3	Sửa chữa, cải tạo kênh mương thôn 1, đoạn từ đất ông Thái đến Lô 6	2024	1.210	847	363	- Chiều dài: 480 m - Mương bê tông kích thước mặt cắt BxH = (60x60) cm	Chiều phủ hợp quy hoạch vì theo QH và được đầu (Theo quyết định số 58/QĐ-UBND ngày 07/01/2022 của UBND tỉnh Khánh Hòa) là Quy hoạch khu công nghiệp
4	Sửa chữa, cải tạo kênh mương thôn 2, đoạn từ đất Đỗ đến đất ông Tuấn	2024	1.190	833	357	- Chiều dài: 560 m - Mương bê tông kích thước mặt cắt BxH = (60x60) cm	Đã đầu tư bằng nguồn vốn khác
c		1.200	0	1.200			
1	Nhà văn hóa, khu thể thao thôn 3	2024	1.200	0	1.200	Nhà 01 tầng diện tích xây dựng 9,7x19,3=187,21 m <sup>2</sup> , chiều cao công trình 5,9m; mỗi lớp ngồi 22x/m <sup>2</sup> . Kê cầu móng trụ BTCT kết hợp xây đá chèn VXM M50. Giường móng, giằng, dầm bằng BTCT đá 1x2cm M200. Tường bao che xây gạch Block bê tông dày 200 mm, trát VXM bê tông, sơn nước. Mái lợp ngói. Mương bảo vệ ống thoát nước, trần toilet sơn nhũ. Nền lát gạch men 500x500 mm, có lớp gạch chân mương 120x500 mm. Cửa đi, cửa sổ nhôm kính, cửa sổ có hoa sắt bảo vệ. Bậc cấp xây gạch thẻ VXM M75 và trát đá mài màu vàng kem. Xây dựng kết hợp khu vệ sinh trong nhà, tường trong nhà ốp gạch men. Lắp đặt hệ thống điện, cấp thoát nước cho toàn công trình.	Đã đảm bảo khu rừng cảnh đẹp và đất ứng vốn
d		1.190	337	853			
1	Chợ Hòa Mỹ xã Ninh Sơn (Hàng rào: Nhà bán quần áo và Kiosk chợ)	2024	1.190	357	833	Xây dựng nhà bán quần áo và các khu Kiosk chợ Hòa Mỹ	Đã đảm bảo khu rừng cảnh đẹp và đất ứng vốn
d		1.200	0	1.200			
1	Cải tạo, xã hội bãi rác	2024	1.200	0	1.200	Cải tạo xã hội bãi rác	
2	Xã Ninh Thuận	6.689	2.334	4.355			
a		3.400	2.334	2.066			
1	Đường trục thôn NH Sơn (WB2 đến nhà ông Yên)	2024	2.900	2.030	870	Dài 1450m, mặt đường 3,5m, nền 5m	Cấp thành công trình mới bổ sung có tên "Đường trục thôn NH Sơn đoạn từ chợ hồ Tôn đến nhà ông Tý và nhánh rẽ"
1	Đường trục thôn NH Sơn (WB2 đến nhà ông Tôn)	2024	720	504	216	Dài 360m, mặt đường 3,5m, nền 5m	
1	Đường trục xóm NH Sơn (Đình NH Sơn đến giếng làng)	2024	680	0	680	Dài 340m, mặt đường 3m, nền 3,5m	Cấp thành công trình mới bổ sung có tên "Đường trục xóm NH Sơn (Đình làng Trích đến đình NH Sơn)"
2	Đường trục xóm NH Sơn (nhà ông Trích đến đình NH Sơn)	2024	700	0	700	Dài 350m, mặt đường 3,5m, nền 5m	
3	Đường ngõ xóm Đại Tập (nhà ông Chương đến nhà ông Thành)	2024	400	0	400	Dài 200m, mặt đường 3m, nền đường 3m	Trình với thành phố của công trình "Đường trục thôn Đại Tập đến Lộ 1 và nhánh rẽ"
b		1.200	6	1.200			
1	Công trình bãi rác mới	2024	1.200	0	1.200	Đào hồ chứa lấp khối lượng rác có độ xử lý. Đào hồ rác mới và xử lý rác	Bãi rác của xã vẫn còn khu vực tập nhận và nguồn kinh phí của xã không đủ khả năng đầu tư
3	Xã Ninh Yên	2.649	8.329	2.280			
a		2.600	3.330	2.280			
1	Đường BTXM từ đất bà Thương đến đất nhà Ông Lụa	2024	500	350	150	Hiện trạng đường đất, cần đầu tư BTXM kết cấu BTXM Mặt bê tông rộng 3,5m, dày 18cm	Người dân đầu tư xử hồ biến đầu tư
1	Đường từ kinh lộ 5 đến đất ông Hùng	2024	1.000	700	300	Hiện trạng đường đất, cần đầu tư BTXM kết cấu BTXM Mặt bê tông rộng 3,5m, dày 18cm	Không còn phù hợp quy hoạch
2	Đường từ đất Ông Khang đến nhà bà Hòa Đa	2024	1.000	700	300	Hiện trạng đường đất, cần đầu tư BTXM kết cấu BTXM Mặt bê tông rộng 3,5m, dày 18cm	Đã đảm bảo khu rừng cảnh đẹp và đất ứng vốn
3	Đường từ ngã 3 hẻm đi đến tỉnh lộ 8	2024	1.000	700	300	Hiện trạng đường đất, cần đầu tư BTXM kết cấu BTXM Mặt bê tông rộng 3,5m, dày 18cm	Đã đảm bảo khu rừng cảnh đẹp và đất ứng vốn
4	Đường từ đất ông Quảng đến tỉnh lộ Năm	2024	1.000	700	300	Hiện trạng đường đất, cần đầu tư BTXM kết cấu BTXM Mặt bê tông rộng 3,5m, dày 18cm	Ra ngoài trạng lập công trình
5	Đường BTXM nối tuyến 1400 phần nam đến đất ông Nam và Yên Nhứt	2024	1.000	700	300	Hiện trạng đường đất, cần đầu tư BTXM kết cấu BTXM Mặt bê tông rộng 3,5m, dày 18cm	
6	Đường từ đất Ông Phạm Ngọc Tùng đến tuyến 1400	2024	1.000	700	300	Hiện trạng đường đất, cần đầu tư BTXM kết cấu BTXM Mặt bê tông rộng 3,5m, dày 18cm	Cấp thành công trình mới bổ sung "Đường trục xóm NH Sơn đến Tuyến 1400"
7	Đường từ Bà Cầu đến đất Ông Phạm Ngọc Tùng	2024	1.100	770	330	Hiện trạng đường đất, cần đầu tư BTXM kết cấu BTXM Mặt bê tông rộng 3,5m, dày 18cm	
4	Xã Ninh Viên	645	457	184			
a		645	457	184			
1	Đường số 4 (mới đặt) đoạn từ đường số 1 đến Khu SX ngoài đất Ông Cầu	2024	210	147	63	Xây dựng tuyến đường BTXM dài 140 m, rộng 6,0 m, lề đất mỗi bên rộng 1,25 m, mặt đường rộng 3,7m	Không còn phù hợp với quy hoạch đã trình khai thi công trình
2	Đường số 16 đoạn từ Mương thoát lũ đến Đường số 5 mới đặt	2024	90	63	27	Xây dựng tuyến đường BTXM dài 40 m, rộng 6,0 m, lề đất mỗi bên rộng 1,25 m, mặt đường rộng 3,5m	Không còn phù hợp với quy hoạch đã trình khai thi công trình



STT	Tên công trình	Năm thực hiện	TMDT	NS cấp tỉnh	NS cấp huyện, xã và các nguồn vốn hợp pháp khác	Quy mô đầu tư	Ghi chú
3	Đường số 17 đoạn từ đường số 5 nối dài đến Đường số 6 nội thị	2024	150	105	45	Xây dựng tuyến đường BTXM dài 100 m, rộng 6,0 m, bề dày mặt nền rộng 1,25 m, mặt đường rộng 3,5m	Không còn phù hợp với quy hoạch đã triển khai thi công trình
4	Đường số 18 đoạn từ đường số 6 nối dài đến Đường số 1	2024	195	137	59	Xây dựng tuyến đường BTXM dài 140 m, rộng 6,0 m, bề dày mặt nền rộng 1,25 m, mặt đường rộng 3,5m	Không còn phù hợp với quy hoạch đã triển khai thi công trình
5	Xã Ninh Quang		500	350	150		
a	Thay lọc và nâng công suất lọc		500	350	150		
1	Kênh mương BTXM đồng Bà Nguyễn thành 2	2024	500	350	150	BTXM, chiều dài L = 300m, rộng 0,4m	Đã góp với công trình Kênh mương đồng Bà Nguyễn thành 1
II	THÀNH PHỐ CAM RANH		4.800	2.650	1.940		
I	Xã Cam Lập		800	0	800		
a	Cơ sở vật chất văn hóa		800	0	800		
1	Mua sắm trang thiết bị, dụng cụ thể dục thể thao ngoài trời cho 03 điểm nhà văn hóa thôn	2024	800	0	800		Chuyển sang nguồn sự nghiệp kinh tế/chi chuyển tuyến
2	Xã Cam Phước Đông		2.800	2.650	1.140		
a	Giao thông		2.800	2.650	1.140		
1	Đường nội đồng bà Thom, thôn Thống Nhất	2024	2.800	2.650	1.140		Tuyến đường hợp và ảnh hưởng dự án thoát lũ hồ Ta Rục, Sốt Hãnh
III	HUYỆN KHÁNH VINH		14.150	6.430	7.720		
I	Xã Khánh Bình		2.200	0	2.200		
a	Cơ sở vật chất văn hóa		2.200	0	2.200		
1	Xây mới nhà văn hóa và khu thể thao thôn Bà Dúi	2025	1.200		1.200	Sửa chữa nhà văn hóa, bổ trí trang thiết bị	Địa phương đề lồng ghép nguồn vốn từ Chương trình KTXH vùng ĐBĐTTTS và miễn nội để thực hiện
2	Xã Khánh Phú		2.750	1.400	1.350		
a	Giao thông		2.000	1.400	600		
1	Bổ sung hóa đường Ông Đức đi ông Tiến-khu nghỉ của các bộ ST - ông Trưởng	2025	1.000	700	300		Địa phương đề lồng ghép nguồn vốn từ Chương trình KTXH vùng ĐBĐTTTS và miễn nội để thực hiện
2	Bổ sung hóa đường từ đất ông Tuấn đi Antrun	2025	1.000	700	300		
b	AMN trường		750	0	750		Sử dụng nguồn vốn sự nghiệp để thực hiện
1	Đầu tư xe chuyên dụng thu gom rác	2025	750		750		
3	Xã Khánh Thượng		4.500	2.230	2.270		
a	Giao thông		2.200	1.540	660		
1	Đường vào khu sản xuất từ đất ông Pí Năng Quỳnh vào khu sản xuất Gia Bi	2025	1.100	770	330	Xây mới đường BTXM dài khoảng 500m, nền đường rộng 6,0 m, mặt đường rộng 3,5 m	Địa phương đề lồng ghép nguồn vốn từ Chương trình KTXH vùng ĐBĐTTTS và miễn nội để thực hiện
2	Bổ sung xi măng đường vào nghĩa địa thôn Tân Giốc	2025	1.100	770	330	Xây mới đường BTXM dài khoảng 600m, nền đường rộng 6,0 m, mặt đường rộng 3,5 m	
b	Cơ sở vật chất văn hóa		2.300	600	1.610		
1	Khu văn hóa trung tâm xã	2024	1.200	360	840	Xây dựng nhà văn hóa và các trang thiết bị như bàn ghế, đàn âm thanh,...	Ôp lại thành công trình Trung tâm Văn hóa - Thể thao trung tâm xã Khánh Thượng
2	Khu thể thao trung tâm xã	2024	1.100	330	770	Xây dựng sân vận động và các hạng mục khác như uống nước, chỗ nghỉ, ... và các hạng mục khác	
4	Xã Khánh Hiệp		2.500	1.490	1.010		
a	Giao thông		2.000	1.400	600		
1	Tuyến B13 từ tỉnh lộ BĐ đến khu sản xuất	2025	1.000	700	300	Xây mới đường BTXM dài khoảng 600m, nền đường rộng 3,0 m, mặt đường rộng 3,5 m; lắp hợp với hệ thống thoát nước	Địa phương đề lồng ghép nguồn vốn từ Chương trình KTXH vùng ĐBĐTTTS và miễn nội để thực hiện
2	Tuyến B14 từ tỉnh lộ BĐ đến khu sản xuất	2025	1.000	700	300	Xây mới đường BTXM dài khoảng 600m, nền đường rộng 3,0 m; mặt đường rộng 3,5 m; lắp hợp với hệ thống thoát nước	
b	AMN trường		500	0	500		
1	Mở rộng nghĩa trang xã (giai đoạn 2)	2025	500		500	diện tích 2000m <sup>2</sup> mua xi măng, xây tường rào	Sử dụng vốn lồng ghép
5	Xã Châu Bà		600	0	600		
a	Cơ sở vật chất văn hóa		600	0	600		
1	Nâng cấp nhà văn hóa thôn Dá Trảng	2025	300		300	Sửa chữa nhà văn hóa và bổ trí các trang thiết bị	Địa phương đề lồng ghép nguồn vốn từ Chương trình KTXH vùng ĐBĐTTTS và miễn nội để thực hiện
2	Nâng cấp nhà văn hóa thôn Dá Bàn	2025	300		300		
6	Xã Liên Sang		2.600	1.400	600		
a	Giao thông		2.000	1.400	600		
1	Đường nội đồng từ đất rẫy ông Mã Khánh đến đất rẫy ông Cao Loan	2024	2.000	1.400	600	Xây mới đường BTXM dài khoảng 1200m, nền đường rộng 6,0 m, mặt đường rộng 3,5 m	Địa phương đề lồng ghép nguồn vốn từ Chương trình KTXH vùng ĐBĐTTTS và miễn nội để thực hiện
7	Xã Khánh Trung		600	0	600		
a	Cơ sở vật chất văn hóa		600	0	600		
1	Đầu tư trang thiết bị bãi trường 3 thôn	2024	600	0	600	Hệ thống loa, bàn ghế	
IV	HUYỆN KHÁNH SƠN		2.500	0	2.500		
I	Xã Sơn Hiệp		2.500	0	2.500		
a	Cơ sở vật chất văn hóa		2.500	0	2.500		
1	Nâng cấp sửa chữa nhà đất thôn Hòn Dung xã Sơn Hiệp	2023	1.000		1.000	Sửa chữa các hạng mục tường cấp	
2	Nâng cấp nhà đất thôn Tân Giốc xã Sơn Hiệp	2023	1.500		1.500	Sửa chữa các hạng mục tường cấp	





Phụ lục 03:

**LIỆT KÊ CÁC CÔNG TRÌNH ĐƯA RA KHỎI NGHỊ QUYẾT SỐ 27/NQ-HĐND NGÀY 21/7/2023 CỦA HĐND TỈNH**  
(theo Nghị quyết số 04/NQ-HĐND ngày 28 tháng 3 năm 2024 của HĐND tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Năm thực hiện	TMBT	NS cấp tỉnh	NS cấp huyện, xã và các nguồn vốn hợp pháp khác	Quy mô đầu tư	Chi chú	
I		38.590	16.183	14.487			
1		7.100	4.990	2.410			
a		900	630	270			
		900	630	270			
1	Đài truyền thanh xã Ninh Sơn	2024	900	630	270	Khoảng 30 cụm loa	Chuyển sang nguồn sự nghiệp kinh tế chi thường xuyên
2		2.600	1.820	780			
a		2.600	1.820	780			
1	Đường tuyến 1800 từ nhà Ông Phú đến suối Nhom	2024	600	420	180	Dài 250m, mặt đường 3,5m, nền 5m, bề mặt 0,75m	Đã đầu tư bằng nguồn vốn khác; đưa công trình tương ứng tại NQ 62 ra khỏi chi thường đầu tư Chương trình NTM
1	Trần từ nhà Ông Hà Ngọc Chung đến suối Bò Đồi	2024	1.000	700	300	Hiện trạng đường đất, đầu tư BTXM kết cấu BTXM M&B bề rộng 3,5m, dày 18cm	Chuyển đầu tư toàn tuyến kết cấu, cần nhân kinh phí để xuất đưa ra để đảm bảo khả năng đối ứng vốn, đưa công trình tương ứng tại NQ 62 ra khỏi chi thường đầu tư Chương trình NTM
1	Đường BTXM tuyến 1 đất Ông Quang đến đất Ông Hồn	2024	1.000	700	300	L.khoảng 400m, mặt BTXM 3,5m dày 18cm	Đã đầu tư bằng nguồn vốn khác; đưa công trình tương ứng tại NQ 62 ra khỏi chi thường đầu tư Chương trình NTM
3		600	420	180			
a		600	420	180			
1	Lắp đặt wifi tại các điểm công cộng	2024	110	70	30	Lắp đặt wifi tại các điểm công cộng, Trung tâm văn hoá- thể thao, 02 thôn	Chuyển sang nguồn sự nghiệp kinh tế chi thường xuyên
2	Nâng cấp hệ thống đài truyền thanh xã	2024	510	350	150	Nâng cấp hệ thống đài truyền thanh xã	Chuyển sang nguồn sự nghiệp kinh tế chi thường xuyên
4		1.000	700	300			
a		1.000	700	300			
1	Kênh mương BTXM N12B nhánh 2	2024	1.000	700	300	BTXM, chiều dài L = 500m, rộng 0,6m	Đã góp với công trình Kênh mương BTXM N12B nhánh 1
5		2.000	1.120	880			
a		2.000	1.120	880			
1	Xây dựng tường rào chắn, hệ thống cấp thoát nước Hợp tác xã nuôi trồng thủy sản Ninh Phú	2024	2.000	1.120	880		Đưa công trình tương ứng tại NQ 62 ra khỏi chi thường đầu tư Chương trình NTM
II		17.200	7.640	9.560			
1		4.800	5.120	3.680			
a		1.200	840	360			
	Đường giao thông trục nội đồng Suối Lâu	2024	1.200	840	360		Sử dụng vốn duy: tu, bảo dưỡng
b		3.000	3.500	1.500			
	Thủy lợi và phòng chống thiên tai	2024	5.000	3.500	1.500		Sử dụng nguồn vốn khác
	Hệ thống thoát nước phòng chống thiên tai: Kênh thoát tại lò Đống Cam và đống Cày Mè	2024	5.000	3.500	1.500		
c		2.600	780	1.820			
	Trường học	2024	2.600	780	1.820		Đã sử dụng vốn lồng ghép
	Xây mới 4 phòng đọc Tân Xương, xây phòng hành chính, xây nhà vệ sinh nhân viên	2024	2.600	780	1.820		
2		4.400	2.520	5.880			
a		8.400	2.520	5.880			
1	Xây mới trường mẫu giáo Hòa Mi	2023	8.400	2.520	5.880	Gồm 4 phòng học, nhà hành chính, bếp ăn, trường rào, sân trường	Danh mục công trình đã có trong NQ 131/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của HĐND tỉnh
III		900	0	900			
1		900	0	900			
a		900	0	900			
	Cư sở vật chất văn hoá	2024	900	0	900		Chuyển sang nguồn sự nghiệp kinh tế chi thường xuyên
	Mua sắm trang thiết bị, dụng cụ thể thao ngoài trời cho 03 điểm nhà văn hóa thôn	2024	900	0	900		
IV		5.390	3.773	1.617			
1		2.900	1.400	600			
a		2.000	1.400	600			
1		2023	1.000	700	300		Địa phương đã bố trí từ nguồn vốn lồng ghép; đưa công trình tương ứng tại NQ 62 ra khỏi chi thường đầu tư Chương trình NTM
	Bổ sung bê tông đường từ đất Ông Kiểu Văn đến Hương lộ 62	2023	1.000	700	300		
1		2023	1.000	700	300		Địa phương đã bố trí từ nguồn vốn lồng ghép; đưa công trình tương ứng tại NQ 62 ra khỏi chi thường đầu tư Chương trình NTM
	Bổ sung bê tông đường nội đồng giai đoạn 2	2023	1.000	700	300		
2		1.190	833	357			
a		1.190	833	357			
1		2023	1.190	833	357		Địa phương đã bố trí vốn lồng ghép; đưa công trình tương ứng tại NQ 62 ra khỏi chi thường đầu tư Chương trình NTM
	Đường vào khu sản xuất từ đất Ông Pi Năng Đa Mạnh đến đất Ông Vu	2023	1.190	833	357	Xây mới đường BTXM dài khoảng 500m, nền đường rộng 6,0 m, mặt đường rộng 3,5 m	
3		2.200	1.540	660			
a		2.200	1.540	660			
1		2024	2.200	1.540	660		Địa phương đã bố trí vốn lồng ghép; đưa công trình tương ứng tại NQ 62 ra khỏi chi thường đầu tư Chương trình NTM
	Đường vào khu sản xuất Suối nhỏ	2024	2.200	1.540	660	Xây mới đường BTXM dài khoảng 1200m, nền đường rộng 6,0 m, mặt đường rộng 3,5 m	







































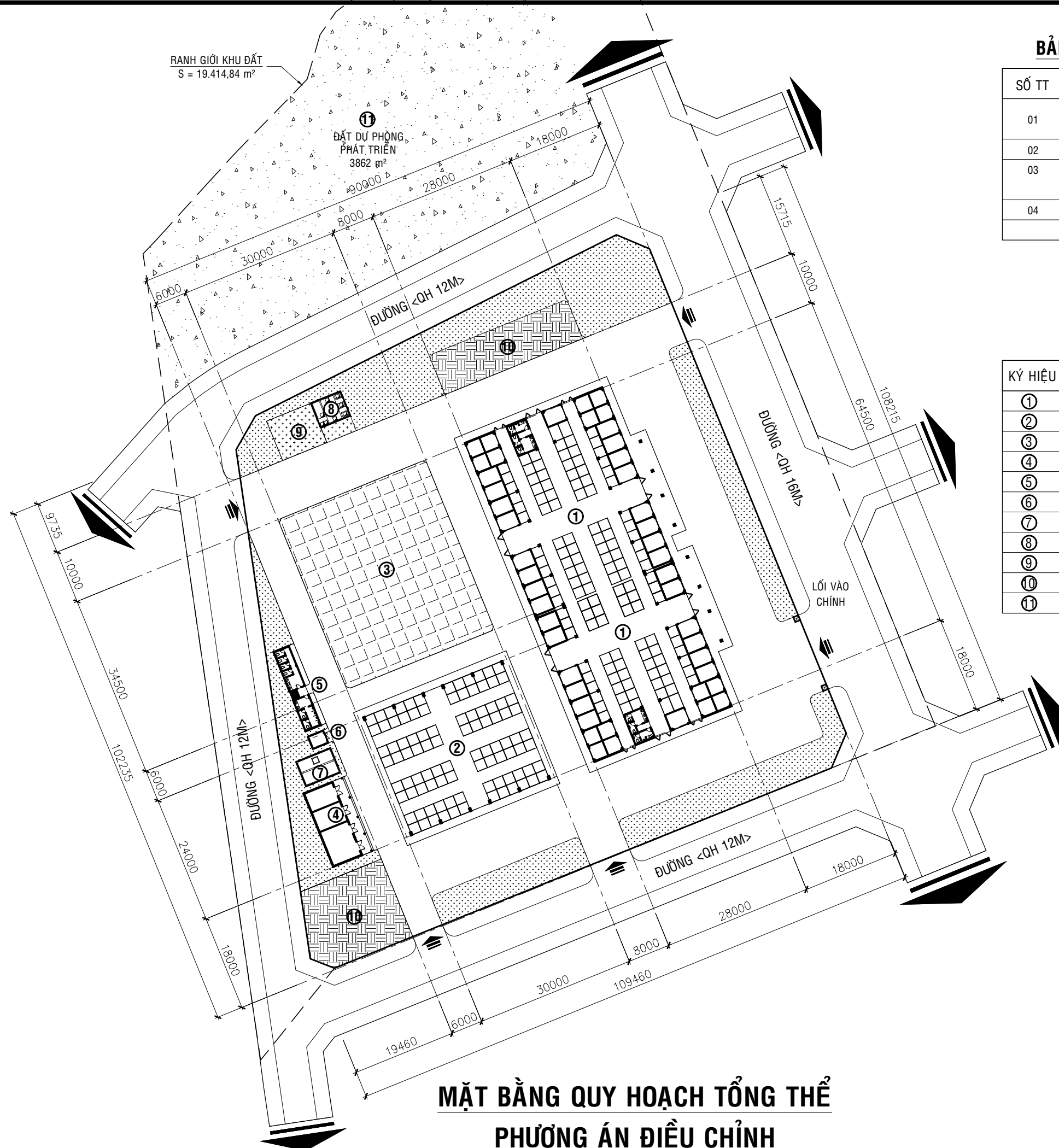
Phụ lục 08



**VĂN SỰ NGHIỆP KINH TẾ BỔ SUNG CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI**  
(Kèm theo Nghị quyết số 04 /NQ-HĐND ngày 18 tháng 5 năm 2024 của HĐND tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

Stt	Nội dung	Kinh phí	Ghi chú
<b>TỔNG CỘNG</b>			
1	Chi nâng cao chất lượng đào tạo nghề trên địa bàn toàn tỉnh	47.380	Điều 95 Thông tư 55/2023/TT-BTC ngày 15/8/2023 của Bộ Tài chính
2	Chi hỗ trợ điều tra số liệu nông thôn mới phục vụ đánh giá, xét công nhận đạt chuẩn	14.000	Khoản 7 Điều 4 Thông tư 55/2023/TT-BTC ngày 15/8/2023 của Bộ Tài chính
3	Chi hỗ trợ cho hệ thống thông tin và truyền thông cơ sở; chi nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở	2.000	Điều 82, Điều 100 Thông tư 55/2023/TT-BTC ngày 15/8/2023 của Bộ Tài chính
4	Chi nâng cao chất lượng môi trường; xây dựng cảnh quan nông thôn sáng - xanh - sạch - đẹp; an toàn; giữ gìn và khôi phục cảnh quan truyền thống nông thôn	7.500	Điều 103, Điều 106 Thông tư 55/2023/TT-BTC ngày 15/8/2023 của Bộ Tài chính
5	Chi hỗ trợ các Chương trình chuyên đề của Chương trình nông thôn mới gồm: Chương trình khoa học công nghệ trong xây dựng nông thôn mới (Điều 93 TT 55); Chương trình phát triển du lịch nông thôn trong xây dựng nông thôn mới (Điều 94 TT 55), Chương trình tăng cường bảo vệ môi trường, an toàn thực phẩm và cấp nước sạch nông thôn (Điều 108 TT55), Chương trình Chuyển đổi số trong xây dựng nông thôn mới, hướng tới nông thôn mới thông minh giai đoạn 2021-2025 (Điều 111 TT55), Nâng cao chất lượng, hiệu quả thực hiện tiêu chí an ninh, trật tự trong xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 (Điều 120 TT 55) và các nội dung khác tại Thông tư 55/2023/TT-BTC	3.000	Các Điều 93,94,108,111,120 Thông tư 55/2023/TT-BTC ngày 15/8/2023 của Bộ Tài chính



**BẢNG TỶ LỆ DIỆN TÍCH ĐẤT XÂY DỰNG**

SỐ TT	HẠNG MỤC CÔNG TRÌNH	DIỆN TÍCH	MẬT ĐỘ XD
01	DIỆN TÍCH CÁC HẠNG MỤC XD CÔNG TRÌNH CÓ MÁI CHE	2762 m2	27,09 %
02	DT SÂN CHỢ NGOÀI TRỜI	1034 m2	10,14 %
03	DT ĐƯỜNG NỘI BỘ, SÂN BÃI, HẠ TẦNG KỸ THUẬT	4682,1 m2	45,93 %
04	DT CÂY XANH, ĐẤT DỰ PHÒNG	1717 m2	16,84 %
	<b>TỔNG DIỆN TÍCH KHU ĐẤT</b>	<b>10195,1 m2</b>	<b>100 %</b>

**BẢNG THỐNG KÊ DIỆN TÍCH CÁC HẠNG MỤC XÂY DỰNG**

KÝ HIỆU	HẠNG MỤC XÂY DỰNG	DIỆN TÍCH	SỐ TẦNG
①	NHÀ LỒNG CHÍNH (176 ĐIỂM KD)	1940 m2	01
②	NHÀ LỒNG PHỤ (96 ĐIỂM KD)	672 m2	01
③	SÂN CHỢ NGOÀI TRỜI	1034 m2	-
④	NHÀ QUẢN LÝ, ĐIỀU HÀNH	90 m2	01
⑤	NHÀ VỆ SINH CÔNG CỘNG	52 m2	01
⑥	NHÀ ĐẶT MÁY BƠM PCCC	8 m2	01
⑦	BỂ NƯỚC PCCC 50m3	35 m2	-
⑧	KHU XỬ LÝ NƯỚC THẢI	30 m2	-
⑨	BÃI THU GOM CHẤT THẢI RẮN	90 m2	-
⑩	BÃI ĐỂ XE 1; 2	509 m2	-
⑪	ĐẤT DỰ PHÒNG PHÁT TRIỂN	3862 m2	-

**MẶT BẰNG QUY HOẠCH TỔNG THỂ  
PHƯƠNG ÁN ĐIỀU CHỈNH**